

Ngô gia văn phái

Hoàng Lê nhất thống chí

Hồi thứ nhất

**Đặng Tuyên Phi được yêu cầu, đứng đầu hậu cung
Vương Thế Tử bị truất ngôi, ra ở nhà kín**

Triều Lê Trang tông Dụ hoàng đế (Tức Lê Trang Tông, tên là Duy Ninh (1533-1548). Các chú thích từ đây trở đi đều của người dịch) trung hưng cơ nghiệp ở sông Tats Mã (Tức sông Mã ở Thanh Hoá). Bấy giờ Thế tổ Minh khang thái vương Trịnh Kiểm làm phụ chính, giúp vua dẹp yên được đảng họ Mạc và trở lại kinh đô cũ. Rồi từ đó, họ Trịnh đời đời kế tiếp tước vương, nắm giữ hết quyền bính trong tay, hoàng gia mỗi ngày một suy yếu dần.

Truyền đến đời Hiến tông Vĩnh hoàng đế, niên hiệu Cảnh hưng (1740-1786), thì Thánh tổ Thịnh vương (Tức Trịnh Sâm, mới lên ngôi chúa) chuyên quyền cậy thế, làm oai làm phúc; vua Lê chỉ còn biết chấp tay rủ áo mà thôi.

Stịnh vương là người cứng rắn, thông minh, quyết đoán sáng suốt, trí tuệ hơn người, có đủ tài về văn lẫn võ, đã xem khắp kinh sử, biết làm văn làm thơ. Sau khi Thịnh vương lên nối ngôi chúa, từ kỳ cương trong triều đến chính trị trong nước, hết thảy đều được sửa đổi; bao nhiêu tướng giặc, đảng nghịch, đều lần lượt bị dẹp tan, Chúa có cái chí muốn làm bá chủ, nào diệt giặc Trấn Ninh, nào phá bọn Công Chấn [đây là hai cuộc khởi nghĩa nông dân lớn ở thế kỷ 18. Cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật ở vùng Thanh-Nghệ, lấy Trấn Ninh làm căn cứ, kéo dài 32 năm (1738-1770). Cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chấn ở vùng Sơn Nam và Tây Bắc, kéo dài 30 năm (1739-1769)], quân nhà chúa đã đến, không chỗ nào là không thắng. Lúc đó bốn phương yên ổn, kho dựn đầy đủ, chúa dần dần sinh bụng kiêu căng, xa xỉ, phi tần thị nữ kén vào rất nhiều, mặc ý vui chơi thoải thích.

Một hôm, tiếp dư (Một cặp bức của vợ vua, dưới bậc phi) Trần Thị Vĩnh sai nữ tỳ Đặng Thị Huệ bưng một khay hoa đến trước nơi chúa ngồi. ả họ Đặng này, quê ở làng Phù Đồng, mắt phượng mày ngài, vẻ người mười phần xinh đẹp. Chúa nom thấy rất bằng lòng, bèn tư thông với ả.

Từ đó, Thị Huệ càng ngày càng được nhà chúa yêu quý, ả nói gì chúa cũng nghe và hễ có việc gì là chúa cũng bàn với ả. Rồi ả được ở chung một nơi với chúa, y như một cặp vợ chồng nhà thường dân. Xe kiệu, quần áo của ả cũng đều được sắm sửa hết như đồ dùng của chúa.

Thị Huệ từ lúc được nhà chúa chiều chuộng, hơi có vẻ lộng hành. Hễ có chuyện gì không vừa ý, là ả xây xẩm mặt mày, rồi kêu khóc thảm thiết để làm rối lòng chúa.

Chúa có một viên ngọc dạ quang, lấy được trong khi đánh dẹp phương Nam, vẫn xâu ở trên đầu khăn làm đồ trang sức. Một hôm Thị Huệ lấy tay mân mê viên ngọc. Chúa nói:

- Nhẹ nhẹ tay chứ, đừng làm ngọc sây sát!

Thị Huệ bèn ném viên ngọc xuống đất mà khóc rằng:

- Làm gì cái hạt ngọc này! Chẳng qua vào Quảng Nam kiếm giả chúa hạt khác là cùng. Sao chúa nỡ trọng của khinh người như vậy?

Rồi ả tự ý bỏ ra ở cung khác, từ chối không gặp chúa nữa. Chúa phải dùng nhiều cách dỗ dành cho ả vui lòng, lúc ấy ả mới chịu làm lành với chúa.

Kịp đến khi Thị Huệ có mang, chúa liền sai người đi lễ khắp trăm thần để cầu sinh con thánh. Đến kỳ, ả sinh được một trai, vào năm Đinh Dậu, niên hiệu Cảnh hưng 38 (1777). Chúa hết sức yêu mến đứa bé, lúc đầy trăm ngày, chúa lấy tên của mình lúc nhỏ là Cán mà đặt cho nó, để tỏ ra nó cũng giống mình.

Khoa thi hương năm ấy, chúa lấy hai câu: "Sơn xuyên anh dục, hà hải tú chung" (Nghĩa là: "Khí thiêng của sông núi tụ lại, sự tốt đẹp của hồ biển đúc nên", ý muốn chỉ về Trịnh Cán), để làm đề thi. Các quan văn võ đưa đón ý chúa, cũng có nhiều kẻ lấy chữ: "Tinh huy hải nhuận" (nghĩa là: "Sao sáng, biển hoà" tức là điềm sinh ra bậc thánh) làm câu chúc mừng.

Lúc vương tử Cán đầy tuổi tôi, cốt cách tướng mạo khôi ngô, đầy đà, khác hẳn người thường. Đến khi biết nói, vương tử Cán đối đáp gãy gọn, cử chỉ không khác gì người lớn. Mỗi khi các quan văn võ vào thăm, vương tử tiếp đón với dáng bộ nghiêm chỉnh. Có người cách hàng năm mới gặp, vương tử cũng vẫn nhớ rõ họ, tên, kể lại chuyện cũ vanh vách. Chúa sai quan từ hàn làm bài tụng 16 chữ, để viên a bảo (viên quan trông nom việc nuôi nấng, dạy dỗ con cái của vua chúa) dạy truyền miệng cho vương tử. Vương tử chỉ nghe qua một lượt là đọc thuộc liền. Thấy vậy chúa càng quý vương tử Cán bội phần.

Cũng do đó, Thị Huệ mới ngầm có ý muốn cướp ngôi thế tử.

Lại nói, lúc ấy chúa đã có thế tử là Trịnh Tông (sau đổi là Trịnh Khải), do thái phi họ Dương đẻ ra. Thái phi tên là Ngọc Hoan, người ở làng Long Phúc, huyện Thạch Hà. Chị nàng là cung tần của Ân vương (cha Thịnh vương, tức là Trịnh Doanh), sinh ra Thụy quận công, được Ân vương hết sức yêu quý. Nhờ chị, thái phi được kén vào làm cung tần của Thịnh vương. Nhưng từ sau khi vào cung, nàng vẫn ngày đêm sống cô quạnh. Bỗng một đêm, nàng nằm mơ thấy vị thần đem cho tấm đoạn có vẽ đầu rồng. Nàng không hiểu đó là điềm gì, đem hỏi viên quan hầu là Khê trung hầu. Khê trung hầu biết chắc là điềm sinh thánh.

Hôm sau, chúa cho vời cung tần Ngọc Khoan vào hầu. Khê trung hầu cố ý giả làm nghe lầm, đưa ngay thái phi Ngọc Hoan đến. Thấy nàng, chúa có vẻ không thích, nhưng đã chót gọi đến, không nỡ đuổi ra. Sau đó chúa đòi Khê trung hầu vào trách mắng. Khê trung hầu cúi đầu tạ tội, đoạn thuật rõ đầu đuôi chuyện thái phi nằm mơ cho chúa nghe. Chúa cũng nín lặng không nói sao cả.

Thái phi trải qua một trận mưa móc, liền có thai ngay. Đến kỳ, nàng sinh ra một trai. Năm Quý-mùi, Cảnh hưng 24 (1763).

Chúa tự nghĩ đầu rồng tuy có khí tượng làm vua, nhưng là rồng vẽ không phải rồng thật, mà lại chỉ có đầu không có đuôi, như vậy chưa hẳn đã là điềm tốt cả. Và lại ở triều trước, Trịnh Cối, Trịnh Lệ (Trịnh Cối là con Trịnh Kiêm, Trịnh Lệ là con Trịnh Doanh. Hai người này đều mưu đồ giành ngôi chúa, nhưng đều thất bại) cũng do người Long Phúc đẻ ra và đều mưu sự phản nghịch mà không thành.

Do đó, chúa có ý không vui. Các quan văn võ vào chúc mừng, chúa lấy cớ rằng đứa con ấy không phải là vạ cả đẻ ra, từ chối không nhận lời mừng.

Khi thế tử Tông đã lớn, dung mạo rất khôi ngô mà chúa cũng chẳng yêu chiều gì mấy.

Tính thế tử ham võ nghệ, không thích học hành. Năm lên bảy tuổi, chúa sai Nguyễn Khả (Nguyễn Khả là con Nguyễn Nghiễm, người huyện Nghi Xuân Nghệ Tĩnh có sách chép là Nguyễn Lệ) tiến sĩ khoa Canh-thìn (1760), làm tả tư giảng, và Trần Thản, tiến sĩ khoa Kỷ-sửu (1769), làm hữu tư giảng để rèn tập cho thế tử. Nhưng chẳng bao lâu, Thản chết. Còn Khả thì đang được chúa tin dùng, phải quán xuyến mọi công việc trong ngoài, nên cũng không mấy khi đến được chốn "màn giảng", chỉ có năm sáu viên tùy giảng bảo ban việc học cho thế tử theo như nếp cũ mà thôi. Chuyện đó chúa cũng có biết phần nào, nên lại càng không bằng lòng.

Theo lệ cũ, người con trai nối ngôi chúa hể đến mười hai tuổi thì phải ra ở Đông cung. Bấy giờ các quan cũng có tâu trình việc ấy; song chúa không cho, bắt thế tử phải đến ở tại nhà riêng của quan a bảo là Hân quận công (Nguyễn Đĩnh). Như vậy, ngôi đông cung vẫn bỏ trống, như có ý chờ đợi người khác.

Đến năm thế tử mười lăm tuổi, thì con nhỏ là vương tử Cán ra đời, chúa hết sức yêu dấu đưa con nhỏ đó. Ba năm sau, thế tử đúng mười tám tuổi. Theo lệ cũ, thế tử đáng được mở phủ riêng; nhưng bấy giờ các quan chẳng ai dám tâu bày, mà chúa cũng không hề nhắc tới việc ấy.

Như thế là người nối ngôi vẫn chưa định, nên lòng người rất phân vân. Hể ai thuộc về thế tử Tông thì hòa theo thế tử Tông, ai thuộc đảng Thị Huệ thì vào phe vương tử Cán. Trong phủ chúa dần dần sinh ra bè nọ cánh kia.

Thị Huệ cho rằng thế tử Tông đã khôn lớn, lông cánh đã đủ; mà con mình hãy còn trứng nước, nên càng mưu mô để gây thêm thế lực.

Khi ấy Huy quận công Hoàng Tô Lý (nguyên trước là Hoàng Đăng Bảo) đang có danh vọng lớn, thường dựa vào sự giúp đỡ của Thị Huệ; mà Thị Huệ thường cũng lấy quận Huy làm chỗ nhờ cậy bên ngoài. Quận Huy người làng Phụng Công, là cháu Bình Nam thượng tướng quân Việp quận công là Hoàng Ngũ Phúc, về người thanh dật, là tay văn võ toàn tài. Khoa thi hương năm ất-dậu (1765), Huy đi thi được trúng cách; đến khoa thi võ năm Bính-tuất (1766) Huy lại đỗ luôn tạo sĩ. Hồi ấy Ân vương còn đang trọng dụng quận Việp, mới gả con gái thứ cho quận Huy.

Uy quyền quận Việp mỗi ngày một lớn. Có người ngờ sẽ xảy ra điều gì bất trắc, hoặc cũng có kẻ bảo quận Việp sắp lấy thiên hạ để truyền cho quận Huy. Căn cứ vào lời sấm hồi ấy có câu: "Nhất thi trực quần dương". (Một con lợn đuôi đàn dê); có kẻ tán rằng: Thi tức là quận Huy, bởi vì quận Huy tuổi Hợi (thuộc lợn), mà dương đây chỉ vào chúa và thế tử, vì cả hai đều tuổi Mùi (thuộc dê). Rồi những kẻ hiểu sự lại còn đặt ra câu sấm: "Thảo nhất điền bát" (Cỏ một, ruộng tám) để chỉ vào chữ Hoàng (thảo nhất điền bát chấp lại thành chữ Hoàng chỉ Hoàng Ngũ Phúc). Có kẻ lại nói: "Thổ sắt vân gian nguyệt, hoàng hoa ánh nhật hương". (Mảnh đất sánh trắng trong mây; hoa cúc ánh hương mặt trời). Thổ, sắt, nguyệt là chữ tế (chữ tế nghĩa là con rể, chỉ quận Huy). Hoàng, hoa, nhật là chữ Việp (Chữ Việp gồm chữ hoa và chữ nhật, còn chữ Hoàng là họ Hoàng), chỉ quận Việp. Thêm nữa, tên cũ của quận Huy là Đăng Bảo (Có nghĩa là: lên ngôi báu) người ta cũng lấy đó để di nghị. Vì vậy quận Việp muốn tránh sự hiềm nghi ấy mới bảo quận Huy đổi tên Đăng Bảo ra Tô Lý.

Sau quận Việp lấy có mắc bệnh đau mắt để xin từ chức, chuyện ấy chẳng nhắc làm gì nữa.

Lại nói năm Giáp-ngọ (1774), quận Việp phụng mệnh kéo quân vào đánh trong Nam, có đem quận Huy đi theo. Quận Huy vốn đã học được phép dùng binh gia truyền của quận Việp, nên được các tướng tá rất sợ phục. Huy lại khéo cắt đặt nhân tài, nên các tay hào kiệt đều vui lòng chịu sai khiến. Huy có công luôn luôn phá được quân địch, tiếng tăm mỗi ngày một lẫy lừng. Khi dẹp yên được xứ Thuận Hoá thì quận Việp qua đời. Chúa bèn giao luôn cho quận Huy quản lĩnh sổ quân của quận Việp, và cho làm trấn thủ Nghệ An.

Đóng ở trấn Nghệ An. Huy ra sức tiêu diệt trộm cướp, cấm đồi tiền (đổi tiền đẹp để tích trữ, làm cho tiền khan hiếm), trấn áp cường hào, ngăn chặn việc kiện cáo, làm cho trong hạt rất thịnh vượng, Huy lại thu dụng những kẻ anh tài, đặt ra nhiều chức liêu thuộc. Dưới trướng ông ta có những tên như tả, hữu tham quân chẳng hạn. Thế là thiên hạ lại ồn ào lên, đồn rằng quận Huy sắp sửa làm phản.

Chúa nghe tiếng, ngày ngày cùng viên triều thần tin cẩn là Nguyễn Khản và quan thế tử a bảo Hân quận công Nguyễn Đĩnh bàn cách giết Huy. Trong lúc bàn bạc, ba người vẫn dùng tiếng lóng "chữ thập" để chỉ quận Huy. Vì chữ thập cũng na ná chữ nghệ (chữ thập xoay chéo thành chữ nghệ viết tắt) là trấn Nghệ An, nơi quận Huy đóng quân.

Họ thường đuổi mọi người đi để bí mật bàn bạc, chỉ có Thị Huệ là biết được.

Công chúa vợ quận Huy, ngày đêm ra vào trong phủ luồn lọt Thị Huệ; Thị Huệ mới đem việc kín nói cho công chúa nghe. Quận Huy trong dạ không yên, dâng thư xin về triều. Chúa cho phép ngay.

Huy nghĩ rằng Thị Huệ tuy được chúa yêu, nhưng con trai của Thị Huệ còn nhỏ, trong khi đó thế tử đã lớn rồi, hòa theo Thị Huệ e không phải là kế lâu bền. Vì vậy, sau khi đã vào hầu chúa, Huy liền lấy châu báu đút lót cho những kẻ chân tay của thế tử, để xin nương tựa vào thế tử. Rồi Huy lại đem một trăm lạng vàng và mười tấm đoạn Nam Kinh làm lễ yết kiến, để xin vào ra mắt thế tử. Nhưng thế tử không nhận đồ lễ, cũng không cho vào gặp, nói riêng với bọn hầu cận rằng:

Thằng giặc ấy sao không ở trấn làm phản, mà lại vội về triều? Rồi đây ta sẽ tịch thu hết cả gia sản nhà nó, cần gì đồ lễ của nó bây giờ!

Quận Huy biết thế tử không dung mình, bèn quyết ý hòa theo Thị Huệ và âm thầm có chí phế lập.

Huy đem dâng ngôi nhà cũ của quận Việp cho vương tử Cán làm dinh thự. Từ đó, Huy thành ra người riêng của Thị Huệ. Mà trước mặt chúa, Thị Huệ cũng hết sức bao che cho Huy. Do đó, quận Huy được vào chính phủ (phủ của chúa Trịnh để phân biệt với triều đình của vua Lê) mở dinh quân Trung nhuệ, coi việc trong phủ, đồng thời kiêm lĩnh chức trấn thủ trấn Sơn Nam (địa bàn của Sơn Nam thời Lê gồm: Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình), Quận Huy và Thị Huệ, trong ngoài liên kết với nhau, thế lực nghiêng cả thiên hạ. Các viên quan võ như chức cai cơ, trấn thủ, đều do cửa của họ mà ra. Lúc ấy, duy chỉ có Hồng lĩnh hầu Nguyễn Khản, trấn thủ Sơn Tây hiện đang làm tả tư giảng cho thế tử, và Tuần sinh hầu Nguyễn Khắc Tuấn, trấn thủ Kinh Bắc tức con nuôi của Hân quận công, hiện đang làm a bảo cho thế tử, là còn dám có ý kia khác với quận Huy mà thôi. Như vậy là cái thế bè đảng đã thành rồi.

Lại nói, từ khi vương tử Cán sinh ra, thế tử Tông có ý rất tức bực, chỉ sợ mình không được lập làm chúa. Thế tử cùng với bọn gia thân là mấy tên hầu Thê Thọ, Thẩm Thọ... nho sinh Đàm Xuân Thụ và tên xuất thân tạp lưu (là hạng thư lại không đỗ đạt gì, không do chính ngạch mà ra) Vĩnh Vũ, ngày đêm bàn mưu, lo lắng không biết nên làm thế nào.

Vừa lúc đó, chứng bệnh cũ của chúa lại phát, bệnh tình rất nguy kịch. Một đêm thế tử bỗng mơ thấy mình mặc áo châu chàm, đội mũ chữ đình, đứng ở phủ đường. Sáng mai thế tử kể lại với bọn gia thân và nói:

- Ta mơ như vậy là điềm có tang, trong cung nay mai chắc sẽ có biến; ta phải sớm lo liệu trước mới được.

Bọn tôi tớ ấy liền khuyên thế tử nên ngầm ngầm sắm sửa binh khí, chiêu mộ dũng sĩ; một mai trong cung xảy ra chuyện chẳng lành, thì cứ việc đóng chặt cổng thành, giết quận Huy, và bắt giữ cả hai mẹ con Thị Huệ, khiến vương tử Cán không thể lên ngôi chúa. Mặt khác báo cho hai trấn Tây, Bắc (Sơn Tây, Kinh Bắc) đem quân vào kinh, bắt ép các đại thần để dựng thế tử lên ngôi chúa.

Thế tử nghe theo và phao lên rằng mình sắp được lệnh đem quân vào đánh miền Nam. Rồi thế tử lại sai người báo ngầm cho Khê trung hầu, giao một ngàn lạng bạc cho nho sinh Đàm Xuân Thụ để Thụ phân phát cho bọn tay chân đi mua sắm vũ khí. Tiếp đó, thế tử mật báo cho các viên trấn thủ ở hai trấn Tây, Bắc, chiêu tập dũng sĩ.

Thế tử cất đặt xong thì bệnh của chúa cũng vừa khỏi, việc ấy bị tiết lộ. Hồi đó, có Nguyễn Huy Bá người ở Gia Lâm (làng Phú Thị, huyện Gia Lâm) tính tình nham hiểm, giáo hoạt, thường vẫn quen thói tổ giặc kẻ khác để kiếm quan chức. Năm trước, chính vì Bá đã tố cáo âm mưu nổi loạn của Nguyễn Huy Cơ và Thụy quận công (Thụy quận công tức Trịnh Lệ con Trịnh Doanh, định giành ngôi chúa với Trịnh Sâm) mà y được làm chức tham nghị ở trấn Sơn Nam, dần dà, y ngoi lên chức tiến triều (những người không đỗ tiến sĩ mà được làm quan ở sáu bộ thì gọi là tiến triều), rồi lại thăng tới chức đốc đồng ở trấn Thái Nguyên. Lúc này vì có lỗi bị cách chức, y đang nóng lòng mong lại được ra làm quan. Y bèn sai con dâu cả vào làm đầy tớ cho Thị Huệ; rồi thường nhặt nhạnh những chuyện chơi bời đùa nghịch của Tông, xui con dâu kể lại cho Thị Huệ để nịnh nọt, lấy lòng. Mặt khác, y lại ngầm sai người nhà tin cậy tới làm bộ hạ

của hai viên trấn quan Tây, Bắc để dò xét tình hình. Đến lúc ấy, y đã nắm được phần nào sự việc của bọn này, liền vào báo với Thị Huệ.

Thị Huệ đem việc đó bàn với quận Huy. Huy bảo Huy Bá viết bức thư kín, rồi Huy tự bỏ vào trong tay áo, đi đến phủ chúa, đuổi hết những người chung quanh, đem thư ra trình chúa.

Chúa xem xong, cả giận, định sai người giao xuống trị tội tức khắc. Quận Huy can rằng:

- Thế tử quả là có lỗi, nhưng sở dĩ thế tử dám làm chuyện to lớn như thế chính là do hai viên trấn thủ Tây, Bắc chủ mưu. Nay hai viên ấy hãy còn cầm quyền ở ngoài, nếu vội vã trừng trị thế tử, e sẽ có biến khác. Chẳng thà trước hết hãy gọi hai viên ấy về triều, giam cả ở trong phủ, rồi bây giờ hãy tuyên bố tội trạng và trừng trị một thế.

Chúa cho là phải. Hôm sau chúa đòi thế tử vào cung, vờ quở mắng về việc xao nhãng học hành, rồi bắt thế tử phải đến ở trong một ngôi nhà ba gian trong Trạch các. Lại sai tiến sĩ khoa Bính-tuất (1766) là Nguyễn Quynh làm tả tư giảng, và tiến sĩ khoa Mậu-tuất (1778) là Nguyễn Đích làm hữu tư giảng. Rồi sau đó chúa cho đòi hai viên trấn thủ Tây, Bắc về triều; bữa ấy nhằm ngày 15 tháng 8 năm Canh tý niên hiệu Cảnh hưng (1780).

Lại nói, lúc ấy ở trấn Kinh Bắc (địa bàn Kinh Bắc gồm: Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên) có viên đốc đồng là Ngô Thì Nhậm (người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, con Ngô Thì Sĩ, sau làm quan với Tây Sơn), tiến sĩ khoa át-mùi (1775) vốn là gia thần và tùy-giảng của thế tử, thường vẫn rất ăn ý với trấn thủ Thuận sinh hầu (Nguyễn Khắc Tuấn). Về phía Tuấn, không việc gì là không bàn với Nhậm, duy chỉ có việc âm mưu của thế tử là Tuấn không hề nói đến. Trước đó mấy ngày, Sơn Thọ (có sách chép Hà Như Sơn) là gia thần của thế tử, lại từng là học trò của Nhậm, được thế tử sai đến kể rõ mưu mô của thế tử cho Nhậm biết; rồi lại ngầm ra lệnh cho Nhậm phái người cật lên lên vùng Lạng Sơn mua ngựa tốt để dùng vào việc binh. Thì Nhậm hoảng sợ nói:

- Thế tử là người sẽ nối ngôi chúa, mà nước là nước của thế tử, lo gì mất ngôi mà phải lập mưu ấy? Đây ắt lại do bọn tôi tớ xúi giục. Thế tử trẻ người hăng máu, suy nghĩ chưa chín chắn, nên mới nghe theo họ. Chúa thượng là người xét đoán sáng suốt, há lại che giấu được ngài ư? E rằng tai họa sẽ xảy ra lúc nào không biết, bọn gia thần của thế tử rồi không còn đất gửi thân đâu.

Đoạn Thì Nhậm vội vã sang kể hết tình đầu cho Khắc Tuấn nghe, và khuyên Tuấn phải hoả tốc về kinh, can ngăn thế tử đừng làm việc đó, để tránh tai vạ sau này.

Khắc Tuấn không nghe, nói rằng:

- Tiểu chức này với quan lớn, chỉ biết việc tuần phòng khám xét; ngoài ra những việc không dính líu đến ta, thì không nên hé răng.

Thì Nhậm thở dài mà về.

Mấy ngày sau, quả nhiên có lệnh đòi Khắc Tuấn và Thì Nhậm. Hai người vội vàng cùng đi. Tới kinh, họ thấy trấn thủ Sơn Tây (Hồng lĩnh hầu Nguyễn Khản) và a bảo Hân quận công (Nguyễn Đĩnh) đều đã bị triệu về, còn đang ngồi đợi tội ở nhà Tả-xuyên. Khắc Tuấn xin vào điểm Quyền-bồng gặp chúa, nhưng chúa không cho vào, sai viên quan hầu là Quyền trung hầu ra trách Khắc Tuấn rằng:

- Cậu và thằng Tông đã muốn làm giặc thì cậu cứ việc ra mà sắp sẵn binh mã, đây ta đã có các tướng mạnh để đối địch với cậu!

Khắc Tuấn quay ra, gặp Thì Nhậm ở điểm Tiểu-bút, Tuấn cầm tay Nhậm than:

- Tôi thờ chúa từ khi lọt lòng đến giờ, nay chúa gọi tôi là giặc. Hôm nọ quan lớn nói chuyện tôi cứ cho làm thường, nay việc đã như thế, tính sao bây giờ?

Thì Nhậm cũng hoảng hốt chẳng biết trả lời thế nào.

Khắc Tuân liền làm tờ khai, cung khai hết những việc trước rồi nhờ Quyển trung hầu đưa vào dâng chúa. Nhưng chúa đang giận, không xem, lại sai Quyển trung hầu đem tờ khai ra xé trước mặt Khắc Tuân.

Khắc Tuân lượm lấy tờ khai bị xé ấy mà ra, nhưng sợ hãi luống cuống chẳng biết đi đường nào.

Viên trấn thủ Sơn Tây lúc ấy cũng rất lo sợ, có điều muốn nói mà không dám tự bày tỏ. Ông ta bèn cùng Khắc Tuân nói với Thì Nhậm:

Bọn tôi ở ngôi trọng yếu mà bị lời gièm pha nặng nề, bây giờ dù có nói gì, chúa cũng chẳng tin. Ngài nên đem những điều nghe thấy viết một tờ khai, đổ tội cho lũ tôi tớ, như vậy may ra bọn tôi mới khỏi bị oan, mà thế tử cũng sẽ được an toàn không việc gì.

Thì Nhậm bắt đắc dĩ phải làm theo ý hai người. Chẳng ngờ chúa nhận được tờ khai, lại càng giận dữ nói:

- Quả như lời nói của người ta không sai!

Rồi chúa sai Thì Nhậm và bọn quan hầu là Ngạn triều hầu, Đường trung hầu, án trung hầu cùng tra xét vụ án đó.

Thì Nhậm cùng bọn quan hầu định tìm cách gỡ tội cho Khắc Tuân và viên trấn thủ Sơn Tây, nhưng vì nhà có tang Nhậm phải bỏ việc quan mà về [Nhậm về chịu tang cha là Ngô Thì Sĩ. Theo Việt sử thông giám cương mục (sau đây gọi tắt là Cương mục) thì chính Nhậm hợp mưu cùng Huy Bá để tố cáo việc của Tông và Khắc Tuân. Ngô Thì Sĩ đã cố sức can mà nhậm vẫn không nghe. Sau khi nghe tin Nhậm đã phát giác việc ấy, Sĩ buồn bực, bèn uống thuốc độc tự tử. Nhậm vì có công tố giác, được thăng hữu thị lang bộ Công. Do đó, người đương thời có câu rằng: "Sát tứ phụ nhi thị lang" giết 4 người cha để làm thị lang). Bốn cha là: Sĩ, thân phụ; Tông, quân phụ; Khắc Tuân, và Xuân Hán, phụ chấp (bạn của bố). Có thuyết lại nói tứ phụ là Sĩ và Nguyễn Khản, Phương Định, Khắc Tuân ba người bạn của bố].

Chúa bèn giao cho viên đồng tham tụng là Nghĩa phái hầu Lê Quý Đôn, bảng nhãn khoa Nhâm-thân (1752) làm thay việc tra xét. Cuối cùng, nắm được hết tình hình tội trạng, chúa liền gọi các chính thần vào cung vừa khóc vừa nói:

- Quả nhân không may gặp phải thằng con bất hiếu, lũ bày tôi bất trung, chúng ngầm mưu việc phản nghịch; hình tích cũng giống như vụ Thừa Kiền, nhưng tâm địa thì tệ hơn nhiều. Việc bỏ con cả lập con thứ là bất đắc dĩ. Các ngươi cũng nên hiểu rõ bụng ta, cứ theo phép nước mà định tội chúng nó đi!

Các quan trong triều bàn rằng: mấy tên phạm tội đều nên xử tử, còn riêng về thế tử thì không dám bàn.

Lời bàn đó dâng lên, chúa cầm bút phê rằng:

"Cứ xét theo nghĩa của kinh Xuân-thu thì phải trị tội tên Tông thật nặng. Nhưng nghĩ tình cha con ruột thịt không nở như thế, vậy nên truất nó xuống làm con út, trọn đời giữ đạo làm tôi. Còn bọn các quan, thì viên trấn thủ Sơn Tây và Khê trung hầu, vốn đã theo hầu ta từ lúc chưa lên ngôi, cũng có công lao, đặc ân cho được tự liệu lấy. Riêng a bảo Hân quận công là người thật thà không tham dự và mưu đó cũng được tha tội chết, nhưng phải cách chức xuống làm dân thường".

Mệnh lệnh ban xuống, Khê trung hầu và Tuân sinh hầu đều uống thuốc độc tự tử.

Dưới trướng Tuân sinh hầu có viên văn thư là Nguyễn Quốc Trấn cũng bị tội lây với chủ, phải ghép án tử hình. Lúc sắp bị chém, Quốc Trấn quát lớn:

- Trời không có mắt, triều đình không có quan, nỡ để Quốc Trấn mắc oan.

Rồi Trấn dặn người thân thuộc để giấy bút vào tay áo mình và nói thêm:

- Sống đã không bày tỏ nỗi oan được, chết phải kiện ở âm phủ.

Mọi người nghe câu nói đó, ai cũng thương xót cảm động.

Thế tử Tông bị truất rồi, chúa bắt cứ phải ở trong ngôi nhà ba gian, cho người giám sát chặt chẽ; phạm những việc ăn uống Tông đều không được tự do. Bọn gia thần của Tông cũng không được phép ra vào thăm hỏi. Do đó, phe đảng của thế tử, mỗi người lần trốn đi mỗi nơi.

Còn phe cánh của Thị Huệ thì mỗi ngày một mạnh. Các quan lớn nhỏ không ai là không nịnh nọt, hòa theo, mà nhà chúa cũng càng trọng ả hơn trước.

Thừa dịp ấy, Thị Huệ bèn hỏi con gái chúa là công chúa Ngọc Lan cho em trai mình là Đặng Mậu Lân.

Công chúa này tên chữ là Ngọc Thuyền, là cô con gái yêu quý nhất của chúa. Nguyên chính phi họ Hoàng sinh được hai nàng công chúa. Cô lớn là công chúa Ngọc Anh, tên chữ là Ngọc Loan, đã gả cho Đương trung hầu Bùi Thế Toại, con trai cả của Đoan quận công Bùi Danh Đạt làm trấn thủ Nghệ An trước kia. Còn Ngọc Lan là cô thứ hai, chưa có chồng, được chúa rất yêu chiều.

Ngọc Lan vóc người yếu đuối, từ nhỏ vẫn ở trong cung thủy tinh, kiêng nắng, kiêng gió. Nơi Ngọc Lan ở, chúa bắt thị tỳ phải nói năng sẽ sàng để cho nàng khỏi giặt mình. Khi Ngọc Lan đã lớn, mỗi lần vào thăm chúa, chúa đều cho phép cùng ngồi với mình như lúc nàng còn bé. Phạm những điều Ngọc Lan cầu xin chúa, không có lời nào là không đất. Các quan vào hàng công thần, quý tộc, nhiều người đã tới cầu hôn, nhưng chúa chưa hứa gả cho ai. Đã có lần chúa hạ chiếu chỉ cho các quan văn võ, cùng con cháu các dòng họ công thần vào phủ để cho công chúa tự kén chọn. Chúa bảo công chúa hãy chọn được ai vừa ý thì chúa sẽ gả cho người đó. Nhưng Ngọc Lan vẫn chưa kén được ai vừa lòng.

Đến nay, Thị Huệ cầu hôn cho em trai, chúa sợ mất lòng ả ta, bắt đắc dĩ mà phải gượng nhận lời.

Lại nói, Đặng Mậu Lân này vốn là một tên hung bạo; từ khi Thị Huệ được chúa yêu dấu Lân lại càng ý vào thế chị để làm những việc can rờ. Hết thầy áo quần, xe kiệu của y, nhất nhất đều rập kiểu theo đúng như của vua chúa. Thường ngày, Lân vẫn đem theo vài chục tên tay sai, cầm gươm vác giáo đi nghênh ngang khắp kinh ấp. Hễ gặp xe kiệu, bất kỳ là của đám quan quân nào, Lân cũng đều cả khía đánh nhau làm cho họ nhục nhã, rồi lấy thế làm thích thú. Gặp đàn bà con gái giữa đường, hễ người nào trông vừa mắt, tức thì Lân sai tay chân quây màn trướng ngay tại chỗ, rồi lôi người ấy vào hiệp liến. Ai không chịu, Lân xẻo luôn đầu vú. Chồng hoặc cha kẻ bị nạn, nếu dám hé răng kêu ca, lập tức Lân sai quân vạy gãy răng, hoặc cũng có người bị đánh đến chết. Người thiên hạ sợ Lân hơn sợ beo sói.

Chúa cũng biết thế, nên tuy đã trót nhận lời gả công chúa cho Lân mà trong bụng vẫn còn có ý thương tiếc. Và lại chúa nghĩ, công chúa người yếu ớt, mảnh khảnh, không thể chịu nổi một tên đàn ông cường bạo như thế. Nên đến ngày về nhà Lân, chúa lấy cớ rằng công chúa chưa từng lên đầu lên sới, để không cho phép Lân hợp cẩn (Theo lễ xưa, đêm tân hôn vợ chồng uống chung một chén rượu, gọi là hợp cẩn). Rồi chúa sai quan a bảo cùng nhiều thị nữ đi theo để hộ vệ công chúa. Tiếp đó, chúa lại phái thêm cả viên nội sai là Sử trung hầu đến làm giám chế, không cho Lân xâm phạm tới công chúa.

Thật là:

*ái ân, cô gái không e sợ
Hoan hỉ, chàng trai lại dờ dang.*

Hồi thứ hai
Lập Điện đô, bảy quan nhận di chúc,
Giết Huy quận, ba quân phò Trịnh vương

Lại nói, Đặng Mậu Lân tuy đã lấy được công chúa Ngọc Lan, nhưng cứ mỗi lần vào với công chúa thì lại bị Sử Trung ngăn cản; vì vậy Lân hết sức tức giận, nói với Sử Trung rằng:

- Chúa bảo con gái chúa là tiên dưới trần, nhưng ta coi ra, thật không bằng con bé ở xách giày nhà ta, có quý hoá gì? Đây ta không phải ham gì nhan sắc của nó; nhưng tốn kém mất bao nhiêu tiền của mới lấy được một con vợ, nếu không ra hôn thì cũng phải vắn một trận cho nẫu như ra như bùn, để đền đắp lại sự phí tổn, rồi bây giờ sẽ tống cổ nó đi. Còn mày, mày muốn sống muốn tốt thì hãy tìm đường kiếm nỏ mà bước đi. Kẻo nữa lại kêu ta không bảo trước.

Sử Trung đáp:

- Đó là mật chỉ của chúa thượng, không phải tôi dám như vậy!

Lân nói:

- Mày thử hỏi chúa, xem chúa ở vào địa vị tao liệu chúa có nhận được không?

Sử Trung nói:

- Quan lớn đừng nên quá lời như vậy, nhà chúa không thể so sánh với người thường.

Lân nổi giận ùng ùng mà rằng:

- à, mày đem chúa để dọa tao phỏng? Chúa là cái quái gì?

Dứt lời, Lân tuốt gươm chém Sử Trung. Sử Trung chết ngay.

Giết xong Sử Trung, Lân bèn sai đóng chặt cửa dinh, ra lệnh trong không được ra, ngoài không được vào, định ngầm thủ tiêu cái thầy Sử Trung.

Ngọc Lan nghe chuyện, sợ quá, lập tức bảo một thị nữ chui qua một lỗ hờ nhỏ chạy về phủ chúa báo tin.

Chúa cả giận, sai viên quan hầu đốc thúc một toán lính đến bắt Lân.

Lân cầm gươm lăm lăm, đứng trước cửa dọa:

- Đứa nào muốn chết thì cứ vào đây!

Chúa lại phải sai quận Huy đem quân vây bắt Lân, giải về phủ, giao cho triều đình xử tội. Các quan đều nói tội giết sứ giả đáng bêu đầu.

Thị Huệ nghe tin, khóc lóc xin chết thay em. Chúa bắt đắc dĩ phải tha cho Lân tội chết và giảm xuống thành tội đi đày ở châu xa.

Lại nói, vương tử Cán rất tuấn tú, thông minh, nhưng người vốn yếu đuối. Lúc còn ẵm ngửa, vương tử đã mắc chứng cam: bụng to, rốn lòi, da nhợt, gân xanh, chân tay gầy khảnh khiu. Chúa phải sai người đi tìm danh y khắp bốn phương về chữa cho vương tử (Hải thượng lần ông Lê Hữu Trác cũng đã từng bị triệu vào kinh để chữa bệnh cho Cán (xem Thượng kinh ký sự)). Những người do nghề thuốc mà vào phủ đều được thăng trưởng: Nguyễn Thực từ chức huân đạo lên đến chức tiến triều; Chu Nghĩa Long là người khách buôn Trung Quốc, được phong tước hầu coi việc quân. Thuốc thang tốn kém kể có hàng trăm vạn, nhưng chạy chữa hết năm này qua năm khác mà bệnh vẫn không khỏi.

Chúa lại sai người đi lễ bái khắp các đền đài có tiếng linh thiêng; một mặt cho thiết lập đàn tràng ở ngay trong cung để ngày đêm đèn nhang cầu khẩn. Vậy mà bệnh của vương tử vẫn đâu hoàn đấy.

Có kẻ tố cáo với chúa, nói là vì Tiệp dư (Tiệp dư đây không rõ ai, bản chữ Hán không ghi tên họ người nào; bản dịch của Ngô Tất Tố, cho là Dương Ngọc Hoan có lẽ là phỏng đoán như vậy) không được yêu, sinh ra ghen ghét, mượn bọn đồng cốt chôn hình người gỗ ở trong cung để trấn yểm.

Chúa giận lắm, sai bắt người nhà Tiệp dư để tra hỏi. Nhưng bọn ấy trốn hết, tìm khắp tứ phía không lùng bắt được người nào cả. Sau, kẻ tố cáo tự dẫn người đến đào chỗ chôn người gỗ, cũng không thấy gì, việc này mới thôi.

Tuy nhiên, bụng chúa cũng vẫn còn ngờ, nên cứ để mặc cho Thị Huệ làm chay làm bùa, tha hồ cúng lễ. Do đó, bọn đồng cốt ra vào tấp nập; mà bệnh của vương tử Cán vẫn khi tăng khi giảm chẳng ra thế nào.

Đến khi thể tử Tông bị tội, thì gặp lúc bệnh của vương tử Cán đã hơi đỡ. Năm sau vương tử lên đậu, từ tuần nung mủ đến tuần đậu lặn đều không có gì quản ngại. Chúa hết sức vui mừng nói:

- Thì ra trẻ con cam sai cũng là sự thường, chẳng cần phải lo. Mà hể nó đã lên đậu, lên sỏi thì tức là nên người rồi.

Bấy giờ các quan trong ngoài đều có lời chúc mừng.

Nhiều người khuyên chúa giáng chỉ lập vương tử Cán làm thể tử cho yên sự mong mỏi của thiên hạ. Chúa nghe lời ngay.

Thánh mẫu thái tôn (tức là mẹ Trịnh Sâm) được tin liền nói với chúa:

- Thể tử Tông với vương tử Cán đều là cháu cả, già này thực không coi đứa nào hơn đứa nào. Có điều thể tử đã lớn và khoẻ mạnh, còn vương tử thì nhỏ tuổi lại hay đau yếu; khuyên chúa hãy nghĩ đến tôn miếu xã tắc, tạm dành ngôi đông cung lại đó, may ra đứa con út (chỉ Tông vì Tông bị giáng xuống làm con út) kia nó biết hối lỗi thì hay, bằng không, đợi lúc vương tử khôn lớn hãy lập trưởng cũng chưa muộn gì.

Chúa đáp:

- Tên Tông và tên Cán đối với mẹ là cháu, chưa bằng đối với tôi là con. Người xưa đã nói: "Biết con chẳng ai bằng cha". Tôi cũng chưa đến nỗi mê lẫn, và chẳng triều đình bàn bạc chung như thế, chứ cũng chẳng phải vì tôi yêu đứa con nhỏ mà bày đặt ra việc này. Mẹ há chẳng biết rõ rồi sao? Nay nếu không sớm định người nối ngôi, bọn tiểu nhân đâm ra dòm nom, mong chờ, tôi e tai hoạ sẽ xảy đến lúc nào không biết. Huống hồ ngôi báu của thiên hạ cốt phải giao phó vào tay người xứng đáng. Đã coi tôn xã làm trọng, thì dầu con đẻ ra cũng không được tư túi; lẽ nào tôi lại dám tư túi với đứa con nhỏ? Nếu như cuối cùng bệnh của Cán không khỏi, thì thà lập Côn quận công (có bản chép là Qué quận công, tức Trịnh Bồng, anh em con chú bác với Sâm, con Trịnh Giang), trả lại dòng chính cho nhà bác; chứ không thể nào giao cho cái thằng Tông bất hiếu, để nó làm hỏng cơ nghiệp của tổ tiên.

Thánh mẫu không dám nói gì nữa.

Chúa bèn sai các quan trong triều làm tờ tâu lên vua Lê, xin lập vương tử Cán làm thể tử (Bấy giờ có nhiều người không đồng tình việc lập Cán, nên đã đặt ra câu ca dao:

Đục cùn thì giữ lấy tông:

Đục long, cán gãy, còn mong nổi gì?

Dùng chữ tông và cán theo nghĩa đôi để chỉ vào Trịnh Tông và Trịnh Cán.).

Lại nói, từ mấy năm nay, bệnh cũ của chúa vẫn thường hay phát trở lại, khi thì một tháng, khi thì nửa tháng. Mỗi lần bệnh phát thường hết sức nguy kịch, nhưng rồi dần dần cũng lại khỏi. Chúa rất sợ nắng gió, bình thường phải ở luôn trong thâm cung và nơi đó phải thấp nền suốt đêm ngày. Nếu không phải triều hội lớn, thì không bao giờ chúa ra gặp các quan. Sập ngụt trong phủ chúa có che trướng thủy tinh, kiệu của chúa đi cũng treo rèm thủy tinh, để ngăn nắng gió. Các quan muốn trình báo việc gì, đều do quan hầu đem tờ khải vào. Chúa muốn phán gì cũng do quan thị truyền chỉ ra. Dẫn đến các bậc thân quý, cũng phải một năm hoặc nửa năm mới gặp mặt chúa một lần. Còn các hàng văn võ trong triều, thì thường không hề được thấy mặt rồng. Việc của phủ chúa, bên ngoài người ta đồn đại như là việc thiên tao. Cứ như thế, sự ngăn cách, che lấp ngày càng thêm tệ.

Đến lúc này, bệ của chúa lại nguy kịch. Thị Huệ ngày đêm hầu hạ. Trong hàng đại thần chỉ có quận Huy là được ra vào. Mẹ chúa và các con gái chúa cũng ít khi được tới gặp, hàng ngày thăm hỏi sức khỏe của chúa, họ chỉ đứng ngoài cửa buồng và hỏi qua bọn quan hầu mà thôi.

Nhân cơ hội ấy, Thị Huệ bèn nói với chúa:

- Thiếp thờ chúa thượng, nhờ ơn được quá thương yêu, thành ra nhiều kẻ thù ghét; không biết rồi đây mẹ con thiếp sẽ gửi thân vào đâu?

Chúa yên ủi rằng:

- Thế tử đã chính thức lên ngôi đông cung, nước là nước của nó; rồi đây khanh sẽ làm mẹ cả thiên hạ, kẻ nào còn thay đổi được?

Thị Huệ lại thưa:

- Sợ không dự định trước, đến lúc tình thế khẩn cấp sẽ bị người khác cướp mất.

Bấy giờ quận Huy cũng có ở đó. Chúa nhìn Huy nói:

- Sau này người cần hết sức giúp đỡ chính cung và thế tử, để cho yên lòng ta.

Quận Huy thưa:

- Tôi dám đầu chẳng hết lòng về việc này kỳ cho đến chết. Nhưng ngay bây giờ, nhân lúc chúa còn tỉnh táo, xin hãy kịp thời truyền mệnh lệnh cho thế tử Cán nối ngôi và lập chính cung làm vương phi, cùng coi việc nước, để cho có mệnh lệnh sẵn sàng.

Chúa khen:

- Phải đấy! Khanh cần làm phụ chính cho vương tử.

Quận Huy lại thưa:

- Vâng lời di chúc làm người phụ chính, tôi chẳng dám gánh vác một mình. Hiện nay có Khanh quận công là bậc chí thân, Hoàn quận công là bậc sư phó đại thần, Châu quận công và Tứ xuyên hầu đều ở trong chính phủ, vốn có đức vọng, Diễm quận công là a bảo của đông cung, Thủy trung hầu là bảo vệ của đông cung, đều là những bầy tôi tin cậy. Vậy xin nhà chúa hãy cho phép những viên ấy cùng nhận cố mệnh (mệnh dặn lại lúc sắp chết) với tôi.

Chúa bằng lòng.

Quận Huy liền sai Tứ xuyên hầu thảo tờ cổ mệnh, và quan thiêm sai Nhữ Công Điền làm tờ sách phong Tuyên phi. Giấy tờ lập xong, Huy bỏ vào tay áo đem dâng chúa để xin điền tên.

Bấy giờ bệnh chúa đã nguy kịch, nhân có thánh mẫu vào thăm, Thị Huệ phải ôm chúa ngồi dậy. Thánh mẫu đứng ở đầu sập vừa khóc vừa hỏi han. Chúa cũng khóc mà rằng:

- Con xin chấp tay cúi đầu lạy mẹ. Nay con chẳng may xấu số, không được thờ mẹ cho đến cùng. Nghĩ đến đạo hiếu chưa tròn, ruột gan con đau như dao cắt. Xin mẹ hãy ngự giá về cung, cố ăn ngủ cho thành thoi, đừng nghĩ gì đến con mà đau lòng mẹ. Còn việc sớm hôm thăm hỏi sau này đã có tự vương (chúa nổi nghiệp, chỉ Trịnh Cán) thay con.

Thánh mẫu nức nở, sụt sịt, ngập ngừng hồi lâu, ý muốn nói đến ngôi thế tử, nhưng vì có Thị Huệ ở đây nên cũng khó hé răng, dùng dằng mãi chưa ra.

Chúa thấy vậy lại nói:

- Mẹ quá thương con, không nỡ dứt tình mà đi. Con trông thấy mẹ cũng đau lòng không thể nhắm mắt. Vậy cúi xin mẹ hãy ngự giá về cung.

Thánh mẫu bèn ứa nước mắt trở ra.

Chúa quay sang dặn Thị Huệ.

- Bệnh ta không khỏi, không ở được cùng khanh đến lúc bạc đầu. Nay ta về châu giời, khanh ở lại phụng thờ thánh mẫu, nuôi nấng tự vương; còn duyên sát cầm đàn hện đến kiếp khác.

Thị Huệ nấc lên đến hơn một khắc, rồi ả cắt tóc thề rằng:

- Chúa thượng chẳng thương thiếp, nỡ bỏ thiếp vò vố một mình! Thiếp xin liều thân mà chết theo chúa. Thờ phụng thánh mẫu đã có hai công chúa, giúp rập tự vương đã có các quan đại thần, chúa đừng giao những việc ấy cho thiếp.

Rồi thị khóc oà lên.

Chúa ngoảnh sang Thuý trung hầu nói:

- Sau khi ta qua đời, các người phải nên khuyên giải chính cung cho khéo, chớ để nàng liều mình. Vạn nhất nếu không ngăn cản nổi ý chí của nàng, thì cứ để nàng chung thuyền với ta mà đưa đi, cho nàng được hầu hạ ta ở nơi lăng tẩm.

Tiếp đó, chúa cho đòi quận Khanh, quận Hoàn vào chịu cổ mệnh.

Hai người vào, chúa truyền miễn lạy và cho ngồi. Hai người khóc lóc hỏi han sức khỏe. Chúa nói:

- Con xin chấp tay cúi đầu lạy chú, lạy thầy. Chẳng may con bị bệnh nặng, nay đã nguy cấp, muốn cho thế tử Cán lên nối ngôi chúa. Vậy nhờ chú và thầy chung sức đồng lòng, giúp cho qua khỏi bước khó khăn này.

Dứt lời, chúa bảo Thị Huệ đặt mình nằm xuống.

Quận Huy quì xuống, rút tờ cổ mệnh trong tay áo dâng trình, nhưng chúa chỉ lấy tay xua đi.

Quận Huy lại thưa rằng:

- Nay thánh thể không yên, mà chỗ để tên họ trong tờ cổ mệnh thì hãy còn để trống, vậy xin chúa hãy để cho vương thân Khanh quận công viết thay.

Chúa không còn nói được nữa, chỉ gật đầu mà thôi.

Quận Khanh bèn lấy bút phê, rồi ngay trước sập chúa, lần lượt viết tên mấy người vào chỗ bỏ trống trong tờ cổ mệnh. Viết xong, lại dâng cho chúa xem; nhưng lúc ấy chúa đã nhắm nghiền hai mắt không biết gì nữa.

Thế là Trịnh vương qua đời. Bữa ấy nhằm ngày 13 tháng quận Huy năm Nhâm-dân (1782). Chúa thọ 44 tuổi, làm chúa được 16 năm.

Sau khi chúa tắt thở, quận Huy một mặt cắt đặt cho các quan lo liệu việc tang lễ, một mặt sai Thuý trung hầu sao lấy mấy bản thư cổ mệnh và tờ sách phong Tuyên phi đưa ra chính phủ, để cho các quan triều tâu lên vua Lê.

Ngay hôm ấy, vua Lê hạ sắc dụ lập thế tử Cán làm Điện đô vương.

Trăm quan liền đem nghi trượng, binh lính đến cửa Kính-thiên để rước sắc về phủ chúa.

Đến phủ, quan a bảo Diễm quận công bế thế tử-đã được mặc áo triều, đội mũ, mang đai màu hoa quì-đứng đón ở sân, quỳ xuống nhận sắc.

Xong đó, ngoài phủ đường đã đặt sẵn sập ngự, quận Diễm bồng thế tử Cán lên ngôi chúa. Các quan theo thứ tự lần lượt vào lễ mừng. Lễ xong, quận Diễm lại bế chúa mới (Trịnh Cán) vào cung Huỳnh để lạy thánh mẫu. Rồi sau đấy, mọi người đều thay triều phục, mặc áo trở để làm lễ phát tang.

Lúc Thịnh vương còn sống có soạn ra cuốn Vạn niên thư, phàm việc tang lễ từ lễ "phạm hàm" đến lễ "đại tường", "nhập miếu" (Phạm hàm: Lễ đặt vàng, ngọc hoặc các của quý khác vào trong miệng người chết. Đại tường: Lễ giỗ sau khi chết hai năm. Nhập miếu: Lễ rước linh hồn vào nhà thờ, để thờ chung với các tổ tiên), nghi tiết như thế nào đều đã chua rõ; cho cả đến mấy chữ miếu hiệu "Thánh tổ Thịnh vương" cũng được ghi sẵn. Nay cứ theo đó mà làm.

Bảy viên đại thần ngày đêm túc trực ở trong phủ, chia nhau coi sóc mọi việc.

Lại nói về bảy viên phụ chính này.

Khanh quận công tên là Trịnh Kiều, tức là con thứ năm của Hy tổ Nhân vương, và là em Nhị tổ Ân vương, đối với chúa mới là hàng ông chú. Kiều là bậc tuổi cao, đức cả, song tính tình chất phác, thật thà, đối với công việc nên hay không nên cũng mặc, chẳng có ý kiến gì.

Hoàng quận công tên là Nguyễn Hoàn, người làng Lan Khê huyện Nông Cống, đỗ tiến sĩ khoa Quý-hợi (1743). Trước Hoàn làm hữu tư giảng cho Thịnh vương, sau lên đến chức thượng thư bộ Lại, rồi làm Tham tụng. Hoàn đã về trí sĩ nhưng lại bị gọi ra tham dự triều chính, Hoàn là một vị trọng thần của nhà nước, nhưng tính người hoà hoãn, chìm nổi theo đời, gặp việc thường dè chừng, không quyết đoán.

Tứ xuyên hầu tên là Phan Lê Phiên (có sách chép Duy Phiên hoặc Trọng Phiên), người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh-sử (1757). Phiên từng làm tả thị lang bộ Hộ, làm tham tụng; là người có phong độ đoan trang, học vấn rộng rãi, nhưng tính nét thâm trầm lại hay nương nhờ vào bọn quyền thế.

Châu quận công, Diễm quận công và Thuý trung hầu đều xuất thân từ hàng quan hoạn.

Châu quận công tên là Lê Đình Châu, người làng Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn, hầu hạ các chúa trải đã mấy triều. Châu có làm chức tri binh phiên cơ mật, là người trung hậu, lúc đã già vì là bậc kỳ cựu, nên được vào chính phủ, nhưng không giữ việc gì.

Diễm quận công tức Trần Xuân Huy, người làng Khoái Lạc, huyện Thiên Bản; nguyên là gia thần của Thịnh vương, khi vương chưa lên ngôi. Lúc Thịnh vương lên cầm quyền, Huy được giao cho chức tri hộ phiên. Huy là người thuần thực, cẩn thận. Thịnh vương rất tin, sai Huy làm a bảo cho thế tử, ngày đêm ở luôn bên cạnh thế tử, không dự gì đến những việc bên ngoài.

Thủy trung hầu tên là Tạ Danh Thủy, người làng Khang Thượng, huyện Yên Mô, từng làm chức xuất nạp (một chức quan hầu cận của vua chúa chuyên giữ việc phát nhận giấy tờ, và truyền đạt mệnh lệnh) rồi lại làm trấn thủ Thanh Hoa (thời Lê trung hưng, Thanh Hoá gọi là Thanh Hoa). Thủy là người cơ trí, giỏi văn học, biện luận như gió. Thịnh vương vốn tin trọng, sai Thủy làm chức bảo vệ cho thế tử; nhưng vì Thủy tuổi trẻ chưa có danh vọng gì mấy, nên không tránh khỏi phải lép vế và chiều theo ý những kẻ đồng liêu.

Bởi vậy, hết thảy mọi việc trong thiên hạ đều do một tay quận Huy quyết định, không có ai bàn qua nói lại gì hết.

Nguyên sáu người kia, không phải hết thảy đều một lòng với quận Huy cả. Chẳng qua thấy họ có địa vị và danh vọng, nên quận Huy mới lôi kéo họ vào cùng cánh với mình để họ khỏi có ý khác mà thôi.

Chỉ Diễm quận công vốn là phe đảng của Thị Huệ, xưa nay lại rất ăn ý với Tứ xuyên hầu; nên hai người này đều một bụng một dạ với quận Huy. Song quận Diễm là người dốt nát, ít hiểu biết, việc gì cũng phải nhờ Tứ xuyên hầu chỉ vẽ cho; mà Tứ xuyên hầu thì cũng như quận Huy, đều đang mê mẩn trong tình thế lúc bấy giờ.

Còn Hoàn quận công là bậc lão nho. Thủy trung hầu là hạng khôn vặt. Rút lại không lường được bụng dạ của họ ra sao.

Trong đó, thực thà không có ý gì, duy chỉ có Khanh quận công và Châu quận công mà thôi.

Quận Huy tự đứng làm chủ cuộc, phạm mọi việc đều tự mình gánh vác, không cần đùn đẩy cho ai; người khác có đồng ý hay không, Huy cũng chẳng thêm kể đến.

Lúc đó, chúa mới lên ngôi, vì còn thơ ấu nên người trong nước không khỏi có ý ngờ. ở phố phường người ta tùm nập ba bàn tán. Kẻ nói chúa mới bị bệnh rất nặng, chưa biết chừng ngày nào đó trong cung sẽ có biến; quận Huy uy quyền lớn quá, không khéo hấn sẽ cướp nước mất. Người bảo chính cung tư thông với Huy, ả sắp đem xâu tặc giao phó cho quận Huy. Bấy giờ, đầu đường xó chợ có câu ca dao như sau:

Trăm quan ít sáng nhiều mờ (có sách chép: "Trăm quan có mắt như mờ" hoặc "Sáu ông có mệnh ngắn ngo");

Để cho Huy quận vào rờ chính cung.

Huy nghe tin, bèn sai quan đề lĩnh đem móc sắt và kéo treo khắp các chợ, dọa rằng những ai còn dám tụ họp nói chuyện thì sẽ móc lưỡi cắt đi. Do đó, ở ngoài đường sáu người ta chỉ dám ghé mắt ngó nhau; dân chúng kinh kỳ đều sợ nơm nớp.

Lại nói về thế tử cũ, từ khi chúa mới lên ngôi, Thị Huệ vẫn muốn ngấm hại thế tử, nhưng Thủy trung hầu thường tìm lời khôn khéo để che chở cho. Thị Huệ bị lời lẽ Thủy trung hầu giảng giữ, nên không dám quả quyết hành động. ả bèn bắt Tông ra ở tại nhà Tả-xuyên, rồi giao cho bốn đội Nội-khuông, Nội-dực, Nội-nhung, Nội-kieu giám sát. Mỗi ngày chỉ có ba bữa cúng cha, thế tử mới được vào phủ đường, lễ xong lại về sở giam. Vì vậy, thế tử ngày đêm lo lắng, sợ rằng không giữ được tính mạng.

Mẹ thế tử là thái phi họ Dương nhờ người chị là quận phu nhân họ Dương kêu van với quận Huy rằng:

- Em thiếp là cung tần Dương thị mỗ và con út chúa là vương tử mỗ xin gửi lời lạy trình quan lớn xét cho: Đứa con út đó có tội, gạt bỏ là phải, không dám phản nài. Nhưng nay nó ở vào cảnh ngộ hiểm nguy, tình thế cấp bách, khôn xiết nguy hiểm sợ hãi. Vậy muôn vãn lần mong mỗi quan lớn hãy rủ lòng thương, che chở cho nó được toàn vẹn; công ơn cứu sống của ngài, mẹ con nó xin ghi xương tạc dạ.

Quận Huy vừa khóc vừa trả lời:

- Tôi thờ tiên chúa, được chịu ơn huệ đã nhiều, nghĩa tuy là vua tôi, nhưng tình là cha con. Thế tử cũ cũng là con của chúa tôi, tôi có lòng nào, thì xin trời đất tru diệt. Phu nhân trở về, cho tôi gửi lời trình trước màn tang của vương tử và quý cung tần rằng, xin cứ yên lòng, tôi sẽ hết sức giúp đỡ, không có điều gì phải lo ngại.

Rồi Huy bí mật sức cho bốn đội quan quân, ra lệnh phải lòng lẻo bót trong việc giam giữ thế tử. Từ đó các gia thần và các người thân tín cũ của thế tử mới được ra vào dễ dàng, không ai xét hỏi.

Thế tử có người đầu bếp tên là Dự Vũ, vốn là người cơ trí, nói năng rành mạch. Một hôm, thế tử hỏi bên ngoài lòng người ra sao, Dự Vũ đáp:

- Nhà chúa bỏ con cả lập con út, thiên hạ đều căm ghét, nhất là quân lính lại càng bất bình lắm. Hôm nọ trong khi tân chúa lên ngôi, theo lệ có ban tiền bạc cho các quân sĩ, nhưng trong quân nhao nhao, có kẻ không chịu nhận tiền ấy. Sau, quận Huy phải ra lệnh nghiêm cấm, họ mới miễn cưỡng nghe theo, mà trong lòng vẫn còn hậm hực.

Thế tử mừng thầm, đem chuyện ấy bàn với một viên gia thần tên là Gia Thọ.

Thọ người làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm, cũng là kẻ tinh khôn; hắn nói với thế tử:

- Lòng người như thế, nếu lấy nghĩa khí mà khích động, khiến cho họ một lòng tôn phù, thì việc lớn ắt thành.

Thế tử mừng lắm, bèn sai Dự Vũ làm cơm rượu, mời bọn biện lại trong đám thân quân tới đánh chén, rồi nói với họ rằng:

- Thế tử chẳng có tội gì, nhưng bị mù đàn bà ác nghiệt họ Đặng làm mê hoặc tiên chúa, vu tội hãm hại thế tử để cướp ngôi. Còn quận Huy vốn có chí phản nghịch, lợi dụng vương tử Cán bé dại để kiềm chế, nên hắn mới vào hùa với mù mà gây ra việc bỏ người này lập người kia, để hắn làm phụ chính cho tiện cái mưu cướp nước của mình. Nay tân chúa bị bệnh nặng, sự nguy biến chỉ trong sớm tối. Không biết rồi đây cơ nghiệp nhà chúa sẽ do ai làm chủ? Ba quân đều là người ở đất "thang mộc" ("thang mộc" nghĩa là tắm gội. Đất "thang mộc" là đất thiên tử phong cho các chư hầu, để làm nơi cung đón việc tắm gội hoặc nơi ăn ngủ trước khi vào chầu. Do đó, đất "thang mộc" cũng dùng để trở chung đất quê hương của vua chúa. ở đây đất "thang mộc" trở vào Thanh Hoá, đất quê hương của vua Lê.) và là binh lính ứng nghĩa, làm nanh vuốt của nhà nước, ai cũng sẵn lòng trung nghĩa. Nếu anh em còn nghĩ đến cái ơn của nhà chúa nuôi nấng trong hai trăm năm, thì hãy nên một lòng giúp đỡ nhà chúa. Mai đây nếu trời cho xong việc, tất nhiên sẽ có sách son, khoán sắt (văn thư viết bằng son, khoán ước chế bằng sắt, ban cho bầy tôi có công để tỏ ý cùng được hưởng phú quý lâu dài với nhà vua) lưu truyền muôn đời.

Mọi người đều nói:

- Chúng tôi vẫn có bụng đó, nhưng chưa biết ý vương tử ra sao. Sợ đến lúc ấy nhờ có điều gì kinh động, người lại quả trách chúng tôi gây việc. Nay vương tử đã ngỏ ý cho biết như thế, thì việc này chắc không khó gì.

Sau đó, họ bèn ngầm đi báo cho nhau, hẹn ngày tụ họp ở chùa Khán Sơn (chùa Khán Sơn xưa ở trên trái núi đất gần khu vực vườn Bách Thảo Hà Nội, chùa bị phá từ cuối đời Cảnh-hung).

Lúc quân lính đến hội họp, bàn về việc ấy không ai là không hăng hái. Nhưng họ còn sợ thanh thế quận Huy, nên chưa biết khởi sự như thế nào cho ổn thoả.

Giữa lúc đang bàn bạc như thế, thì bỗng một người đứng phát lên nói:

- Chỉ sợ anh em không cùng một bụng thôi. Chứ nếu ba quân đồng lòng, thì bất quá chỉ thừa dịp cúng cơm sáng xong (theo tang lễ xưa, người chết khi chưa chôn thì gia đình mỗi ngày cúng hai lần cơm), đánh một hồi trống trong phủ làm hiệu, rồi kéo ùa cả vào, nắm căng hãn, vút chổng gọng xuống dưới thêm một cái là xong thôi mà!

Mọi người đều reo mừng hưởng ứng, và cùng nhìn về phía kẻ mới nói, thì ra đó là viên biện lại của đội Tiệp-bảo (đội thân binh hầu hạ) tên là Bằng Vũ.

Gã Bằng Vũ này là người huyện Thanh Chương, xứ Nghệ An, ông cha vốn là công thần đời Lê trung hưng. Về sau tập ấm (đây dịch theo hai chữ ấm tận. Trong chế độ phong kiến, những kẻ làm quan, tùy theo thứ bậc, con cháu đều được nối nghiệp làm quan gọi là tập ấm; đến lúc nào không được hưởng tập ấm nữa thì gọi là ấm tận) đã hết, con cháu trở nên nghèo nàn. Bằng Vũ được người làng thuê đi lính thay. Gã người thấp bé, thanh nhả như dáng học trò. Sau khi vào đội Tiệp-bảo, nhờ biết dăm ba chữ, gã được làm chân biện lại. ở kinh, gã thường làm mướn đơn kiện cho người ta, vẫn lừng tiếng là tay điều toa trong việc xui nguyên giục bị.

Lúc này Bằng Vũ thủ xướng ra lời bàn đó, cả bọn liền bầu ngay gã làm chủ mưu, giao cho gã đánh trống trước để thúc giục ba quân.

Bằng Vũ mạnh bạo nhận lời. Rồi cả bọn cùng nhau uống máu ăn thề. Nhưng họ không dự định ngày nào, chỉ hẹn nhau hễ nghe hiệu trống của Bằng Vũ thì cùng kéo đến để khởi sự.

Mưu toan bí mật đã bàn định xong. Chợt lại có người nói:

- Việc này hết sức quan hệ. Nên nhờ quốc cữu tâu với thánh mẫu, xin lĩnh ý chỉ của thánh mẫu mà làm. Vạn nhất quận Huy có biết, mình còn có mặt lệnh làm cố đề mà nói, tỏ rằng mình vẫn làm việc mình bạch. Như thế mới là kế vạn toàn!

Người ấy là Bùi Bất Trục, quán làng An Toàn, huyện La Sơn, một tay danh sĩ xứ Nghệ. Bất Trục trước đã từng làm chức viên ngoại lang, hồi này vì bị mất quan vẫn nương nhờ ở trong nhà quốc cữu Viêm quận công (Viêm quận công Nguyễn Trọng Viêm là em mẹ Trịnh Sâm, do đó gọi là quốc cữu). Khi bọn biện lại hẹn quân sĩ đến tụ tập ở chùa Khán Sơn, Bất Trục cũng đã nghe phong thanh. Gã liền đem mưu mô của bọn quân sĩ nói nhỏ với Chiêu lĩnh bá (tức Nguyễn Trọng Chiêu), con Viêm quận công, và khuyên nên nhập bọn để hót lấy công ấy. Còn bản thân gã thì đứng ra làm người manh mối giữa Chiêu lĩnh bá và bọn quân sĩ. Vì thế, nên gã mới đến dự cuộc họp để nói với bọn họ như vậy.

Quân sĩ vốn không cần chỉ của thánh mẫu, nhưng thấy người nhà quốc cữu cũng có mặt trong cuộc hội họp, khước từ sẽ lộ chuyện. Và lại, lời của Bất Trục nghe cũng có lý, họ bèn cùng đi với Bất Trục đến gặp quận Viêm.

Lúc quân sĩ chưa đến, Chiêu lĩnh bá đã đem chuyện nói trước với cha. Cha hắn ta vốn là người tầm thường, nghe thấy chuyện đó thì sợ lắm, bèn nói:

- Lũ lính tráng này là đồ thô lỗ, khinh suất nên mới làm việc ấy: mình can dự vào làm gì? "Con vua thì lại làm vua". Ai làm chúa ta cũng vẫn không mất cái chân là quốc cữu tiền triều. Nay lại muốn cầu công

trạng, nếu việc thành, ta không thể giàu sang hơn thế này nữa; mà ngộ nhờ công việc vỡ lở, hẳn là chết không có đất chôn!

Chiều lĩnh bá đáp:

- Bọn họ bàn bạc, ước hẹn với nhau đã đâu vào đấy rồi. Thế nào nay mai họ cũng ra tay, mà đã ra tay là phải xong việc. Cự tuyệt họ tức là bỏ unction cơ hội. Và chẳng sự giàu sang của cha dẫu đã đầy đủ rồi thật, nhưng cha cũng nên để cho chúng con nhân dịp này mà lập công danh. Hơn nữa con đã trót hứa với họ, bây giờ dù có muốn thoái thác cũng không thể được.

Một lát quân sĩ kéo đến. Quận Viêm bắt đắ dĩ phải ra tiếp.

Sau khi nghe họ nói, quận Viêm trả lời:

- Các anh em còn có lòng vì nước, tôi đây há lại dám có bụng dạ nào khác. Có điều anh em muốn xin ý chỉ của thánh mẫu, thì nên đến nhà cháu tôi là viên phó tri bình phiên Nguyễn Kiêm mà bảo viên ấy vào bẩm với thánh mẫu. Viên ấy giữ chức tri lệnh sử, nên ra vào cung Huỳnh người ta sẽ không nghi ngờ. Còn tôi, tôi cũng xin gửi lời trình thêm với thánh mẫu nữa.

Quân sĩ nghe lời, lại kéo cả sang nhà Nguyễn Kiêm.

Kiêm vốn là hạng hèn nhát, nghe quân sĩ nói thì hoảng hốt chối đây đây. Nhưng bọn người vẫn cố nèo:

- Việc này cũng đã bẩm với quốc cữu và Người đã dạy như thế.

Rồi họ thúc ép Kiêm phải đến nhà quận Viêm để nhận lời dặn mà vào tâu với thánh mẫu.

Nguyên việc bỏ con lớn lập con nhỏ, thánh mẫu vốn không hài lòng, vì vậy khi được nghe mưu toan ấy, thánh mẫu đã thấy hợp ý ngay. Nhưng dẫu sao cũng chưa thoát khỏi chí khí đàn bà, thánh mẫu sợ nhờ công việc bại lộ, quốc cữu sẽ bị vạ lây; nên muốn hãy ngầm đồ dành quận Huy để hấn đưa thế tử Tông lên quyền ngôi chúa cho khỏi sinh biến. Lại nghĩ trong bọn bảy tên phụ chính, chỉ có quận Hoàn vừa là thầy học của chúa trước vừa là bố vợ Kiêm, bụng dạ có thể tin được, mà lại là bậc lão nho có nhiều mưu trí, có thể cùng bàn mọi việc với ông ta. Thánh mẫu bèn bảo Nguyễn Kiêm một mặt báo cho bọn quân sĩ hãy chậm khởi sự lại vài ngày, còn một mặt thì tới bàn mưu với quận Hoàn.

Quận Hoàn nói:

- Nếu ba quân làm như thế, tất sẽ gây ra rất nhiều việc lôi thôi. Nay thánh mẫu quyết đoán sáng suốt như vậy, thực là phúc cho xã tắc. Lão thần đây cũng không thể nghĩ hơn thế được. Nhưng xin thánh mẫu hãy hạ chỉ dụ quận Huy, còn tôi ở trong sẽ nói thêm vào.

Kiêm đem lời ấy tâu với thánh mẫu. Thánh mẫu bèn sai người bảo quận Huy rằng: "Nay tân chúa bị đau, trong nước đang lo lắng, nghi ngờ. Tướng quân nếu còn coi xã tắc là trọng thì, hãy nên tạm để cho vương tử Tông lên quyền ngôi chúa để yên lòng người. Đợi khi nào tân chúa trưởng thành, vương tử Tông sẽ lại trao trả chính quyền và lui về giữ trọn đạo làm tôi. Tướng quân nên đem ý đó bày tỏ với Tuyên phi và để vương tử Tông nhận Tuyên phi làm mẹ nuôi, lấy tướng quân làm a bảo. Mong rằng tướng quân hãy hết sức giúp đỡ cho được chu toàn!".

Quận Huy đáp lại rằng: "Lý tôi gửi lạy dưới cửa thánh mẫu. Thánh mẫu đã lo đến việc lớn của xã tắc, tôi đâu dám chẳng vâng mệnh. Nhưng có điều việc này không phải ý của tiên vương. Tôi được tiên vương trao gửi con bồ côi, ngài đã dặn dò rất cẩn kẽ. Nay từ cung (quan tài của vua chúa) còn quản tại đây mà đã thay đổi mệnh ngài, lòng tôi tự thấy không yên. Vậy chuyện này xin hãy để liệu sau. Và tiên vương cũng không còn người con nào khác, chỉ có tân chúa và vương tử Tông mà thôi. Nếu tân chúa không gánh vác nổi công việc, thì sau đó tất là phải đến vương tử Tông. Lúc đó vương tử Tông cứ việc đường hoàng

mà thay thế, há chẳng tốt đẹp hơn sao, cần gì phải vội vã hấp tấp, làm việc trái với lẽ thường như vậy? Còn như kẻ lo lắng, thì lâu rồi họ khắc yên lòng; kẻ nghỉ ngơi, lâu rồi họ khắc tin tưởng. Dám xin thánh mẫu cứ yên tâm...".

Sứ giả ra chưa khỏi cửa, quận Huy đã hần học:

- Việc này dầu có đánh chết ta cũng chẳng nghe!

Sứ giả về thuật với thánh mẫu. Thánh mẫu biết chí của Huy không thể lay chuyển, bèn đem lời Huy nói lại với Nguyễn Kiêm.

Kiêm sợ việc lộ, vạ lây, lại đến bàn với quận Hoàn.

Quận Hoàn nói:

- Bây giờ sự thế đã như vậy, thôi thì mặc cho ba quân họ muốn làm gì thì làm!

Tình cờ có một tên lính ở xã Vạn Lộc, huyện Đông Sơn, đem các công việc báo với người cùng làng làm viên tham tri binh phiên Trần Hữu Cầu. Cầu vốn tính hiếu sự, lại giỏi làm văn, tức thì soạn ngay bài hịch Ba quân phò chính, rồi ngâm đem dán ở khắp các đường phố. Do đó, trong kinh kỳ náo nức cả lên.

Thấy chuyện đã vỡ lở như vậy, bọn Bằng Vũ cho là thế không thể dùng được, bèn quyết định ngay ngày hôm sau khởi sự, không cần phải tâu với thánh mẫu. Hôm ấy là ngày 24 tháng 10 năm Nhâm dần (1782).

Bây giờ quận Huy cũng biết tai họa sắp xảy ra, liền nói toạc ra ở trong triều rằng:

- Ngày mai có biến, tôi sẽ chết. Nhưng tôi chết cũng phải có dăm ba mạng đi theo.

Các quan nói:

- Lẽ nào lại có chuyện ấy?

Quận Huy bèn đưa ra một tờ khai nói là Huy Bá tố cáo quận Viêm đang âm mưu làm phản và xin các quan hãy tra xét để trừng trị.

Gặp lúc trời sắp tối, người nhà quận Huy có kẻ khuyên hần nên bế tân chúa đi trốn, rồi gọi quân bên ngoài vào bắt bọn gian; có kẻ khuyên hần nên đưa nghĩa sỹ vào trong phủ để tự vệ... Nhưng quận Huy đều gạt đi mà rằng:

- Xưa nay thói đời vẫn hay phao nhảm, chưa chắc việc đó đã có thật. Mà dù có đi nữa thì cứ để thông thả rồi cũng tra ra, chúng nó trốn đi đằng nào được. Nếu việc quá gấp không thể trì hoãn, thì ta đây vâng mệnh của đảng tiên vương, sống thác cũng cam, cần gì mà phải hốt hoảng!

Đêm ấy quận Huy ngủ ở trong phủ, cũng chỉ đem theo vài người hầu như mọi ngày, không hề phòng bị gì hết.

Sáng mai, lễ cúng cơm bữa sáng vừa xong, các quan đang sắp lui trào, Bằng Vũ vào trong phủ, đánh luôn ba hồi chín tiếng trống.

Các quan ngơ ngác nhìn nhau. Quận Huy sai người đóng chặt cửa các, bắt trói Bằng Vũ đem chém. Khi Bằng Vũ đã bị trói rồi, Thủy trung hầu bảo quận Huy rằng:

- Bọn chúng lập mưu này không phải chỉ có một đứa, nếu chém Bằng Vũ thì đảng gian sẽ lọt lưới hết. Chi bằng hãy giam nó lại, để tra xét thêm cho tiết hết mầm loạn.

Quận Huy cho là phải, thế là Bằng Vũ không bị giết chết.

Lại nói, quân lính nghe thấy tiếng trống tức thì người nào cũng nhảy nhót hăng hái, cùng cầm binh khí xô lẫn nhau mà vào trong phủ.

Lúc ấy cửa các đã đóng, quân lính ở bên ngoài không vào được, họ cứ đứng hò reo quát tháo long trời lở đất.

Quận Huy gọi quận Châu ra bảo:

- Cậu (Quận Châu là bà con họ ngoại của chúa Trịnh, do đó gọi là cậu) giữ chức binh phiên, làm sao không biết rắn đe chúng nó?

Quận Châu sợ hãi, vâng dạ mà ra.

Quận Huy tự làm tờ khai rằng:

"Lý tôi kính khai như sau: Tôi được tiên vương giao cho giúp đỡ nhà chúa. Nay đám ba quân nổi loạn, làm cho kinh khuyết náo động. Tôi xin vâng lệnh mệnh chúa đem quân giết chúng. Nếu dẹp được, ấy là nhờ về oai linh của chúa, nhược bằng không dẹp được, tôi cũng xin liều chết để xuống ra mắt tiên vương ở dưới âm cung".

Khải làm xong, quận Huy giao cho quan xuất nạp dâng trình, và xin lấy thanh bảo kiếm của chúa để ra đánh giặc.

Khi bảo kiếm đưa tới, quận Huy quỳ gối lĩnh nhận, rồi lập tức truyền lấy voi để ra trận.

Lúc ấy quận Châu đang đứng ở phía trái trong cửa các, cách quân lính một bức tường, lên tiếng dụ họ rằng:

- Làm lính phải biết lễ phép. Nay tử cung còn quân ở đây, các người không được làm ồn ào như vậy. Nếu có điều gì muốn nói, cứ về viết một tờ khai đem lại, ta sẽ trình bày giúp.

Quân lính hét lớn:

- Cậu cũng định theo quận Huy làm phản à? Nếu cậu không mở ngay cửa ra, chúng tôi trèo tường mà vào, thì xác cậu sẽ nát như cám!

Quận Châu run sợ, phải mở cửa. Quân lính chen vai xông vào.

Quận Huy chống kiếm lên voi, cười ra giữa sân phủ, trở ba quân quát:

- Bớ ba quân! các người phải đâu về đây ngay, không được làm âm ỹ, ta sẽ chém đầu chúng mày!

Quân lính vốn sợ Huy, thấy hắn cười voi, lại càng khiếp đảm, đều ngồi sụp xuống nghe lệnh, không dám lên tiếng, cũng không dám xông tới.

Nhưng chỉ được một lát, bao nhiêu người đang ngồi lại nhao nhao đứng dậy, kéo ập vào trước đầu voi. Voi vươn đầu ra húc, quân lính chạy quanh chân voi để tránh cạp ngã. Rồi họ lấy khí giới đâm chém túi bụi, có kẻ cạy gạch ngói ở phủ ném ra tới tấp, voi co vòi mà gầm không dám húc nữa. Quận Huy giương cung định bắn, chẳng may cung bị đứt dây; lại vớ lấy súng để nạp đạn, nhưng mồi lửa tịt không cháy. Quân lính thừa dịp dùng câu liêm lôi viên quân tượng xuống đất mà chém. Voi bước lùi trở lại. Quân lính xúm đến vây kín dưới chân voi. Quận Huy lấy mũi lao phóng xuống, làm bị thương vài người. Quân

lính hăng máu kéo đến càng đông. Lại có một toán ở cửa Tuyên-vũ xông vào, đứng chắn ở đằng sau voi, khiến voi phải đứng im không thể nhúc nhích. Họ bèn dùng câu liêm móc cổ quận Huy kéo xuống, rồi đánh đấm túi bụi giết chết ngay tại chỗ.

Sau đó, họ phanh bụng quận Huy lấy gan ăn sống, còn thầy chết thì lôi ra ngoài cửa Tuyên-vũ.

Em ruột quận Huy là Lý vũ hầu Hoàng Lương nghe tin có biến, vội vàng chạy bỏ vào phủ đường. Nhưng mới đi đến cửa chùa Báo Thiên thì bị quân lính quát đứng lại, rồi họ vớ luôn gạch đá trên đường đập cho vỡ đầu và vứt xác xuống hồ Thuỷ Quân (Hồ Hoàn Kiếm bây giờ).

Anh em quận Huy chết rồi, quân lính vui mừng reo hò như sấm. Họ kéo nhau vào nhà Tả Xuyên phò thể tử Tông lên phủ đường. Họ kiệu thể tử lên vai, rồi đứng xúm chung quanh, gào lên vui sướng:

- Xin ngòi cao thêm nữa để thiên hạ đều được thấy mặt rồng, cho thoả lòng vui của mọi người!

Trong lúc gấp vội không có kỷ sập, họ phải dùng tạm chiếc mâm vẫn bày cỗ lộc làm ghế, đặt thể tử ngòi lên, rồi tám người kê vai vào khiêng. Chốc chốc họ lại nâng bổng chiếc mâm lên trên đầu mà đội; đầu mỗi lại hạ xuống vai, rồi vai mỗi lại nâng lên đầu. Cứ thế lên lên xuống xuống y như người ta giơ quả cầu hoặc rước pho tượng phật. Mỗi lần thể tử được nhô lên cao, quân lính lại vỗ tay reo hò vang lên một chập. Những kẻ buôn bán ở các phố phường, chợ búa đều tranh nhau kéo đến xem chúa, sân phủ đông như họp chợ.

Quận Châu phải đem ngọn cờ đuôi báo phát ở giữa sân, rồi khua chiêng thu quân, mãi đến hơn một trống canh mới yên.

Mấy hôm trước, ngày nào trời cũng u ám. Hôm ấy tự dưng bầu trời lại trong sáng, mọi người đều cho đó là cái điềm thái bình, thánh chúa. Kê qua người lại trên đường đều hý hửng nói: "Chúa ta lập rồi!". Thế rồi họ truyền miệng nhau mà reo mừng, kinh kỳ hôm ấy vì thế phải nghỉ phiên chợ.

Quân lính đặt chiếc sập ngự ở ngoài phủ đường, các quan đều diu thể tử lên ngòi chúa. Cuộc lễ mừng xong rồi, các quan mới đem đạo sắc của nhà vua và tờ chỉ của thánh mẫu dụ ba quân về việc phò lập chúa, tới dán ở cửa các. Những tờ ấy đều là tạm thời thảo ra, nhưng được gọi là mệnh lệnh định sẵn.

Hôm ấy, việc biến xảy ra, Thị Huệ khiếp sợ vô cùng, phải thay đổi quần áo, nấp ở hậu cung. Các gia thần của vị chúa nhỏ cũng đều chạy trốn hết cả. Riêng quận Diễm bé chúa lánh đi ở một nơi khác, từ sớm đến tối không được miếng gì vào mồm, chúa gào khóc nheo nhéo. Quận Diễm phải dọa: "Không được khóc to, kéo quân lính nghe tiếng, chúng nó kéo đến đánh chết!" Chúa nhỏ sợ hãi, mới không khóc nữa.

Đến đêm, thánh mẫu sai người đi tìm Thị Huệ cùng chúa nhỏ về cung, cho thay quần áo và ăn uống. Chúa nhỏ vì quá sợ hãi không ăn uống gì được, bệnh càng thêm nguy kịch.

Chúa mới (Trịnh Tông) bèn treo giải hễ người nào chữa khỏi bệnh cho chúa nhỏ, thì thưởng một trăm lạng vàng và phong cho tước hầu. Nhưng rốt cuộc không có ai nhận chữa.

Hôm sau, chúa mới ra lệnh cho quan tham tụng Tứ-xuyên hầu, thay chúa nhỏ làm một tờ khải xin tự lui xuống làm vương đệ. Tờ khải làm xong, chúa mới giao xuống cho các đình thần bàn bạc. Các quan xin giáng phong chúa nhỏ làm Cung quốc công. Được ít lâu sau thì Cung quốc công qua đời.

Lại nói, bọn quân lính tuy đã giết chết anh em quận Huy, nhưng cơn giận vẫn chưa hả. Phò lập thể tử Tông lên ngòi chúa xong xuôi, họ lại kéo đến quỳ ở trước mặt chúa xin phá tất cả dinh cơ của quận Huy.

Chúa ưng lời ngay. Ba quân liền reo lớn:

- Quan cứ lệnh, lính cứ truyền, mau đi phá huỷ dinh quận Huy anh em ơi!

Chỉ trong chốc lát, nhà cửa của quận Huy bị phá tan tành, một mảnh ngói cũng không còn. Rồi bọn quân lính càng thừa thế hoành hành. Phàm các quan văn võ hễ ai thuộc bè đảng của Thị Huệ và quận Huy, cùng những người dưng vào việc tố giác vụ án năm Canh-tý (việc Tông mưu cướp ngôi khi trước) những viên quan hầu mọi ngày có tính ngiệt ngã mà quân lính vẫn ghét, lúc ấy cũng đều bị phá nhà hàng loạt và bị lòng bắt đem giết chết.

Luôn trong mấy ngày, họ làm náo động cả kinh thành. Tông phải hạ chỉ ngăn cấm mà họ vẫn không thôi.

Sau, chúa phải sai người dò xét trong kinh kỳ, lên đến chỗ họ tụ họp, rồi bắt phứa lấy một người thường dân ở gần đó đem chém để ra oai. Từ đó về sau việc phá phách nhà cửa mới tạm ngừng, nhưng việc lòng bắt người để giết thì vẫn chưa dứt.

Lại nói, trong bọn thủ hạ của quận Huy có một người tên là Nguyễn Hữu Chính, quê ở làng Đông Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An.

Cha Chính nhờ nghề buôn bán, trở nên giàu sang, gia tư kẻ có hàng vạn, thường vẫn ở dưới cửa quận Việp.

Chính, phong tư đẹp đẽ, trí tuệ hơn người. Lúc nhỏ theo học nho, đã đọc khắp các kinh sử, năm mười sáu tuổi đỗ hương cống; đã từng theo cha nương nhờ dưới cửa nhà quận Việp.

Chính giỏi về thơ văn quốc âm. Vì mến công nghiệp của Quách Tử Nghi nhà Đường, Chính có làm bài Quách lệnh công phú bằng chữ nôm, được nhiều người trong nước truyền tụng.

Tính Chính lại hào hiệp, giao du khắp thiên hạ. Trong nhà Chính lúc nào cũng có vài chục người khách, khi ngâm thơ, khi uống rượu, tùy theo sự hứng thú mà thù tạc với nhau. Nhà Chính nuôi mười mấy ca nhi và vũ nữ; Chính tự tay soạn ra bài hát, phổ vào đàn sáo, ngày đêm bắt họ ca múa để mua vui.

Vì thế, Chính được xem là tay phong lưu bậc nhất ở đất Trường An (tức là kinh đô Thăng Long. Nguyên là tên kinh đô nhà Hán, sau thành danh từ chung chỉ kinh đô) hồi ấy.

Ngoài ra, Chính lại còn có tài khôi hài, mỗi khi bông đùa ai cũng phải phục.

ở trong nhà quận Việp hơn mười năm, Chính mới được cử ra coi đội Thiện-tiểu; có kẻ thấy vậy chê rằng: "Sao nhỏ thế?". Chính liền đáp lại ngay: "Chớ cho điều thiện nhỏ mà không làm!" (câu này rút trong bài di chúc của Lưu Bị đời Tam quốc để lại cho con. Nguyên văn là: "Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi", ở đây Chính mượn hai chữ Thiện-tiểu của Lưu Bị để chỉ đội Thiện-tiểu với ý khôi hài). Cả đám đều bật cười. Tài bông đùa của Chính đại để là như vậy.

Khi quận Việp vào đánh phương Nam, Chính được đi theo giúp việc bút nghiên. Thấy Chính có tài, quận Việp hết sức yêu mến.

Sau khi quận Việp qua đời, có kẻ tố cáo rằng trong lúc làm việc quan, Chính đã đánh cắp vàng bạc của công kể đến hàng trăm vạn. Việc ấy liên lụy đến cả quận Huy. Chính bị tổng giam vào ngục và bị tra tấn đến gần chết, nhưng vẫn nhất định không xưng. Nhờ vậy Chính mới được vô tội. Còn quận Huy thấy thế thì lại càng trọng Chính bội phần.

Lúc vào làm trấn thủ Nghệ An, quận Huy dùng Chính làm hữu tham quân; thường giao cho Chính luyện tập thủy thủ để chống giặc biển. Chẳng bao lâu Chính trở thành vô địch trong nghề thủy chiến. Ngoài biển, mọi người thường gọi Chính là "con hải ung".

Đến hồi quận Huy đổi về trấn Sơn Nam, Chính cũng được đổi sang cai quản đội Tiền-trung, đem quân đi tuần mặt biển. Rồi ít lâu sau, Chính lại được đổi về trông coi cơ Tiền-ninh ở trấn Nghệ An.

Ngôi mã tổ nhà Chỉnh nằm ở trên núi Côn Bằng. Về thế đất ấy, sách địa lý nói rằng: "Ngàn vạn con rồng đuổi ngàn vạn con hổ; xưng bá xưng vương đều được như ý". Nhân đó Chỉnh mới tự đặt hiệu là Bằng lĩnh hầu.

Thời kỳ còn ở dưới trướng quận Việp, Chỉnh có một người quen cùng làng tên là Nguyễn Viết Tuyển, thi võ đỗ biên sinh. Tuyển vốn có sức lực hơn người, lại là tay can đảm, mưu lược, nhờ Chỉnh tiến cử lên quận Việp, nên Tuyển được coi trung đội của đạo Hậu-kiên đóng ở trấn Sơn Nam.

Đến lúc này nghe tin trong kinh có biến, Tuyển vội vã vượt biển về quê. Giương buồm ra đi từ ngày 26 đến ngày 28 thì đến làng Đông Hải. Tuyển đem hết mọi việc ở đường ngoài kể lại với Chỉnh. Chỉnh bối rối, hoảng hốt, không biết nên làm thế nào.

Thật là:

*Sóng nổi đất bằng ai chẳng sợ,
Nắng thiêu núi tuyết khó nương nhờ*

Hồi thứ ba
Dương nguyên cứu bàn chém kiêu binh,
Nguyễn quốc sư mưu trừ nội loạn.

Lại nói, Nguyễn Hữu Chỉnh nghe lời Viết Tuyền, bị một phen giật mình sợ hãi, nhưng rồi lại cố trấn tĩnh ngay và giữ kín chuyện đó không để lộ cho ai biết, chỉ bí mật dặn vợ mấy điều, rồi đi thẳng đến trấn sở Doanh cầu để bàn với Dao trung hầu [tức Vũ Tá Dao, người huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh (Nghệ Tĩnh)].

Dao trung hầu nguyên là em rể quận Việp, hiện làm trấn thủ Nghệ An, nghe lời Chỉnh nói, sợ lắm, liền hỏi mưu kế nên như thế nào.

Chỉnh nói:

- Trấn này giáp liền trấn Thuận Hoá, hiện nay phó tướng Phú Xuân là Thê quận công, đồn thủ Động Hải là Khôi thọ hầu (Thê quận công tên là Hoàng Đình Thê. Khôi Thọ hầu tên là Khôi Thọ), đều là môn đồ của cụ quận Việp; với chúng ta cũng là những người cùng thuyền. Quan lớn nên viết thư kín bảo quận Thê tìm cách giết viên đại tướng Phú Xuân, chiếm lấy thành đó, rồi kíp cho người ra dụ Khôi Thọ. Khôi Thọ thế nào cũng đem cả thành Động Hải mà hưởng ứng với ta. Còn ở đây, quan lớn cứ việc giữ lấy trấn này để làm cái thế môi răng với hai nơi ấy. Rồi ngài thu dùng hào kiệt, chiêu mộ thổ binh, chặn đường Hoàng Mai và đóng đồn lớn ở vùng Quỳnh Lưu để làm kế cô thủ. Còn về việc phòng giữ mặt biển, tôi xin đảm đương. Trấn này địa lợi có thể nương tựa, nhân tâm có thể trông cậy. Năm trước, quận Siêu bị tội với đức Dụ tổ (tức Trịnh Giang) cũng giữ trấn này để chống lại nhà chúa, cuối cùng đã thoát khỏi tai nạn. Huống chi sự thế ngày nay lại còn dễ dàng hơn hồi quận Siêu, nếu ngài làm được như vậy, ấy là đã lấy được nửa thiên hạ rồi. Chẳng những triều đình không làm gì nổi, mà ngài còn có thể giữ cõi yên dân, ung dung ngồi nhìn sự thay đổi của thiên hạ. Như thế, chẳng những trước mắt khỏi bị tai vạ mà về sau còn có thể lập được kỳ công nữa!

Dao trung hầu ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Kế của ông quả thực là hay lắm. Nhưng tôi tự liệu tài sức không thể làm được như thế. Xin ông nghĩ cho cách thứ hai nữa xem sao?

Chỉnh đáp:

- Ngoài kế ấy ra, chỉ còn một cách bỏ nước mà đi thôi!

Dao trung hầu lại hỏi:

- Nhưng mà đi đâu?

Chỉnh nói:

- Thiên hạ vạn nước lo gì không có chỗ đi?

Rồi Chỉnh ghé tai Dao trung hầu nói nhỏ mấy câu. Dao trung hầu nửa muốn nghe theo, nửa lại mơ hồ chưa quyết, liền nói với Chỉnh:

- Đó cũng là việc to lớn lắm, để tôi nghĩ lại xem đã!

Chỉnh nói:

- Bây giờ sự biến chỉ trong chốc lát, đợi khi ngài nghĩ lại thì có lẽ cái lệnh tróc nã đã tới nơi rồi. Vậy ngài hãy ở lại mà nghĩ, xin để cho tôi được tự tiện!

Rồi Chinh cáo từ ra về. Tới nhà, Chinh hỏi vợ biết mọi việc đã sửa soạn xong; bèn nói là có lệnh của quan trấn thủ sai đi tuần tiểu mặt biển, rồi đưa hết người nhà từ già đến trẻ và tất cả các thứ gia sản xuống thuyền. Mọi người trong nhà đều không hiểu là chuyện gì.

Khi tất cả đã ở trên thuyền rồi, Chinh mới gọi hơn ba trăm lính cơ do Chinh trông coi, bảo họ đứng ở bờ sông, nói rõ ràng duyên cớ cho họ nghe, để lại cho mỗi tên lính một quan tiền đen, rồi từ biệt họ. Đến tận lúc ấy, bọn lính mới hiểu công việc của Chinh.

Thuyền nhỏ neo, Chinh cho bắn ba phát súng lớn, rồi sai chèo ra giữa dòng sông và kéo buồm cho thuyền chạy thẳng ra biển.

Lại nói, ba quân sau khi đã phò lập được thế tử Tông lên ngôi chúa, họ cậy vào công đó sinh ra kiêu căng. Hàng ngày họ tụ họp để cùng nhau bàn việc triều đình. Thường khi họ viết giấy đưa vào trong triều, nói việc này nên thế, việc kia nên đổi. Nhiều khi những việc vô lý họ cũng bắt buộc triều đình phải làm. Chẳng những thế họ còn đòi hỏi những ơn này ơn khác, không biết thế nào là đủ. Triều đình hễ có ai bàn chuyện phải chăng, thì họ lấy việc phá nhà, đánh giết ra để hăm dọa. Những lúc các quan xử kiện, họ cũng nhúng tay vào, hoặc nhận bên nguyên là người họ, hoặc nhận bên bị là người quen, rồi ép các quan phải đổi trắng thay đen. Còn dân chúng trong vùng họ đóng có kiện cáo gì, thì họ tự ý đòi bắt và xử đoán lấy, không cần gì đến quan tư.

Các quan đều phải nhịn hơi nuốt tiếng, không dám động chạm đến họ. Trong cung hễ động làm việc gì bất kể lớn nhỏ, họ cũng dòm nom bàn tán; hoặc bề việc này sao làm thế kia, hoặc hỏi việc kia sao làm thế này. Chúa và Dương thái phi cũng tự thấy bị bó buộc quá, không thể chịu nổi.

Triều đình bàn nên xét công ban thưởng, để tỏ rõ sự đền ơn, khiến cho họ đều được mãn nguyện; rồi sau đó sẽ dùng phép vua mà trừng trị dần dần. Chúa cho là phải, bèn sai các quan bàn định về công giúp đỡ tôn phò nhà chúa. Phong cho Bằng Vũ là Suy trung dực vận công thần, tước hầu, coi đội quân châu chục ở nội cung. Quận Viêm, quận Hoàn cùng bọn Nguyễn Kiêm, Gia Thọ, Dự Vũ đều được phong làm Tuyên lực công thần và theo thứ bậc khác nhau, đều được thăng chức tất cả. Riêng ba chục người nhóm họp ở chùa Khán-sơn lại còn được ghi tên vào sổ trung nghĩa và cho thăng thưởng thêm. Ngoài ra, các quân lính thủy, bộ, trong, ngoài đều được thăng chức một lần, đồng thời được ban tiền thưởng tùy theo công trạng nhiều hay ít. Triều đình lại cấp cho họ những đạo sắc bỏ trống chỗ để tên người, họ có thể nhượng lại cho kẻ khác mà lấy tiền để hưởng được ơn huệ thực sự.

Sau khi quân lý đã nhận thưởng đầu vào đấy, chúa bèn dụ họ ai nấy đều nên tuân theo pháp luật để cùng vui hưởng thái bình.

Bấy giờ, quân lính liền răn bảo nhau rằng:

"Cánh mình đã phò lập ông ấy làm chúa, thì cũng đừng nên quấy nhiễu quá để cho ông ấy được biết cái thú vui làm chúa. Rồi xem sau này dần dần thuận cảnh ông ấy cư xử ra sao? Nếu ông ấy can rõ quá đáng, thì lúc bấy giờ sẽ liệu cách mà trừng trị. Chúng mình chẳng nào cũng không mất quyền làm lính kia mà!"

Rồi từ đó, họ cũng bớt làm bậy.

Chúa được yên ổn đôi chút, liền đưa những người thân tín cũ vào các chỗ trọng yếu. Lấy tả tư giảng Nguyễn Khản làm tham tụng; cậu cả là Khuông thọ hầu Dương Khuông làm quyền phủ sự.

Nguyễn Khản người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, là con Xuân quận công Nguyễn Nghiễm. Khản sinh ra là một trang phong lưu công tử, thi đỗ rất sớm, theo phò Thịnh vương từ lúc chưa lên ngôi chúa, được vương rất đổi yêu mến. Kịp đến khi vương lên ngôi, Khản lại càng được tin dùng, được ra vào trong cung cấm, y như các viên nội giám.

Tính Khả hào hoa, trong lâu đài không mấy khi dứt tiếng sênh ca, hoặc tiếng ngâm thơ, đánh đàn để mua vui. Người ta thường xem Khả là bậc phong lưu đại thần. Tại đình Kim-âu nơi Khả ở, có đủ cả nước, non, trúc, đá, cảnh trí hết sức thú vị. Thịnh vương hay ngự chơi nhà Khả, thường ban thưởng rất nhiều.

Trước Khả làm tả thị lang sung chức bồi tụng, với Xuân quận công cùng ở trong chính phủ. Sự yêu quý của chúa đối với Khả hồi ấy, thật là có một không hai trong hàng các quan văn võ.

Sau đó, Khả được đổi làm trấn thủ Sơn Tây và kiêm cả trấn thủ Hưng Hoá. Đến khi xảy ra vụ án năm Canh tý, tội Khả đáng phải chết, nhưng Thịnh vương nghĩ thương tình, đặc cách cho giảm nhẹ, chỉ bắt giam ở nhà quận Châu. Hồi ấy quận Huy và Thị Huệ cũng muốn tìm cơ đưa Khả đến chỗ chết. Nhưng Khả biết ý đã làm một bài Tự tình khúc bằng chữ nôm, kể hết những sự đãi ngộ quý mến ngày xưa, rồi nhờ người lên đưa giấu cho chúa. Chúa xem bài đó, động lòng thương; nhờ vậy Khả mới thoát chết.

Kịp đến khi thế tử Tông lên ngôi, Khả lại được phục chức về ban cũ, rồi thăng chức thượng thư bộ Lại, tước Tán quận công.

Nguyên ngày đi đánh dẹp phương Nam, Khả làm tham lĩnh trấn Nghệ An, kiêm trông coi về lương hướng của quân lính; Khả có dung túng cho người nhà quấy nhiễu xứ ấy. Nên bây giờ thấy Khả được phục chức, thì bọn lính xứ Nghệ lại lôi cái oán cũ ấy ra. Họ nhao nhao bảo nhau: "Lão ấy là người xa xỉ, phóng túng, năm xưa đã từng gieo rắc bao nhiêu tội ác cho trấn ta, ta kiện nhưng không được xử. Nay lão ấy lại làm quốc sư, rồi nếu để lão ấy lại làm tể tướng nữa thì dân chịu sao nổi? Chi bằng chúng ta mỗi đứa cho một quả đấm cho xong đời lão ấy đi!"

Nhưng rồi trong bọn lại có kẻ đứng ra khuyên giải, nên Khả mới được vô sự.

Dương Khuông là em ruột Dương thái phi; người rất dung tục bỉ ổi, không có tài năng gì hết. Vụ án năm Canh tý, tội tở, họ hàng, bè đảng nhà thế tử Tông đều bị tai vạ, riêng Khuông nhờ ngu si mà được hưởng phúc thái bình.

Khi thế tử mới lên ngôi, Khuông liền được giao cho trông nom cơ Trung uy, cùng với Dương thái phi nấp bên trong mà định đoạt mọi việc. Quân lính đã từng nhạo báng rằng: "Cậu ấy thì có tài cán gì? Chẳng qua chỉ nhờ vào cái bóng của người mặc váy mà được như thế. Nay vừa khỏi vòng cùng khổ, đã muốn vội giàu sang. Cũng ví như kẻ bị đói đã lâu, lúc gặp cơm thì ăn ngốn ăn ngấu rồi cũng đến nứt ruột ra mà thôi!"

Đến bây giờ thấy Khả và Khuông cùng vào chính phủ, lòng họ đều không phục. Tuy vậy, bọn họ cũng rất giao quyệt, kẻ này oán nhưng kẻ kia lại ơn, sau lưng họ chê mà trước mặt họ lại khen, chẳng còn hiểu đầu đuôi ra sao?

Vả chẳng những nhà có chức quyền trọng yếu thường thường chỉ nghe lời nói chuyện thái bình mà không nghe lời nói chuyện nguy biến. Việc gì cũng muốn mạnh bạo tiến tới, nhưng không biết ngoảnh nhìn mối lo về sau. Họ chỉ muốn nóng vội làm cho chóng được thái bình. Cho nên mới có những mưu kế sâu sắc, những lời bàn bạc kín đáo, mà việc cần kíp thứ nhất là đè nén bọn kiêu binh.

Tình cờ lúc đó, trong đám kiêu binh có bốn người lính giả lấy danh nghĩa đồng đội, ức hiếp người lái buôn Đông Hà để mượn thuyền. Việc này bị người đội trưởng phát giác và triều đình đem chém cả bốn. Bọn kiêu binh đều oán là hình phạt quá lạm. Nhưng vì họ đã trót tự mình phát giác ra, nên cuối cùng cũng đành im.

Khả và Khuông thấy đám lính im lặng, cho là uy quyền đã được lập lại; hai người mừng rỡ bảo nhau: "Nhà nước đã sẵn có pháp luật. Nếu ta cứ giữ vững pháp luật như thế vài lần, thì dù chúng có kiêu cũng chẳng kiêu được!"

Bấy giờ có viên tri huyện Đông Thành là Mai Doãn Khuê, người làng An Toàn, huyện La Sơn. Khuê vốn là tay giáo quyết ghê gớm trong trấn Nghệ An. Việc quân lính nông nhênh làm bậy, phần nhiều đều do hắn xui giục. Vì muốn tăng công với triều đình, Khuê bèn mật báo với Tán quận công Nguyễn Khản rằng:

- Triều đình cho rằng kiêu binh có thể dẹp được, nhưng không biết rằng hoạ lớn sắp xảy ra không thể nào ngăn nổi. Tôi nghe bọn lính bàn nhau: Hoàng tự tôn (Hoàng tự tôn là cháu nối nghiệp của hoàng thượng, chỉ Lê Duy Kỳ, tức Chiêu-thống sau này) nguyên trước do họ đón về, nay hoàng thượng tuổi già, mà hoàng tự tôn cũng đã khôn lớn, họ muốn họp nhau tâu xin hoàng thượng nhường ngôi cho cháu. Khiến cho ngôi vua ngôi chúa đều do tay quân lính dựng lên, để công của họ càng to thêm. Trong bọn họ lại có một số người cậy mình có công rồi tỏ ý oán vọng, họ muốn phò cho nhà vua thống nhất thiên hạ, để cướp lại quyền ở nhà chúa. Nếu kế ấy mà thành được, tôi e các ngài sẽ không còn đất mà gửi thân nữa.

Tán quận công đem lời ấy tâu lại với chúa. Chúa sai Doãn Khuê phát giác chuyện đó.

Khuê bèn vu cáo cho viên câu kê Siêu thọ bá, cháu gọi Tứ xuyên hầu bằng cậu, cũng có dự mưu.

Việc ấy được giao xuống tra xét thì không thấy bằng chứng gì hết. Nhưng triều đình vẫn cho là người tố cáo nói đúng, bèn đưa Siêu Thọ về giam ở quê quán.

Còn Doãn Khuê vì có công phát giác, được phong làm Khuê lĩnh bá, cho cai quản toán lính châu hầu ở nội điện. Khuê lại còn được kiêm chức giảng quan cho hoàng tự tôn và được ở luôn trong nội điện để dò xét công việc của ông hoàng đó.

Lại nói, hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ (trước tên là Duy Khiêm, hoặc Tư Khiêm), là con thái tử Lê Duy Vỹ đã mất.

Thái tử xưa vóc người đẹp đẽ, tư chất thông minh. Thấy nhà vua bị mất quyền, thái tử căm tức lắm, thường vẫn khảng khái nuôi chí thu phục lại quyền bính. Thái tử lại từng xem khắp kinh sử, yêu mến các nho sinh; nên hào kiệt trong thiên hạ không ai là không ngưỡng vọng. Trong lúc Thịnh vương còn là thế tử, chỉ vì tranh giành trên dưới mà vương có bụng ghét thái tử.

Khi ấy chính phi của Ân vương không có con trai, chỉ sinh được một con gái tức là công chúa Tiên Dung. Tiên Dung được vương hết sức yêu chiều. Năm nàng mới mười tuổi, chính phi xin với vương gả cho thái tử để sau này nàng làm hoàng hậu. Vương bằng lòng.

Một hôm thái tử và thế tử cùng vào thăm Ân vương; vương mời ăn cơm và để con rể với con trai cùng ngồi một mâm. Chính phi thấy vậy liền nói rằng:

- Sao chúa lại được cùng ăn với vua?

Rồi bà ta bắt ngồi riêng ra mỗi người một nơi. Thế tử giận tái mặt lại, nhưng vẫn cắn răng không dám nói. Lúc tan tiệc trở ra, thế tử bảo với thái tử:

- Hai chúng ta sẽ phải một người sống, một người chết. Vua ấy cũng không nên đứng cùng với chúa này!

Đến khi Thịnh vương lên ngôi chúa, liền lập mưu với gia thần là viên quan hoạn Thiệu quận công Nguyễn Kim Đĩnh (chính tên là Phạm Huy Đĩnh, người xã Cao Mỗ, nay là xã Kim Bôi, huyện Tiên Hưng, Thái Bình), vu cho thái tử Vỹ thông dâm với cung nữ của Ân vương; rồi đem tội đó tâu lên hoàng thượng để bắt thái tử bỏ ngục.

Trước đó, trong giếng Tam Sơn ở mé sau điện bồng có tiếng nổ như sấm. Thái tử dùng thuật số để bói, biết mình sắp gặp nạn, bèn đến nói với hoàng thượng. Hoàng thượng cũng lấy làm lo, vẫn phải luôn luôn cầu nguyện cho con.

Kịp tới ngày bị bắt, thái tử biết tai nạn xảy ra đến nơi, liền vào ẩn ở trong điện ngủ của hoàng thượng.

Quận Thiệu dẫn toán lính trước tiên xông thẳng vào Đông cung, định bắt thái tử đã rồi mới tâu vua, nhưng tìm khắp cả Đông-cung không thấy. Quận Thiệu liền vào thẳng trong điện, kể tội thái tử cho vua nghe, rồi nói rằng:

- Tôi nghe nói thái tử náu ở chỗ ngủ của bệ hạ, xin hãy bắt giao cho tôi.

Hoàng thượng ôm mãi lấy thái tử không nỡ rời ra. Quận Thiệu cũng cứ quỳ mãi ở giữa sân điện.

Thái tử tự biết mình không thể thoát được, liền lạy trước mặt hoàng thượng, rồi ra cho quân lính trói.

Sau khi giải về phủ chúa, thái tử bị truất xuống làm dân thường và bị giam vào ngục. Rồi Thịnh vương ép hoàng thượng lấy người con thứ tư là Lê Duy Cận làm hoàng thái tử.

Được ít lâu sau, quận Thiệu lại sai tay chân vu cáo cho hai nho sinh thi đỗ ở làng Đan Luân là Nguyễn Huy Sưởng [chính là Vũ Bá Sưởng người làng Đan Luân, nay thuộc Bình Giang, Hải Dương (Hải Hưng)] và Lương Giản (người xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn, nay là Tĩnh Gia, Thanh Hoá), rằng hai người này âm mưu cướp thái tử ra khỏi ngục để cùng dấy quân làm loạn. Việc này được đưa xuống các quan bàn bạc, và bắt Sưởng để tra xét. Giản khi ấy đã kịp bỏ trốn. Còn Sưởng bị đánh đau quá, không chịu nổi roi vọt, đành phải nhận liều. Thế là thái tử phải ghép vào tội thắt cổ.

Ngày hành hình, bầu trời tự nhiên tối tăm, giữa ban ngày mà chỉ cách nhau gang tấc cũng không trông rõ. Chừng hơn một khắc mới lại sáng sủa. Già, trẻ, trai, gái trong thiên hạ, không ai là không rơi nước mắt. Họ đều cho rằng đó là việc trái ngược nhất, bi thảm nhất từ xưa đến nay. Hôm ấy nhằm ngày 20 tháng chạp, năm Tân-mão, niên hiệu Cảnh-hung (1771).

Sau khi giết thái tử, Thịnh vương bắt đầu có chí thống nhất đất nước, định bắt cả ba con của thái tử giam vào một nơi. Một hôm, chúa tắm gội ăn chay, rồi ngự ra hồ Tây để cầu thần báo mộng. Đang đi, chợt thấy trước mặt có một cái kiệu, trên kiệu có một người ngồi chính chện, nhìn kỹ té ra đó là thái tử Vỹ. Chúa truyền hỏi quân lính có ai trông thấy xe kiệu gì ở trước mặt không. Quân lính đều nói không thấy. Chúa lo lắng, liền sai quay ngay về cung. Đêm ấy, chúa đang nằm trong màn, bỗng thấy một người đầu đội khăn hồng, mình vận áo đỏ, tay cầm một chiếc mái chèo, vạch màn ra rồi đứng ở đầu giường trừng mắt nhìn mình. Chúa vội hỏi ai thì người ấy đáp rằng:

- Ta là Duy Vĩ đây!

Chúa cả sợ, bấy giờ mới biết đó là linh hồn của thái tử Vỹ.

Nguyên khi thái tử bị bắt thì một người đàn bà trong cung bế các con của thái tử chạy trốn về phía tây, vào ngủ nhờ nhà một người dân ở làng Dịch Vọng, huyện Từ Liêm.

Người dân này đêm trước đã mơ thấy có người bảo rằng: "Mày phải quét rửa nhà cửa, sân vườn cho sạch sẽ, thiên tử và thái hậu sắp sửa tới nơi?" Tỉnh dậy hắn ta nghĩ bụng: "Mình là nhà dân, đâu được cái may mắn có các bậc chí tôn ngự tới?" Rồi suốt ngày hôm đó, hắn ta chấp tay đứng đợi ở ngoài cổng; nhưng đợi mãi mà vẫn chẳng thấy một ai. Đến xẩm tối, mới thấy một người đàn bà bồng con xầm xầm tiến đến trước cổng xin ngủ nhờ; hắn ta liền đón ngay vào trong nhà và mời ngồi lên chiếc phản cao nhất. Sau khi đã kể qua câu chuyện chiêm bao cho người đàn bà nghe, hắn ta lại nói:

- Cứ theo giấc mộng đêm qua của tôi như thế, thì bà và các cậu đây hẳn phải là dòng dõi quý tộc; nếu không phải thân thích nhà vua, ắt cũng là họ hàng nhà chúa!

Người đàn bà đó chính là cung phi họ Nguyễn, nghe nói, vội gạt đi mà rằng:

- Câu chuyện chiêm bao, có gì là bằng cứ. Bác đừng nói nhảm, đó là việc chết người chứ không phải chuyện chơi đâu!

Ngay sớm hôm sau, mấy mẹ con lại từ giã chủ nhà mà ra đi. Nhưng chẳng bao lâu, bị người ta dò theo tung tích bắt được, đưa về an trí ở trấn Sơn Tây, rồi lại bị giải về kinh đô và giam ở ngục đề lĩnh.

Kịp đến khi quân lính phò thế tử Tông làm chúa, thì hoàng tôn (Lê Duy Kỳ) đã 17 tuổi. Nhà dịp ấy, quân lính bèn mang luôn kiệu tới nhà giam đón hoàng tôn về điện.

Hoàng tôn mặt rỗng mắt phượng, tiếng nói như chuông, quân lính thấy vậy đều khen: "Thật đúng là bậc thiên tử"

Bà nội thế tử Tông xưa nay vốn thân với thái tử Lê Duy Cận. Thấy hoàng tôn về, bà ta sợ thái tử Cận mất ngôi, liền sai người giả vờ mời hoàng tôn vào châu ở cung Huỳnh, để lừa bắt hoàng tôn đem chìm xuống sông Nhĩ Hà. Lúc hoàng tôn vào cung, bà ta cho tay chân bức hoàng tôn phải nằm lên sàng rồi bí mật khiêng đi.

Khi qua hồ Sen, hoàng tôn nằm trong sàng kêu gào ầm ĩ: lính canh nghe tiếng, quát phải đứng lại. Phu sàng và tên đi theo bỏ chạy tứ tung, nhân đó hoàng tôn được thoát nạn (theo Cương mục thì hơi khác; bà nội Tông sai hoạn quan Liêm Tăng ép Kỳ tới châu hầu, để bí mật giết chết. Kỳ chối không được, vừa khóc vừa đi. Do đó, quân lính phát hiện được la hét đòi tra ra kẻ thủ mưu. Họ tìm Liêm Tăng không thấy, có ý ngờ cho Cận chủ mưu).

Bấy giờ ba quân ồn ào nhốn nháo, muốn tra ra kẻ mưu hại hoàng tôn để bắt mà giết đi.

Thái tử Cận nghe được chuyện đó, liền vào phủ hầu chúa.

Thấy kiệu thái tử để ở ngoài cửa phủ, quân lính đều tức giận nói: "Ngôi vua lại có thể cầu may mà được à? Để chi cái của này để hấn tiện đường chạy chọt làm những việc bậy bạ!"

Rồi họ phá tan chiếc kiệu. Thái tử Cận hoảng sợ phải ăn mặc giả làm thường dân mà lên về cung.

Chúa biết việc đó là do ở nơi bà mình gây ra, bèn dụ quân lính không nên làm ồn ào. Rồi lập tức sai triều đình bàn định việc dựng hoàng tôn Kỳ lên ngôi đông cung, cho được yên lòng ba quân.

Chúa ép thái tử Cận phải nhường ngôi và giáng phong làm Sùng nhượng công.

Thế là hoàng tôn Lê Duy Kỳ được lên ngôi làm hoàng tự tôn. Hoàng thượng liền sai đặt ra các giảng quan để trông nom việc học hành. Công phu dạy dỗ ấy, ngày tháng thêm nhiều mãi. Do đó cái tiếng thánh hiền nhân hiệu của hoàng tôn được đồn vang khắp cả trong ngoài. Cũng do đó mà quân lính mới có cái mưu tôn phò cho hoàng tôn lên làm vua.

Đến khi Doãn Khuê tố cáo, tuy tra xét không thấy có bằng chứng gì, nhưng cuối cùng chúa cũng vẫn ngờ.

Một hôm, quân lính họp nhau, đem việc đón rước hoàng tôn ở nhà giam ra tâu lên hoàng thượng, để kể công và xin được ban ơn. Hoàng thượng cho ba quân vào lạy ở sân điện Vạn-thọ, tuyên chỉ uỷ lạo họ. Rồi truyền cho viên tả phiên lại sai người đánh cá hồ Sen lên, chọn lấy cá trắm làm gỏi thết đãi cả bọn. Sau đó mới từ từ bàn đến cách thưởng công cho họ.

Lúc quân lính ngồi dự yến tiệc ở trên điện, có kẻ chạy đi báo tin với chúa. Chúa cho đòi ngay quốc sư Nguyễn Khản, quốc cử Dương Khuông vào phủ và bảo:

- Cái mưu mô tôn phò của bọn kiêu binh thật là giặc không thể tắt được! Hiện giờ chúng nó đang tụ họp trên điện nhà vua. Vậy ta nên làm thế nào?

Quốc sư Nguyễn Khả đáp:

- Xin cho bắt mà giết đi!

Chúa bèn sai viên đầu hiệu đội Nhưng-nhất là Triêm vũ hầu (tên là Nguyễn Triêm) đem đội quân Phong-vân đến vây bắt.

Gã Triêm vũ hầu này người làng Phú Hoa, huyện Yên Lãng, thi đỗ tạo sĩ, dáng người hùng vĩ, có can đảm lại có sức khỏe. Sau khi vâng mệnh chúa, Triêm vũ hầu liền xách gươm đi thẳng ra ngoài cửa phủ, rồi tuốt gươm ra, lấy tay gạt gạt vào lưỡi gươm mà nói: "Gươm sắc lắm! Gươm sắc lắm!

Chém được đầu kiêu binh đây!". Tiếp đó gã dẫn quân xông thẳng lên trên điện, vây lấy chỗ bọn kiêu binh đang tụ họp ăn uống.

Ba quân đang mải mê chè chén, thấy có lính đến vây bắt thì đều hoảng hốt bỏ chạy tán loạn. Triêm vũ hầu và đội quân Phong-vân đuổi bắt được bảy tên, đem giải về phủ chúa.

Chúa lập tức cho vời các quan tới để bàn cách xử trí. Các quan tới đông đủ, đem cả bảy tên ra tra hỏi. Bảy tên cứ thực tình khai hết, không có âm mưu gì khác cả. Các quan họp bàn đều có ý che chở cho họ. Riêng nguyên cữu Dương Khuông lại quả quyết mà rằng:

- Không phải hỏi tội trạng nào cả! Chỉ cái thói hay tụ họp mà không chừa cũng đáng xử chém rồi, còn phải bàn bạc làm gì nữa? Bọn chúng cứ cậy đông người mà ngông nghênh, không thể một lúc giết cho hết được. Nhưng hễ đưa nào phạm tội thì quyết không dung tha. Ví như cả bó đuề thì không thể nào bẻ gãy được, nhưng nếu cứ rút riêng một hai chiếc ra mà bẻ, thì lâu dần rồi cũng phải gãy hết. Hôm nọ chém bốn đứa đó, thế là chịu chết bốn đứa, có thấy chúng bắt đền được ai đâu?

Quốc sư Nguyễn Khả cũng nói thêm:

- Lời bàn của quốc cữu thực là có lý. Các quan cứ nên theo luật mà thi hành.

Các quan bèn chiếu theo điều luật "vào trộm hoàng thành" mà xử cả bảy tên vào tội bêu đầu.

Tờ khai dâng lên, chúa sai đem tội phạm ra chém ngay hôm đó. Trong triều ngoài phố, ai cũng lấy làm hả hả. Bữa ấy nhằm ngày 15 tháng thái tử năm Nhâm thìn, niên hiệu Cảnh hưng (1772).

Sau vụ bảy kiêu binh bị giết chết, ba quân thấy đều đem lòng oán giận. Họ lại họp nhau bàn bạc.

Một người trong bọn nói:

- Ngày nay được có triều đình này, khiến cho chúa tôi ngồi yên mà hưởng phú quý, đều là do công sức của chúng mình cả. Thế mà, họ chẳng ơn thì chớ, lại còn cho là kẻ thù, động một tí là bị đè nén. Nếu chúng ta cứ chân chừ nín nhịn mãi, khiến cho cái mưu "bẻ đuề" của họ thành được, thì rồi bọn mình sẽ không còn người nào sống sót đâu!

Một người khác lại nói:

- Chúng ta không biết bẻ, chỉ biết "đả" thôi! Mau mau mỗi người một đám, đưa ngay chúng đi theo quận Huy, xem chúng nó có còn bẻ được nữa hay không?

Rồi họ hẹn nhau đến hôm sau, vào lúc tan châu thì sẽ khởi sự.

Có kẻ đem việc đó mật báo với các quan trong triều. Các quan nửa ngờ, nửa tin. Sớm hôm sau, quốc cữu Dương Khuông và Triêm vũ hầu đi lên vào trong phủ. Còn quốc sư Nguyễn Khản thì đóng cửa nằm nhà, không dám vào triều. Tan châu, quân lính chia nhau đi bủa vây các dinh thự. Vào nhà Dương Khuông và Triêm vũ hầu, không thấy hai người, quân lính tức thì hò nhau phá nhà. Chỉ trong chốc lát, cả hai dinh đó đều bị san thành đất bằng.

Riêng ở dinh quốc sư Dương Khuông, có một thủ hạ là người khách phương Bắc (chỉ người Trung Quốc lúc bấy giờ), vốn rất giỏi thuật đánh kiếm. Nghe tin có biến, hắn vội tuốt gươm ra đứng giữ ở cổng. Quân lính nom bộ dạng người khách phương Bắc ngờ ở trong còn nhiều tay kiếm khách khác, nên không dám vào. Nhưng lâu lâu, họ thấy ra ra vào vào vẫn chỉ có một hắn ta; tức thì cả bọn liền sấn ngay vào sát cổng. Người khách múa gươm ra đánh, chém bị thương vài người, quân lính kéo ùa vào, vằm hắn ra nát như bùn. Rồi họ xông thẳng vào trong dinh; lúc ấy Khản đã thay đổi quần áo, theo đường tắt chạy ra cửa ô Trường Bản mà trốn đi rồi. Quân lính lập tức phá tan dinh của Khản.

Chúa nghe tin dinh thự của quốc sư Nguyễn Khản có người canh giữ, cho rằng Khản đã phòng bị, chắc không việc gì; bèn sai một hiệu quân đến ngay đó để phân giải. Nhưng lúc quan quân tới nơi thì Khản đã bỏ trốn, dinh thự đã bị phá gần hết.

Sau đó, đám kiêu binh lại kéo về phủ bảo với chúa rằng:

- Quốc sư mang quân ra ngoài làm loạn, xin chúa cho người đuổi theo!

Chúa bắt đắc dĩ phải sai viên thị thần là thiêm tri binh phiên Thoan trung hầu đem quân đuổi theo Khản; nhưng lại dặn ngầm là cứ đi từ từ để cho Khản chạy thoát. Thoan trung hầu đuổi đến ô Cầu Giấy không theo kịp Khản, lại quay trở về.

Quân lính giận Thoan trung hầu không chịu đem hết sức ra đuổi, liền kéo đến nhà phá luôn nhà hắn ta.

Thoan trung hầu cũng phải chạy trốn nốt.

Quân lính không bắt được ba viên quan ấy, lấy làm căm tức lắm. Sau khi dò biết quốc cữu Dương Khuông và Triêm vũ hầu lần trốn trong phủ chúa, họ bèn chai nhau chặn kín cửa phủ, rồi cho một toán xông vào bên trong, đòi chúa phải đưa hai viên ấy ra cho họ.

Chúa nói dối rằng:

- Không thấy ai trong này cả!

Quân lính đều nhao nhao:

- Chúng trốn vào phủ, đã có người trông thấy rõ ràng. Người ta còn nhớ cả giờ chúng đi vào nữa, thế nhà chúa còn chối à? Xưa nay há lại có chuyện vua chúa chứa giặc ở trong cung bao giờ?

Dương thái phi vừa khóc vừa dỗ dành các quân lính rằng:

- Cái thân goá bụa may nhờ có ba quân phò chúa mới được như thế này! Nay chỉ còn có một đứa em, xin ba quân hãy tha mạng nó, để cho được trọn vẹn cái ơn xương thịt.

Đám kiêu binh hét lên:

- Tha mạng cậu ấy à! Thế hôm nọ bảy mạng người chết, ai tha? Nếu còn cố giấu, cung khuyết sẽ ra tro ngay lập tức, cái đó chắc cũng không hay ho gì!

Thái phi bèn ngồi sụp xuống đất, chấp hai tay lại vái lạy, van xin.

Các quân lính lại nói:

- Không nói chuyện với đàn bà. Chỉ hỏi nhà chúa thôi!

Chúa nói:

- Bức bách nhau thế này, thà đừng lập làm chúa còn hơn!

Quân lính nói:

- Tưởng rằng muốn làm chúa nên mới lập, chớ nếu không muốn thì có ai ép?

Một người nữa hòa theo nói:

- Bém mép thế! Thôi, hãy xuống khỏi bệ đi! Chúng tôi mời Thụy quận công đến là khắc yên chuyện.

Chúa hoảng sợ, không dám ho he gì nữa.

Lúc bấy giờ đã sắp tối, bọn quân lính đều tản ra về, và họ còn nói thêm:

- Bắt chúng nó cũng ví như bắt cá. Nước sâu thì cá còn lặn; đến mai tháo cho cạn nước, xem chúng nó có thể bay lên trời được không?

Đêm ấy, kiêu binh canh giữ cửa phủ rất chặt chẽ.

Chúa bàn với thái phi rằng:

- Khí thế của chúng như vậy, không thể dùng lời nói suông mà giảng giải được đâu. Cần phải mất nhiều của đấm mõm cho chúng nó, may ra mới xong, nếu không, thì phải xoay kế khác...

Thái phi đáp:

- Nghe nói có tên Nhuyễn Thọ, biện lại đội Nhung-nhất là một đứa giáo quyệt, bọn kiêu binh làm gì cũng phải hỏi mưu nó.

Sáng mai, chúa bèn cho người ra dụ Thọ, ngỏ ý dứt lốt, bảo Thọ hãy nhận thu xếp việc này, sẽ giao một vạn lạng bạc, ba vạn quan tiền, cho y mặc sức muốn làm gì thì làm, không cần hỏi đến. Lại hứa thêm rằng: "Nếu làm xong việc, sẽ còn có trọng thưởng nữa".

Nhuyễn Thọ trong bụng đã ưng, nhưng còn làm bộ khó khăn mà rằng:

- Bọn họ muôn người muôn miệng, khó mà nói năng được với họ. Và chẳng, hễ đã ngỏ ý dứt lốt thì thế nào họ cũng sinh ngờ vực. Rồi ngộ nhờ lúc ấy lại có một vài người bàn ngang vào nữa, làm cho cơn giận của họ bốc lên, thì lưng tôi phỏng chịu được mấy đấm?

Người của chúa sai đến vẫn cố kéo nài. Nhuyễn Thọ ngần ngừ đáp:

- Nếu vậy để tôi lựa chọn lấy mấy chục người hung hăng, táo tợn nhất, đem tình thực ra bàn với họ, rồi bảo họ phụ họa thêm với tôi. Nhưng khi bàn bạc, giả sử mấy chục người này có đòi thêm điều gì, thì tuy nhà chúa thương lượng lấy; tôi chỉ xin đứng ra làm kẻ dàn xếp mà thôi. Còn như cái khoản tiền bạc công cộng kia, cũng xin đợi đến lúc quân lính tập hợp đông đủ đã. Bấy giờ nhà chúa sẽ tự ngỏ lời trước; tôi và mấy chục người này ở bên cạnh hòa thêm vào, như thế việc mới có thể thành được!

Người ấy về nói lại với chúa. Chúa bằng lòng, liền sai đưa riêng Nhuyễn Thọ một ngàn lạng bạc để hấn phân phát.

Gần chiều, quân lính lại tụ họp và tiến sát vào tận trong phủ. Chúa và thái phi lại phải ra đỡ dành. Bọn lính nói:

- Việc gì mà phải lăm mồm! Cứ vào trong cửa cấm lòng khắp toà phủ, rồi túm búi tóc lôi ra, hỏi hấn xem cái nắm đũa ấy còn có thể bẻ được mấy chiếc nữa?

Chúa nói:

- Ba quân làm như vậy thì có sướng gì, chẳng qua chỉ thêm bần tay mà thôi! Nay quả nhân có chút quà mọn là một vạn lạng bạc, ba vạn quan tiền, xin đưa để khao thưởng ba quân, mong ba quân hãy nghĩ lại mà tha thứ cho hai cái mạng nhỏ bé đó!

Đám kiêu binh đáp:

- Chúa còn tiếc hai người đó, rồi sẽ thấy phủ đường cũng không giữ được đâu. Bọn tôi cần gì số tiền bạc ấy!

Giữa lúc họ đang nhao nhao, Nhuyễn Thọ bỗng vượt lên phía trước và nói:

- Nhà chúa là bề trên đã phải chịu nhũn như vậy; các anh em không nên ăn nói càn tào ráo máng quá!

Tiếp đó bọn mấy chục người kia cũng mỗi người một câu phụ hoạ thêm vào. Rút cục lính tráng ai chẳng háms lợi, họ bèn dụ giọng mà rằng:

- Đã thế, thì hãy tha cho em ruột thái phi. Còn Triêm vũ hầu là người giữa trời, bọn tôi phải xin mỗi người một miếng thịt để nhắm rượu, rồi sẽ tan về ngay tức khắc. Nếu không, thì dầu có số tiền ấy cũng chẳng làm cho ba quân nguôi giận được.

Chúa nói:

- Tha thì tha cả. Sao còn tách bạch người nọ người kia?

Quân lính nói:

- Nhà chúa nếu còn quanh co che chở cho Triêm vũ hầu; bọn tôi khi "máu đã nhập tim" (do câu tục ngữ: "Máu nhập tim, nhà lim cũng nhỏ"), thì ngay cả quốc cữu cũng không tha nữa!

Nguyên hôm trước Triêm vũ hầu trốn vào phủ, lẩn ở trên gác Kỳ-lân, vẫn dùng đôi kiếm để giữ mình. Trong lúc bọn quân lính đòi giết, Triêm vũ hầu bụng bảo dạ: "Nếu chúng không nghe nhà chúa điều đình, mà cứ xông vào bắt ta, thì phải đứng trên thang chém lấy dăm ba cái đầu của bọn chúng, chứ ta không chịu chết một mình!".

Đến lúc này việc đã gấp quá, chúa bèn sai người đến dỗ Triêm vũ hầu rằng: "Bây giờ xã tắc nguy nan như treo trên sợi tóc, nhà chúa không thể cố giấu tướng quân được nữa. Vậy xin tướng quân hãy vì chúa chớ tiếc cái chết, để cho nhà chúa được yên. Đó là công muôn đời của tướng quân!"

Triêm vũ hầu bất đắc dĩ phải trèo thang xuống ra mắt chúa mà nói:

- Chết thì chết, thần xin hai tay hai kiếm tung hoành với chúng nó một trận, giết gọn lấy vài trăm đứa, cho hả bớt cơn giận của nhà chúa!

Chúa nói:

- Như thế chỉ làm cho thái phi kinh sợ, mà quả nhân cũng chẳng được yên nào!

Triêm vũ hầu quăng hai thanh gươm xuống đất nói:

- Bỏ tay mà chịu như thế, thần đành chết uống vậy!

Chúa khóc mà từ biệt Triêm vũ hầu. Rồi lại hứa với Triêm vũ hầu rằng, sau khi y chết, sẽ cấp cho một ngàn khoảnh ruộng làm của nối đời và phong cho làm phúc thần, bắt dân mười làng thờ cúng.

Triêm vũ hầu đáp:

- Thần chỉ vì chúa mà chết, đâu phải cầu mong tước lộc? Xin chúa hãy ra sức tăng thêm uy quyền, xoay loạn làm trị, thì thần đâu chết, xương vẫn không mục nát!

Chúa bèn tự tay viết sáu chữ: "Trung nghĩa tráng liệt đại vương" đưa cho Triêm vũ hầu. Triêm vũ hầu qui xuống nhận mảnh giấy đó, vê tròn, nuốt vào bụng, rồi lạy tạ chúa mà đi ra. Khi qua điểm Tiểu-bút, Triêm vũ hầu bị đám kiêu binh lôi kéo và hỏi:

- Gươm sắc của mày bây giờ như thế nào?

Triêm vũ hầu đáp:

- Tao không thể dùng thanh gươm đó chém đầu chúng bay là theo mệnh chúa và vì xã tắc đó thôi. Nhưng mà, chẳng lâu gì đâu, tao chết rồi, sẽ có người khác đến chặt đầu lũ chúng bay. Đến lúc ấy, chúng bay sẽ biết gươm có sắc hay không!

Quân lính xúm vào toan đánh Triêm vũ hầu, gã cản lại mà rằng:

- Đây là nơi nghiêm cấm, không được hành hung. Hãy để tao ra khỏi cửa phủ, ngồi yên đâu đấy, rồi tha hồ cho chúng bay muốn làm gì tao thì làm.

Đoạn gã bước khoan thai đến bên cạnh cầu đá, tìm chỗ, ung dung ngồi xuống và bảo bọn quân lính:

- Nào, bây giờ chúng bay làm gì tao thì làm đi!

Đám kiêu binh lấy gạch đá đập mãi vào đầu Triêm vũ hầu khiến máu chảy đầy mặt. Nhưng gã vẫn ngồi yên không cự, khề lấy tay áo lau mặt, rồi vừa cười vừa nói:

- Bây giờ tao không thi đấu võ, nhưng vẫn còn thi can đảm! Thế mới lạ chứ!

Ngay đó, một tên lính đứng sau cầm giáo đâm thọc vào lưng gã, gã mới chết.

Triêm vũ hầu chết rồi; quân lính vẫn chưa hết giận, lại vào buộc chúa phải xử lại vụ án vừa qua.

Chúa bất đắc dĩ phải giao việc đó xuống cho triều đình bàn định. Quốc sư, quốc cữu đều bị bãi chức làm dân thường. Bảy tên lính bị chém ngày trước đều được đền mạng.

Từ đó, kiêu binh lại càng ngông nghênh hơn. Tại các đường phố, họ cứ dăng tay nhau mà đi. Các vị công hầu gặp họ đều phải quay xe tránh sang lối khác.

Lại nói, Nguyễn Khả lúc mới phục chức, được làm trấn thủ Sơn Tây; đến khi vào làm tể tướng thì cho em ruột là Điền nhạc hầu Nguyễn Cương (Cương mục chép là Nguyễn Điền. Có sách lại chép Nguyễn Điền) ra thay.

Hôm ấy, Khả lật đật trốn ra ngoài thành, dùng võng một đòn bắt hai người khiêng đi, nhằm hướng Sơn Tây mà chạy. Tối trấn, Cương ra đón vào trong dinh và hỏi duyên cớ. Khả đáp:

- Tục ngữ nói: "Quân bất trị". Thật là đúng lắm!

Rồi Khả đem đầu đuôi câu chuyện kể hết cho Cương nghe. Cương nói:

- Bây giờ việc đã như thế, anh định đối phó ra sao?

Khả vốn là hạng người xuềnh xoàng, không có cơ mưu, nghe em hỏi liền cười và đáp:

- Trừ ra có thuật quỷ thần, hề thấy chúng nó họp nhau, tức thì theo đến mà ám ảnh, làm cho chúng nó đau bụng nứt ruột, như Tề thiên đại thánh bóp Hoàng My (Điển này lấy ở truyện Tây du), không biết đẳng nào mà lần nữa, hoạ may chúng nó mới sợ. Chứ còn sức người thì không làm sao được!

Cương là kẻ có nhiều mưu mẹo khôn ngoan, liền nói với Khả:

- Tôi có một mẹo, có thể khiến cho chúng nó chết ráo.

Khả hỏi:

- Mẹo như thế nào?

Cương đáp:

- Ngày nay dân trong bốn trấn (Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương. Thời Lê, 4 trấn ở chung quanh kinh đô này được gọi là kinh trấn hay kinh lộ, là những nơi che chở cho kinh đô; ngoài kinh trấn lại có 9 phiên trấn hay phiên lộ như Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang v... là phen giàu che chở cho các kinh trấn) đang oán ghét chúng nó đến xương tủy; nếu ai lấy danh nghĩa diệt kiêu binh để kêu gọi, thì chỉ cần hô một tiếng, không người nào là không hưởng ứng. Trấn này ở về miền thượng du, dân chúng thuần hậu dễ bảo. Trước kia anh làm trấn thủ Hưng Hoá, các tù trưởng địa phương đều là thuộc hạ của anh, anh bảo chắc họ phải nghe. Trên vùng Tuyên Quang, phiên mục Diên quận công (tức Hoàng Văn Đồng giữ Mỏ đồng Tụ Long, Tuyên Quang) giàu có nhất thiên hạ, năm xưa có tội được anh cứu giúp, ông ta hẳn còn nhớ ơn; nếu viết thư lên rêu, thế nào ông ấy chẳng theo. Ở trấn Sơn Nam, quận Thạc (tức Hoàng Phùng Cơ) là tướng đánh trăm trận, vốn nổi tiếng là bậc vô địch. Rồi ở trấn Kinh Bắc thì Thần trung hầu (tức Trương Tuấn), ở trấn Hải Dương thì Thái đình hầu (tức Trịnh Tự Quyền), đều là những tay có mưu trí. Bây giờ hãy dùng mật lệnh nhà chúa, sai họ ngầm nuôi nghĩa sĩ, giữ vững dinh trấn, và nghe theo sự điều khiển của anh. Còn anh, vốn là một vị tể tướng lại kiêm chức sư phó, thì một lời nói ra khỏi miệng, trấn nào lại dám không tuân theo. Bên Kinh Bắc còn có hai tên tướng giặc đầu hàng là tú Huy và cai Hồ, đều là những tay dữ tợn, tinh khôn. Hiện chúng đang ở chỗ viên nội thần Nhật trung hầu; nếu thả cho chúng và sai đi xúi giục hai phủ Lạng Giang, Bắc Hà (đều thuộc Bắc Giang), chắc cũng giúp cho mình được một tay. Trên Thái Nguyên lại có tên giặc già là cai Già, thuở xưa đã từng làm môn hạ của anh, hẳn anh cũng có thể sai khiến được. Cả bấy nhiêu nơi ta hẹn nhau cùng ngày khởi sự. Phàm ưu binh (thời Lê trung hưng, kén lính ở 3 phủ thuộc Thanh Hoá và 12 huyện thuộc Nghệ An để chuyên bảo vệ kinh thành. Loại lính này được ưu đãi hơn các lính nơi khác, vì thế gọi là ưu binh, hoặc cũng gọi là lính tam phủ) Thanh-Nghệ, hề đưa nào ở các trấn ngoài đều phải trừ cho hết. Đưa nào trốn thoát, cho dân sở tại cứ bắt mà giết đi. Rồi thì bốn phương tám mặt cùng ập vào kinh thành kiêu binh ắt sẽ không còn đường mà chạy nữa. Đó là một kỳ công muôn đời mới gặp, anh nên tính gấp đi!

Khả nghe xong, nói:

- Hay lắm! Nhưng nay chúa còn đang ở trong tay chúng; ném chuột lại có thể không kiêng đồ vật được ư? (ý muốn nói diệt kiêu binh lại sợ vạ đến Trịnh Tông)

Cương nói:

- Đó là việc rất dễ: Trước hãy sai người trình với chúa, bí mật lấy hết vàng bạc, của cải trong kho, phân tán ra các trấn; thái phi, vương tử và các cung tần cũng lên đưa cả ra ngoài thành, để gặp chỗ nào tiện thì hãy ở tạm. Sau đó ngầm báo cho quận Thạc đem thuyền chở quân đến bến Thanh Trì, nói phao là đi tuần sông; rồi giấu kín một chiếc đò ngang, đợi sẵn ở bến Tây Long. Còn chúa thì sẽ mặc quần áo thường dân, cật lên xuống chiếc thuyền ấy đi xuôi đến dinh trấn Sơn Nam và tạm đóng tại đó. Xong đâu đấy bấy giờ các trấn mới cùng khởi sự. Như vậy, thì không còn lo ngại gì nữa!

Khản mừng mà rằng:

- Không có chú, tôi không nghĩ được đến thế. Dầu không thành cũng là một việc làm hǎ dạ!

Rồi Khản làm tờ mật khải đưa về cho chúa. Chúa mừng lắm, viết ngay tờ mật chỉ khen ngợi, đồng thời hẹn sẵn mọi việc. Tiếp đó, chúa mời thái phi cải trang và lên ra ngoài thành, đến tạm trú tại nhà người chồng bà di thứ bảy của chúa ở làng Văn Giáp, huyện Thượng Phúc. Vương tử và các cung tần cũng đều theo cả đến đó. Một mặt, chúa cho mở kho lấy hết vàng bạc châu báu, sai các thị thần thân tín ngầm đem ra, giao phó cho bốn trấn. Một mặt, chúa cho hẹn với quan trấn thủ trấn Sơn Nam, đúng ngày 28 tháng ấy thì bí mật đến đón mình; lại hẹn với các trấn đúng ngày mùng một tháng sau thì các đạo sẽ cùng khởi binh cả một loạt.

Công việc sắp đặt như thế là xong.

Tới ngày hẹn, quận Thạc theo lệnh chúa đem thuyền đến đón.

Khi ấy trong kinh hết sức nhốn nháo: người ta kháo nhau rằng quan trấn thủ Sơn Nam sắp đem quân vào thành, để giết hết kiêu binh. Đám quân lính nghe tin ấy đều hoảng hốt, ngầm cho vợ con gói ghém hành lý đem ra ngoài thành và trốn tránh đi các nơi, còn ở kinh chỉ để lại những người thuộc "quân tịch" mà thôi. Rồi chúng kéo nhau vào phủ chúa, xin chúa cấp tốc khởi binh đánh dẹp. Chúa bất đắc dĩ phải ra ngự ở Trạch các để ụy lạo ba quân.

Trong đám kiêu binh có kẻ biết mưu của chúa, liền mắng chúa rằng:

- Chúa đừng tưởng chúng tôi không biết mà hòng đem đầu lưỡi ra khua múa để che đậy. Từ đây theo cửa Tuyên Vũ đi ra, rồi đến bến Tây Long (tục gọi là Tây Luông, ở thẳng phía sau nhà hát thành phố Hà Nội bây giờ); chẳng qua chỉ độ trăm bước đã có thuyền của quận Thạc chờ đón sẵn sàng ở đó; trông trước trông sau, khi nào thấy không có người, thì bước lên thuyền cho nhanh rồi tìm đường mà đi chứ gì!

Chúa biến sắc mặt, nín lặng quay vào.

Từ hôm ấy, quân lính canh giữ phủ chúa rất ngặt. Những người nào ra vào, hề hơi có vẻ khàng khác là bị họ khám xét tra hỏi liền.

Vì vậy, chúa không dám ra khỏi cung. Quận Thạc nghe tin, lại rút quân về trấn của mình.

Chúa sai người ra báo lại với các trấn hoãn ngày khởi sự, nhưng chưa đến kịp thì các đạo theo đúng hẹn cũ đã rầm rộ kéo quân lên đường. Thiên hạ cực kỳ náo động. Hào kiệt các nơi đồng thời nổi dậy, ai ai cũng nói phải tiêu diệt hết kiêu binh.

Ngày hôm đó, hết thầy kiêu binh hai xứ Thanh-Nghệ đóng ở các trấn đều phải bỏ trốn, lúc đi qua làng mạc chúng không dám lên tiếng. Hễ kẻ nào buột miệng lời ra thổ âm Thanh-Nghệ, tức thì bị dân chúng bắt giết ngay. Bọn chúng phải luôn luôn giả cách làm người câm, ăn xin ở dọc đường, rồi lẩn mò về kinh, báo cho đám kiêu binh ở đây biết cái tin nay mai quân các trấn sẽ về họp ở dưới thành.

Được tin này, bọn kiêu binh ở kinh tức thì họp nhau bàn cách chống cự. Rồi họ chia nhau thành các đạo kéo đi. Nhưng đạo phía tây mới kéo ra đến Đại-phùng, đạo phía bắc mới kéo đến cầu Vĩnh thì đã bị ngay các tay thổ hào địa phương đánh thua. Họ phải bỏ cả khí giới, cố mang vết thương mà chạy về kinh.

Bảy giờ kinh thành chấn động, dân hàng phố kẻ chợ đều dấy bóng bề nhau ra ngoài thành chạy trốn.

Đám kiêu binh vừa sợ vừa tức, gọi chúa là giặc. Rồi họ kéo vào trong phủ, lấy hết binh khí, chia cho cơ đội các dinh nắm giữ. Phủ chúa lúc ấy không còn một tác sắt nào để tự vệ.

Đêm hôm ấy, kiêu binh bắt được bốn tay nghĩa sĩ lén vào thành; họ liền bí mật đem đến hội sở của họ để tra hỏi. Mấy tay nghĩa sĩ đau quá, khai liệu rằng đêm nay quân ở ngoài sẽ vào đánh úp. Đám kiêu binh cả sợ, bèn bảo nhau phòng bị nghiêm ngặt. Súng nhồi sẵn mồi lửa, gươm tuốt khỏi vỏ, suốt đêm họ hò hét, đi lại rầm rập, kinh thành hầu như sắp vỡ.

Sớm hôm sau, họ đem chém cả bốn nghĩa sĩ, rồi xúm quanh phủ chúa mà trách rằng:

- Nhờ có chúng tôi phò, chúa mới được lên ngôi. Nay chúa lại coi chúng tôi là kẻ thù. Lính Thanh-Nghệ hai trăm năm nay vẫn là nanh vuốt cắt ruột của nhà chúa. Bây giờ chúa lại nổi dậy quân bốn trấn về giết hại lính hai xứ chúng tôi. Tin da dẻ mà ngờ cắt ruột, giờ dao cưa để cắt nanh vuốt, kẻ nào bày ra mưu ấy đều là những kẻ bỏ thuốc độc cho chúa. Nếu chúa không mau dụ bốn trấn bãi binh, thì đừng có trách chúng tôi là vô lễ!

Chúa một mực chối là không biết, rồi ngầm sai người bảo các trấn bãi việc ấy đi.

Đám kiêu binh không biết là chúa đã ngầm ra lệnh đình chỉ, nên vẫn còn nghi ngờ. Họ bèn tụ họp nhau, bàn làm chuyện đại nghịch. Hẹn đến canh ba đêm ấy, nổi ba tiếng súng Bảo-long làm hiệu, rồi cùng kéo vào phủ chúa để hành sự; sẽ lấy hết của cải đồ vật trong phủ chia nhau; sau đó lấy xe kiệu của chúa chở hết các đồ nghi vệ cùng sổ sách đưa đến nội điện, rồi rước hoàng thượng về Thanh Hoa để mưu toan công việc sau này.

Thật là:

Áo cá hớ hênh nên chẳng quyết,
Lòng hồ cố chấp hoá ngờ nhau.

Chưa biết việc này ra sao? Xin xem hồi sau phân giải.

Hồi thứ tư
Nhờ ngoại viện, Hữu Chinh rửa thù thầy
Tổ lòng trung, Trần Quán chết theo chúa

Lại nói, đám kiêu binh sau khi đã bàn định mưu mô xong, liền kéo nhau đến hỏi Trần Nguyễn Nhung. Nhung vốn quen làm giấy tờ cho đám lính; bèn lập ngay một bản điều ước, cắt đặt rõ người nào làm việc nào, rồi đưa cho họ. Sau đó, Nhung lại tức tốc đem mưu ấy vào báo với chúa. Chúa cả sợ nói:

- Hôm qua ta ngồi ở cung Trung Hoà, có con quạ khoang bay xuống trước sân vừa nhảy nhót vừa nhìn vào ta đến hai ba lần, như có ý muốn mổ. Ta phải sai thị thân lấy giáo ra xua mấy cái, nó mới bay đi. Thấy điềm ấy, bụng ta đã biết chắc là có kẻ dưới đang mưu hại ta. Nay quả nhiên đúng như vậy. Bây giờ người hãy nên vì ta mà giảng giải với họ, cho nó hợp với cái điềm "xua giáo" của ta.

Rồi chúa lại hứa cho Nhung tiền bạc, để Nhung ngầm phá mưu của quân lính.

Nhung là một người nông nổi, được chúa tỏ ý khen thưởng, tin dùng, liền đi khoe ngay với người khác. Quân lính biết mưu của họ đã bị Nhung tiết lộ, bèn lòng bắt, Nhung phải trốn về vùng Thanh Hoa.

Chúa thấy Nhung là kẻ đa tâm lại hay kiếm chuyện, nhân dịp hấn đi trốn, bèn cho làm chức ký lục ở Thuận Hoá.

Sau khi Nhung đi rồi, thì vừa lúc các trấn cũng bãi binh; vì vậy mưu của quân lính cũng thôi nổi.

Bây giờ lại nói về việc Nguyễn Hữu Chinh gióng buồm ra biển vào Tây Sơn trong năm Nhâm dần (1782).

ấp Tây Sơn thuộc địa phận xứ Quảng Nam (Quảng Nam hồi ấy gồm cả ba tỉnh Nam-Ngãi-Định cũ. ấp Tây Sơn ở vào địa phận tỉnh Bình Định). Xứ này phía bắc giáp ải Vân, phía nam giáp Gia Định, phía tây giáp Ai Lao, phía đông giáp biển; bờ cõi rộng hàng ngàn dặm.

ở ấp Tây Sơn có người họ Nguyễn tên là Văn Nhạc, tổ tiên nguyên là người Nghệ An. Khoảng năm Thịnh-đức (Lê Thần Tông 1653-1657), quân nhà Nguyễn ra đánh Nghệ An, chiếm cứ được bảy huyện phía nam sông Cả, rồi dồn bắt tất cả dân cư đưa về Nam cho sống ở vùng Tây Sơn. Tổ bốn đời của Văn Nhạc, chuyển ấy cũng bị bắt ở trong số đó.

Văn Nhạc trước kia nhà nghèo, nhưng sau nhờ vào việc gá bạc mà gia tư bỗng trở nên giàu có. Nhạc từng làm biện lại ở Vân Đồn, nên người ta vẫn thường gọi là biện Nhạc. Biện Nhạc vì tiêu mất tiền công, bèn trốn vào núi, tụ tập tay chân hơn một trăm người, rồi đi ăn cướp ở các châu ấp. Viên trấn tướng vùng ấy không sao trị nổi.

Từ đó, biện Nhạc tự xưng là chúa Tây Sơn. Một hôm, biện Nhạc tự ngồi vào trong cũi, cho bọn tay chân khiêng đi và loan báo ở dọc đường rằng đã bắt được chúa Tây Sơn tức biện Nhạc, xin đưa đến dinh trấn để trình nộp. Viên trấn tướng mừng lắm, mở cửa cho vào, rồi đem giam ở trong ngục. Đêm ấy, biện Nhạc phá cũi xông ra, cướp lấy thanh gươm của tên lính canh ngục, chém chết tên ấy, phóng lửa đốt luôn dinh trấn, rồi giết nốt viên tướng trấn và chiếm lấy thành (đây là thành Qui Nhơn, do trấn tướng Nguyễn Khắc Tuyên coi giữ. Theo một số tài liệu khác thì Nhạc chỉ là người vào làm nội ứng, bên ngoài lúc ấy đã có Nguyễn Thung cầm đầu một toán quân Tây Sơn ập vào, cùng với Nhạc cướp thành).

Bây giờ chúa nhà Nguyễn là Nguyễn Phúc Thuần (tức Định vương) còn bé, quan quốc phó của triều đình nhà Nguyễn là Đạt quận công (Trương Phúc Loan) nắm hết quyền chính, làm lắm điều can bậy, nên lòng người trong xứ đều lia tan.

Khi Văn Nhạc nổi loạn, lại mượn một bọn vô lại người phương Bắc (khi Nguyễn Nhạc khởi nghĩa, có hai thương nhân Trung Quốc là Tập Đình và Lý Tài chiêu tập các dân nghèo người Hoa-kiều theo giúp. Lý Tài xưng là Hoà nghĩa quân, Tập Đình xưng là Trung nghĩa quân. Quân của Lý Tài và Tập Đình chiến

đầu rất hăng, làm cho bên địch vô cùng sợ hãi. Nhân đó, Nhạc thường chọn nghĩa quân của mình lấy những người cao lớn, cho ăn mặc giống như quân của Lý Tào và Tập Đình, lúc ra trận quân Nguyễn trông thấy bóng đã bỏ chạy. Người phương Bắc nói đây chính là trở vào những người Hoa-kiều đó) giả xưng làm quân cứu viện của Tập đình hầu, để chống với quân nhà Nguyễn. Mấy trận đánh nhau, quân nhà Nguyễn đều không thắng nổi, do đó mà thanh thế của Tây Sơn ngày càng to lớn hơn.

Năm Giáp Ngọ (1774) niên hiệu Cảnh hưng, thánh tổ Thịnh vương nhân cơ hội đó, mới sai quan đại tư đồ Việp quận công làm Bình Nam thượng tướng, đem quân đóng ở La Hà và phao lên rằng sẽ vào tiếp viện cho chúa Nguyễn. Nhạc thấy vậy liền sai người đem cống một con ngựa hay, một thanh gương báu, và xin theo về triều đình.

Hồi ấy, xứ Thuận Hoá mới dẹp yên, tướng sĩ đều ngại vất vả, muốn để công việc Tây Sơn sẽ tính toán sau. Do đó quận Việp mới làm tờ khai về trình với Thịnh vương, xin nên nhân dịp ấy mà về Nhạc. Vương cũng nghe lời, bèn cho Nhạc làm trấn thủ Quảng Nam và phong làm Tuyên úy đại sứ, Cung quốc công. Từ đó, hàng năm Nhạc vẫn dâng lễ cống đều đặn.

Quận Việp thường hay sai Nguyễn Hữu Chỉnh làm sứ giả qua lại với Tây Sơn. Thấy Chỉnh có tài biện luận, Nhạc rất yêu mến. Được ít lâu, Nhạc thấy có điềm rồng vàng, liền cho đóng ngai rồng, lên ngôi vua, tự xưng là thiên vương, đặt niên hiệu là Thái đức. Triều đình biết vậy, nhưng cũng bỏ đó không hỏi gì đến. Bấy giờ Nhạc đang có ý muốn thôn tính Thuận Hoá, mà vẫn chưa có người để bàn định công việc. Nên khi được Chỉnh chạy vào với mình, Nhạc mừng lắm. Nhưng thực ra, trong lòng vẫn chưa tin. Chỉnh cũng nhận thấy điều đó, liền kể với Nhạc tất cả đầu đuôi câu chuyện của mình, rồi lại tình nguyện gửi vợ con làm con tin, để xin được nương tựa vào xứ sở của Nhạc, Nhạc bằng lòng.

Nhạc vốn đã mến tài của Chỉnh, nên đối với Chỉnh càng ngày càng thân mật, tin cậy. Ngược lại, Chỉnh cũng hết lòng thờ Nhạc, bày kế cho Nhạc đánh chiếm đất đai các nước Chiêm Thành, Xiêm La, Bồn Man. Rồi Chỉnh lại tự mình cầm quân đi tiên phong, xông pha vào những nơi tên đạn, khiến mấy nước lân cận ấy lần lượt đều bị đánh bại. Do đó, ân tình giữa Nhạc với Chỉnh lại càng thêm mặn mà.

Tuy thế, nhưng trong khi ở với Tây Sơn, Chỉnh vẫn hàng ngày mong về nước cũ.

Lại nói, triều đình từ khi mất Chỉnh, rất lấy làm lo, thường vẫn chiêu mộ xem ai dụ được Chỉnh trở về thì sẽ trọng thưởng. Một người em rể của Chỉnh xin nhận việc đó. Triều đình liền cấp cho một đạo mật chỉ để người ấy lên đường.

Lúc gặp Chỉnh, người ấy chưa kịp nói gì thì Chỉnh đã hỏi:

- Chú lặn lội trên đèo lội suối tới đây làm chi? Có phải định làm thuyết khách cho chúa Trịnh không? Chú coi mặt ta, xem từ khi để ra đến giờ đã từng nghe ai xui khôn xui dại chưa, mà chú dám cả gan như vậy?

Người em rể chỉ còn biết cúi đầu nín lặng, không dám nói gì nữa.

Chỉnh lại hỏi tiếp:

- Nhưng thôi được, chú đã ở Bắc vào đây, ắt là biết rõ đầu đuôi sự việc. Vậy chú hãy kể cho ta nghe xem, từ sau khi Huy quận công bị nạn, thì công chúa (chỉ con gái Trịnh Doanh, vợ Huy quận công) và các cậu công tử lưu lạc đi đâu?

Người ấy đáp:

- Khi ấy, công chúa bị Dương thái phi giam vào hậu cung. Còn hai công tử nghe tin có biến thì bỏ chạy về huyện Yên Dũng, dấy quân trả thù, làm chấn động cả vùng Kinh Bắc. Chúa Trịnh sai viên trấn thủ Kinh Bắc là Mãn trung hầu đem quân đi đánh. Quân Mãn trung hầu bày trận ở núi Ba Tầng (nay ở địa phận

huyện Việt Yên, Hà Bắc). Các công tử sai viên thủ lệnh Hoàng Tú làm tiền bộ đem quân ra đánh. Hoàng Tú bị chết ngay trước trận. Quân sĩ tan rã. Hai công tử đều bị bắt sống, đóng cũi giải về kinh.

Chỉnh nghe xong, than rằng:

- Tuổi trẻ bông bột, hèn nào không hòng việc! Nhưng cũng là một việc làm vì nghĩa, dầu thất bại mà vẫn về vang...!

Rồi Chỉnh lại hỏi:

- Thế đưa về kinh rồi sau ra sao?

Người ấy trả lời:

- Triều đình bàn định hai công tử đều đáng tội chết. Chúa nghĩ tình anh em cô cậu, ra ơn cho được tha tội chết. Nhưng lại bị thái phi ngấm sai người đến bắt uống thuốc độc. Có kẻ báo với chúa. Chúa vội sai viên trung sứ đến ngăn lại. Nhưng khi đến nơi thì cậu cả đã bị trúng độc chết rồi. Chỉ còn cậu hai hiện đang bị giam ở ngục cửa Đoài.

Chỉnh tỏ vẻ ngậm ngùi mà rằng:

- Thương thay! Phá tổ đồ trứng (đời Tam-quốc, Khổng Dung bị Tào Tháo bắt, lúc sắp bị giết chết, có kẻ đến báo hai con của Dung nên trốn đi; hai người đó trả lời: "Tổ vỡ thì trứng còn toàn vẹn làm sao được"- Câu này dùng theo ý đó)! Người ta có tội tình gì?

Lại hỏi:

- Còn công chúa, từ khi bị giam vào hậu cung thì việc ăn ở ra sao?

Đáp:

- Chúa cũng nghĩ tình cô ruột, không nỡ hành hạ gì cả. Song vì thái phi vẫn có hiềm cũ, nên đã làm cho khổ cực đủ đường. Công chúa vừa đau buồn vừa uất giận, nên đã thành bệnh mà chết rồi!

Chỉnh thở dài hồi lâu, rồi nói:

- Công chúa chết cũng là phải, sống mà làm gì nữa...!

Lại hỏi:

- Thế còn Đặng Tuyên phi thì thế nào?

Đáp:

- Khi chúa nhỏ bị bỏ, thái phi liền sai người bắt Tuyên phi đến trước mặt mình, kể tội, rồi buộc Tuyên phi phải lay tạ. Tuyên phi không chịu lay. Thái phi bèn sai hai thị nữ đứng kèm hai bên, níu tóc Tuyên phi rập đầu xuống đất. Nhưng Tuyên phi vẫn nhất định không chịu lay, mà cũng không nói nửa lời. Thái phi giận quá, đánh đập một hồi, nhổ nước bọt vào đầu vào mặt, rồi đem giam vào nhà Hộ-tăng ở vườn sau. Tại đây, Tuyên phi bị làm tình làm tội cực kỳ khổ sở. Một bữa, Tuyên phi lấy áo che mặt, trốn ra khỏi cửa Tuyên-vũ, chạy đến bên đền phò Khách thì bị quân lính đuổi kịp. Từ đó, lại càng bị giam giữ chặt chẽ. Năm sau trong nhà tắm miếu trên lăng Thịnh-phúc, tự dung bao nhiêu đồ thờ bằng gỗ, bằng vàng hễ động tay vào là nát mủn như bùn. Viên giữ lăng miếu vội vàng gửi thư về kinh trình rõ việc biến. Thái phi cho đòi cô đồng vào hỏi. Cô đồng phán rằng: "Chúa thượng đã làm trái ý tiên vương; tội bất hiếu có hai điều: Chúa vừa lên ngôi, đã ngờ Đặng thị làm bùa yểm trong tử cung, rồi tự ý cạy mở tử cung, thay đổi quần áo

khâm liệm, khiến cho xương ngọc không yên. Đó là một! Đặng thị là người mà tiên vương yêu dấu, bây giờ bị chúa làm cho tử nhục đủ đường, khiến vong linh tiên vương phải áy náy. Đó là hai! Nếu không mau hối lỗi tạ tội, tai biến sẽ còn nhiều nữa!". Thái phi sợ hãi, lập tức vào nói với chúa. Chúa bèn sai quan tể lệ tạ tội, rồi cho Tuyên phi được trở lại làm cung tần nội thị vào thờ phụng tẩm miếu. Tuyên phi được vào hầu hạ lắng tẩm, đêm ngày chỉ gào khóc xin chết theo tiên vương. Đến ngày giỗ "đại tường" của tiên vương, Tuyên phi bèn uống thuốc độc mà chết. Chúa sai quan trấn thủ Thanh Hoa, theo lễ cung nhân tang Tuyên phi ở cách Vọng-lăng của tiên vương một dặm.

Chỉnh nói:

- Chết được đấy! Ta tưởng Tuyên phi chỉ có nhan sắc, không ngờ lại có tiết liệt như vậy. Nhưng không hiểu vì sao ngôi của Tuyên phi lại bị giáng làm cung tần như thế?

Đáp:

- Bởi vì khi chúa lên ngôi được một năm, người ta lục tờ cổ mệnh của tiên vương, thấy có chữ son của thánh mẫu ngự phê rằng: "Không phải bút rồng của tiên vương, không đủ làm bằng". Chúa liền giao tờ đó cho triều đình bàn định, bấy giờ quan thiêm sai Phạm Nguyễn Du làm tờ luận về "quốc sách", nói rằng: "Ngôi của chúa Điện đồ với sách mệnh của Tuyên phi cùng tờ cổ mệnh, đều là cái mệnh của tiên vương trong lúc mê lẫn. Nó rất trái lẽ thường, sai đạo lý, không thể cho là phải được. Nay thánh mẫu là mẹ mà đổi lại ý của con thì thật là một việc hết sức chính đáng. Vậy cần phải truy xét về cái tội của những kẻ phụ họa, để làm cho sáng tỏ và nghiêm chỉnh pháp điển của nhà nước!" Do đó mà Tuyên phi bị truất làm người thường. Rồi Tứ xuyên hầu vì viết tờ thư cổ mệnh, Khanh quận công vì tự tiện viết thay bút rồng, Thiêm sai Nhữ Công Chấn vì tự tiện thảo tờ sách mệnh phong Tuyên phi, xuất nạp Thuý trung hầu vì sao những tờ sách mệnh ấy đưa ra chính phủ... đều phải bãi chức về làm dân thường. Đặng thị sau này lại phải giáng làm cung tần, cũng là vì có đó.

Lại hỏi:

- Ngoài mấy việc ấy, còn chuyện báo ơn báo oán gì khác nữa không?

Đáp:

- Chúa mới lên ngôi hôm trước, hôm sau liền hạ lệnh rằng, tất cả mọi người đều được khoan dung, chỉ riêng những kẻ tổ giặc việc năm Canh tý thì không được tha. Vì vậy những kẻ này lần lượt đều bị bắt và bị làm tội hết thảy. Duy Ngô Thì Nhậm không biết trốn đi đâu. Những kẻ phải chết về vụ án Canh tý gồm có Tuân sinh hầu, Khê trung hầu và chồng dì Sáu, về sau đều được truy tặng tước vương và lập đàn chay để làm lễ cầu siêu, giải oan cho họ.

Chỉnh nói:

- Bãi bỏ mệnh của cha giữa triều đình, phô bày lỗi của cha với cả nước; đó là việc đại bất hiếu!

Lại hỏi:

- Tham tụng, bồi tụng bây giờ là những ai?

Đáp:

- Chúa mới lập nên, Tứ xuyên hầu liền bị bãi chức; quan bồi tụng Bùi Huy Bích lên thay chân và được phong làm Kế liệt hầu. Nay Kế liệt hầu vẫn một mình giữ ngôi tham tụng. Còn bọn Trương Đăng Quỳ, Mai Thế Uông, và Trần Công Thước được thay nhau làm bồi tụng. Đó đều là những bậc tai mắt nắm quyền chính hiện giờ.

Hỏi tiếp:

- Từ bấy đến nay, còn có điềm lành, điềm gở gì không?

Đáp:

- Điềm lành không thấy, chỉ có điềm gở thì nhiều: ngày rằm tháng một năm Nhâm dần (1782), ở trong cung bỗng dội ra một tiếng rất to, rền vang đến hơn một khắc, làm rung chuyển cả trời đất. Không hiểu là tiếng gì?

Chỉnh nói:

- Đó là tiếng trống trời.

Người ấy kể tiếp:

- Năm Quý mao (1783), núi vua Hùng tự nhiên sụt xuống hơn hai chục thước. Tháng sáu năm ấy, con sông Thiên-đức (tức sông Đuống) cạn hẳn một ngày một đêm. Năm Giáp thìn (1784), giữa đêm mùng một tháng mười, trong hồ Thủy-quân (tức hồ Hoàn Kiếm) thỉnh thoảng có tiếng phát ra như sấm, nước hồ sủi lên sùng sục, sớm mai bao nhiêu tôm cá đều chết sạch. Cũng trong năm ấy, trên các cây cối trong phủ chúa, thường có hàng vạn con quạ ở đâu kéo đến, bay lượn lao xao, ngày đêm kêu gào quang quác. Rồi ở quãng bờ thành phía ngoài cửa các cửa phủ đường, bỗng dưng cũng sụt xuống hơn mười trượng. Đó là những sự lạ to lớn, ai ai cũng biết. Còn những chuyện lật vật, thì không sao kể hết được.

Chỉnh chất lưỡi luôn mấy cái, rồi hỏi đến tình trạng bọn kiêu binh. Người ấy cứ theo sự thực kể lại hết đầu đuôi. Chỉnh xem chừng câu chuyện đã cạn, bèn sai nhà bếp làm cơm rượu, thết đãi cho người ấy ăn uống thật no say. Sau đó, Chỉnh mới căn vặn người ấy rằng vào đây để làm gì?

Người ấy thưa:

- Đương trung hầu thấy tôi với quan lớn có tình bà con, nên mới tâu với chúa, xin giáng chỉ sai tôi đến đây khuyên quan lớn về triều, cho khỏi mất công danh phú quý.

Chỉnh cười mà rằng:

- Chú là đứa ngu, ta thực không thèm chấp. Song ta chỉ ghét cái đứa sai chú đến đây dám khinh nhờn ta. Vậy ta kết quả tính mạng cho chú; nếu có oan ức thì cứ xuống âm phủ mà kiện cái đứa đã sai chú ấy!

Rồi Chỉnh hạ lệnh cho tay chân lôi luôn người ấy ra chém chết.

Nhạc thấy Chỉnh chém thuyết khách, lại càng thân cận tin yêu hơn.

Qua năm Bính ngo (1786), khoảng cuối mùa xuân, đại tướng Thuận Hoá là Tào quận công (tức Phạm Ngô Cầu) sai viên thuộc hiệu đội Dực-hữu là Dương lĩnh bá Nguyễn Phú Như vào Tây Sơn nói về công việc biên giới của hai xứ.

Phú Như với Chỉnh vốn là chỗ quen biết, liền nói với Chỉnh những lẽ có thể lấy được Thuận Hoá. Rồi Như lại cho Chỉnh biết rằng hai xứ Thanh-Nghệ và cả bốn trấn hiện đang bị đói lớn, dân chúng đều ta oán kêu khổ, dân với lính chẳng ưa gì nhau, tình thế không thể lâu bền; nếu lấy được Thuận Hoá, thì việc dẹp yên thiên hạ không khó gì nữa!

Do đó, Chỉnh mới quyết định mưu kế về nước. Luôn bữa ấy, Chỉnh vào hầu Nhạc, bày cách thức lấy đất Thuận Hoá, và xin điều động binh tướng đánh chiếm ngay lấy Phú Xuân.

Nhạc theo lời, liền sai người em ruột là thượng công Nguyễn Văn Bình (tức Nguyễn Huệ), đốc xuất các quân thủy bộ; lại sai dũng tướng Võ Văn Nhậm (Võ Văn Nhậm vốn là tiết chế của họ Nguyễn, bị Tây Sơn đánh thua ở trận Gia Định, toan tự tử, sau nghe Nguyễn Huệ dụ hàng, Nhậm bèn theo Tây Sơn từ đó, rồi được Nhạc gả con gái cho) làm tả quân đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm hữu quân đô đốc, cùng theo hiệu lệnh của Bình, đến ngày 28 tháng tư thì kéo quân lên đường, tiến thẳng về phía thành Phú Xuân.

Lại nói, từ năm Giáp-ngọ (1774), Thuận Hoá thuộc về bờ cõi nước ta (đứng về phía Lê-Trịnh ở Đàng ngoài mà nói. Năm 1774 quân Trịnh hạ được thành Phú Xuân), thành Phú Xuân trở nên chỗ đầu cùng của miền biên giới và là một thị trấn rất xung yếu. Bởi thế, triều đình mới để ba ngàn quân đóng đồn và ba vạn quân thay phiên canh phòng; lại cử một viên đại tướng, một viên phó tướng, cùng với một viên đốc thị, một viên phó đốc thị trông nom công việc đó. Các nơi trọng yếu từ đèo ải Vân trở ra đều có lập đồn đóng quân. Rồi lấy dân địa phương để bổ sung thêm quân lính. Khai khẩn đất hoang để tăng thêm lương thực. Mở mang việc lưu thông trao đổi hàng hoá. Khai thác các nguồn lợi trên rừng dưới biển. Lấy việc thi cử để kén chọn người tài. Dùng danh vị, tước lộc để thu phục lòng người... Cách khổng chế, cai trị thật không còn thiếu sót điều gì. Chỉ đáng tiếc là viên đại tướng Tào quận công đứng đầu xứ đó lại là một người nhu nhược, chỉ quen lấy miệng lưỡi chống chế người, còn đến khi gặp việc quan trọng xảy ra thì lại không có tài năng đối phó kịp thời. Trước kia, viên đốc thị Nguyễn Lệnh Tân cứ mỗi lần nhắc đến việc phải gấp rút đánh lấy Tây Sơn, thì lại bị quận Tào gạt đi. Lệnh Tân bèn tâu về triều rằng: "Quận Tào là kẻ nhút nhát, ít mưu cơ, Thuận Hoá chắc chắn sẽ mất ở tay ông ta; xin hãy bãi chức ông ta và nhắc phó tướng lên làm đại tướng, hoạ may xứ này mới có thể giữ vững được". Chúa (Trịnh Sâm) nghĩ rằng Thuận Hoá là xứ vừa mới dẹp yên, lại thích tính ôn hoà, thận trọng của quận Tào, bèn bãi chức đốc thị của Lệnh Tân và cho người khác làm thay.

Bấy giờ bång nhễn Lê Quý Đôn khảo cứu những sấm ký về đất khởi nghĩa Tây Sơn, nói với chúa rằng: "Tây Sơn có đất thiên tử, đến mười hai năm nữa thì sức mạnh của họ sẽ không ai chống nổi. Đại tướng Thuận Hoá e không phải là tay đối địch được với họ. Xin chúa hãy lưu ý". Nhưng chúa cũng chỉ cho là lời nói quá đáng, không để ý gì mấy.

Rồi đó, bờ cõi không có chuyện gì, Nam-Bắc đều yên ổn, Thuận Hoá đang là một miền thái bình, vui vẻ.

Đến tháng tư năm Bính-ngọ (1786), bỗng có chiếc thuyền buôn của người khách phương Bắc đi tới. Người khách vào ra mắt quận Tào, rồi giở thuật tướng số ra nói rằng: "Hậu vận của ngài rất tốt, phúc lộc không thể kể xiết. Có điều hiện nay ngài đang gặp phải năm xung tháng hạn, cần đề phòng bệnh tật xảy ra. Mùa hè này ngài nên lập đàn mà cầu cúng thì tốt!". Quận Tào tin lời, tức thì sai lập đàn chay rất lớn, cúng luôn bảy ngày bảy đêm. Quân lính phải phục dịch liên tục hết đêm này sang ngày khác rất là vất vả.

Thình lình thấy có tin báo bộ binh của địch đã lấy mất đồn ải Vân, tướng giữ ải Vân là Quyền Trung hầu (tức là Hoàng Nghĩa Hò) bị chết trong khi đánh nhau; hiện nay các đạo thủy binh của địch đang theo đường biển kéo ra, chỉ sớm tối sẽ đến đây. Quận Tào hốt hoảng về thành, không biết nên làm thế nào. Các quân lính vì suốt mấy hôm hầu hạ đàn chay đang mệt, thốt nghe tin có địch, ai nấy đều không còn hồn vía. Quận Tào vội cho người đi tìm người khách, thì đã mất tăm không thấy đâu nữa. Bấy giờ, quận Tào mới biết hẳn là thám tử của địch, đến bày mưu để đánh lừa mình.

Nguyễn Hữu Chỉnh khi ở Tây Sơn vốn đã biết quận Tào là người nhút nhát mà đa nghi, dụ hàng chưa chắc Tào đã tin. Chỉnh bèn viết một bức thư cho phó tướng Thế quận công (tức Hoàng Đình Thế) đại ý nói rằng: quân Tây Sơn tinh nhuệ lắm, không thể địch nổi. Quận Thế với Chỉnh xưa đều là thuộc hạ của quận Huy, nếu nay Thế chịu đem thành Phú Xuân ra hàng thì Chỉnh sẽ bảo đảm cho được giàu sang toàn vẹn. Rồi Chỉnh lấy sấp bọc kín (xưa các thư từ bí mật đều bọc sấp ong), và mật sai người cô ý đưa lâm phong thư ấy vào dinh đại tướng Tào quận công. Quận Tào nhận được thư đâm ra nghi ngờ, sợ hãi, ngầm có ý muốn hàng Tây Sơn, bèn đem luôn bức thư đi.

Chẳng bao lâu, đại binh Tây Sơn kéo đến. Đại tướng và phó tướng bèn cùng nhau bàn cách chống cự.

Nguyên thành Phú Xuân ở ngay bờ sông, từ mặt nước dưới dòng sông lên chân thành, chiều cao khoảng độ hơn hai trượng. Lúc ấy thuyền Tây Sơn ở dưới sông bắn ngược lên, vì vậy không tới mặt thành. Trong thành, người ta đóng chặt các cửa, rồi dốc tất cả quân sĩ ở trên bắn xuống. Bộ binh của Tây Sơn phải lui cả vào trong thuyền. Trên thành bắn theo, thuyền của Tây Sơn bị chìm một chiếc. Nhờ vậy, tinh thần quân lính trong thành đã hăng hái lên được một chút. Chẳng dè, đêm ấy thủy triều lên to, nước sông tràn ngập khắp chân thành. Quân Tây Sơn thừa dịp thả thuyền tiến sát vào, bắn thẳng lên thành, rồi cho bộ binh vây chặt cửa thành.

Quận Tào tự mình chỉ huy các toán quân giữ cổng thành; rồi sai phó tướng quận Thề cùng các thuộc tướng là bọn Kiên kim hầu (tức Vũ Tá Kiên) ra ngoài thành đón đánh. Hai người con trai quận Thề đều làm quan võ, cũng theo cha ra đánh, cả toán dựa lưng vào bờ thành mà bày trận. Đánh nhau được hơn một canh, tên đạn đều hết, quận Thề cử người vào thành xin thêm. Quận Tào ngồi trên lầu thành, sai người đóng cửa chặn lại mà cự rằng: "Cơ nào đội ấy, ngoài việc cấp lương khẩu phần, đạn dược cũng đều có cả rồi, giờ lại còn vào đòi hỏi ai?" Quận Thề giận lắm, liền bảo với các tướng:

- Quận Tào phản rồi! Để ta phá cửa thành vào chặt lấy đầu thằng giặc già trước đã, rồi sau sẽ ra đánh.

Đoạn ngoảnh lại nói với các con:

- Chúng bay hãy đứng phía trước cản địch, ta vào một lát sẽ quay ra.

Rồi quận Thề co đầu voi quay vào. Voi vừa lùi lại, thế trận tức thì rối loạn, quân Tây Sơn thừa cơ sấn đến. Hai con quận Thề phóng ngựa ra trận, múa đao chém chết chừng vài trăm người. Quân địch kéo đến càng đông hơn, họ xông vào chém chân ngựa của hai người. Ngựa quy, hai người lại hoa đao đánh bộ, giết thêm vài chục người nữa, rồi bị thương nặng và cùng đuối sức, bèn gọi cha ra cứu.

Quận Thề vội quay voi đến cứu, thì hai người đã bị chém chết ở trước trận. Liên đó, Kiên kim hầu cũng bị giết chết.

Quận Thề thu quân, toan bày trận khác, nhưng ngoảnh đầu nom lên thành thì đã thấy kéo cờ trắng rồi.

Tên quân tượng của quận Thề hốt hoảng, bỏ voi nhảy xuống đất chạy trốn. Quân địch đuổi theo voi mà bắn. Quận Thề chết ngay trên bành voi.

Đại tướng Tào quận công truyền mở cổng thành, xe quan tài ra hàng (tỏ ý xin ra chịu chết). Bình thả quân vào thành, chém giết bừa phứa. Đốc thị Nguyễn Trọng Đương chết trong trận đó. Còn bao nhiêu lính tráng trong thành chạy trốn ra ngoài, đều bị thổ dân giết sạch.

Trong trận đánh này, mấy vạn mạng tướng sĩ đóng ở thành Phú Xuân đều không còn sống sót lấy một mống.

Chiếm xong Phú Xuân, Bình nhân đà thắng kéo quân ra lấy luôn đồn Động Hải. Tướng giữ đồn là Vị phái hầu cùng hiệp trấn là Ninh Tôn mới trông thấy bóng quân Tây Sơn đã chạy trốn. Thế là mất hết cả đất Thuận Hoá. Bấy giờ là ngày 14 tháng 5 năm Bính Ngọ niên hiệu Cảnh hưng (1786).

Sau khi hoàn toàn lấy được Thuận Hoá rồi, Bình bèn họp các tướng bàn việc sửa lại địa giới La Hà; đồng thời sai làm tờ "lộ bộ" (thư báo tin thắng trận) báo tin thắng trận về cho chúa Tây Sơn.

Lúc ấy, Chinh nói với Bình rằng:

- Ngài vâng mệnh ra lấy Thuận Hoá, đánh một trận mà xong, oai danh lừng lẫy khắp thiên hạ. Phép dùng binh có ba điều cốt yếu, một là "thời", hai là "thế", ba là "cơ"; ba điều ấy đều có cả thì đánh đâu cũng thắng. Nay ở Bắc Hà, tướng lười binh kiêu, triều đình không còn kỷ cương gì cả, ta thừa thế mà đánh lấy,

như trong sách đã nói: "Chiếm nước yếu, đánh nước ngu, lấy nước loạn, lấn nước suy vong". Cơ và thời ấy không nên bỏ lỡ!

Bình đáp:

- Bắc Hà là một nước lớn, có nhiều người tài. Lời xưa có nói: "Con ong có nọc", há có thể khinh thường được ư?

Chỉnh nói:

- Người tài ở Bắc Hà chỉ có một Chỉnh này mà thôi. Nay tôi đã đi rồi, ấy là cái nước rỗng không, xin ngài chớ nghi ngại!

Bình vốn khéo dùng ngôn ngữ để bẻ người, liền đùa rằng:

- Không nghi ngại người nào khác, chả hoá ra chỉ có ông là đáng nghi ngại thôi ư?

Chỉnh tái mặt mà tạ rằng:

- Sở dĩ tôi tự nêu lên cái ngu hèn của mình như thế, chẳng qua cũng chỉ để nói quá rằng nước tôi tuyet nhiên không có người tài đó mà thôi! (ý Chỉnh muốn nói chữa, ngoài Bắc chỉ có Chỉnh là tài mà Chỉnh cũng chỉ xoàng như vậy thì quả là ngoài Bắc không còn có người tài nữa)

Bình lại an ủi mấy câu, rồi tiếp:

Một nước đã trải bốn trăm năm, nay bỗng chốc mình đến cướp lấy, người ta sẽ gọi đạo quân ấy là đạo quân gì?

Chỉnh đáp:

- Nước tôi có vua lại có chúa, đó là một việc hết sức trái ngược xưa nay. Chúa Trịnh tiếng rằng phò Lê, thực ra chỉ là ăn hiếp thiên tử. Người trong nước vốn không phục. Trước đây các bậc anh hùng mỗi khi nổi dậy, chưa từng có ai không lấy danh nghĩa phò Lê. Nhưng số họ Trịnh chưa hết, nên công việc của những người ấy đều không thành. Nay xét ở trong "địa ký" của họ Trịnh có câu: "Chẳng để chẳng bá, quyền nghiêng thiên hạ, truyền được tám đời, trong nhà đầy vạ". Mà tính từ Thái vương đến Tĩnh vương [địa ký: sách ghi lời dự đoán trước về thế đất để mã. Thái vương là Trịnh Kiểm; Tĩnh vương là Trịnh Sâm. Tương truyền Trịnh Kiểm lúc nhỏ nhà nghèo, thường ăn trộm gà hàng xóm để nuôi mẹ, ai cũng ghét. Họ bèn ném mẹ Kiểm xuống vực sâu ở làng. Qua một đêm, chỗ vực sâu ấy bỗng biến thành một gò đất. Sau có một thầy địa lý đi qua gò đất, đọc bốn câu rằng: Phi đế phi bá, quyền khuynh thiên hạ, tộ truyền bát đại, tiêu tường khởi hoạ (nghĩa như trên). Câu "tộ truyền bát đại" có bản chép "truyền nhị bách niên" (truyền hai trăm năm)] thì đã đủ số tám đời rồi. Nếu ngài lấy có "diệt Trịnh phò Lê" mà kéo quân ra, thiên hạ không ai là không hưởng ứng. Đó chính là cái công không mấy đời có vậy!

Bình nói:

- Đó là việc rất hay! Nhưng nay ta vâng mệnh đi đánh Thuận Hoá, không phải vâng mệnh đi đánh nước người. Tự ý thay đổi mệnh lệnh của nhà vua như thế thì ra làm sao?

Chỉnh đáp:

- Trong kinh Xuân Thu có nói: "Thay đổi nhỏ mà công lao lớn, ấy là có công!" Như thế thì thay đổi cũng có ngại gì đâu? Huống hồ, ngài há chẳng nghe nói câu "tướng ở ngoài, mệnh vua có khi không cần phải theo" đây ư?

Bình là một người thông minh, quyết đoán, được lời Chinh nói trúng với ý mình, tức thì nghe theo ngay. Bình sai Chinh đem đội quân tuyển phong, vượt vào cửa biển Đại An, đánh lấy kho lương Vị Hoàng (xã Vị Hoàng, sau là tỉnh lỵ Nam Định) trước; còn tự mình thì dẫn thủy binh theo sau, lại hẹn với Chinh hễ đến được Vị Hoàng thì phải đốt lửa lên làm hiệu.

Bố trí xong rồi, Chinh liền cầm quân đi trước. Lúc ngang qua mấy trấn Nghệ An, Thanh Hoa, Chinh sai nhiều toán du binh, mỗi toán chừng vài trăm người, chia ngả đi đánh các đồn để phô trương thanh thế.

Trấn thủ Nghệ An là Dương trung hầu, trấn thủ Thanh Hoa là Thủy trung hầu (tức Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thủy) đều bỏ thành mà chạy.

Ngày mồng sáu tháng sáu năm ấy (1786) Chinh tới Vị Hoàng. Quân ở trong đồn mới trông thấy bóng quân Chinh đã bỏ trốn. Hơn một trăm vạn học lương ở đây đều bị Chinh chiếm gọn. Sau đó, Chinh bèn đốt lửa báo tin.

Bình thấy hiệu lửa, lập tức dẫn hơn một ngàn chiếc thuyền theo đường biển đi ra. Dân chúng Nghệ An lên núi, trông bóng lâu thuyền (loại chiến thuyền hạng lớn, khoang thuyền có lầu cao) cùng cờ quạt ngoài biển đều ngậm ngùi than: "Cũng rắn cắn gà nhà, hắn ta thật có tội. Song cũng là một việc không mấy đời có!"

Chinh ở Vị Hoàng hợp với quân của Bình, thanh thế rất lớn. Bấy giờ trong nước, những kẻ hai lòng thường hay lui tới dinh quân của Chinh, đem hết tình hình nước nhà mà kể với địch. Còn như tình hình quân địch ra sao, thì triều đình lại không hề hay biết gì hết.

Khi Phú Xuân bị vỡ, tin từ biên giới báo về kinh, những người dự bàn đều nói: Thuận Hoá vốn không phải là bờ cõi của triều đình, tiên triều hao phí bao nhiêu của cải trong nước mới lấy được xứ ấy, rồi lại phải đem quân đóng giữ, rốt cuộc chẳng có ích gì. Ngày nay mất đi cũng là một cái may. Bấy giờ chỉ nên bàn tính việc đóng đồn ở trấn Nghệ An và định rõ cương giới cũ mà thôi. Ta lấy sự mất Thuận Hoá làm may, ắt họ phải lấy sự lẩn tránh của ta làm điều đáng ngại. Như vậy hắn là ta không phải lo gì nữa.

Thế là kẻ trên người dưới, ai nấy đều yên lòng. Chợt nghe tin Nghệ An bị vỡ, quân địch sắp sửa đến nơi; triều đình bấy giờ mới hốt hoảng, bèn sai Thái đình hầu (tức Trịnh Tự Quyền) làm thống lĩnh, đem 27 cơ lính vào Nghệ An chống nhau với quân địch, Thái đình hầu lĩnh mệnh đã hơn mười ngày, mà sửa soạn vẫn chưa xong. Kịp đến khi rời thành được nửa ngày, thì quân địch đã tới Vị Hoàng. Bấy giờ triều đình lại sai luôn Thái đình hầu xuống giữ ở vùng Sơn Nam; và phái thêm Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng đốc lĩnh đường thủy, dẫn các đội thuyền Tả-vệ, Hữu-vệ, Ngũ-hầu, Ngũ-thiện, Ngũ-trung cùng với Thái đình hầu thủy bộ đều tiến.

Hồi ấy Nhưỡng đang đánh nhau với bọn thủy khấu (bọn cướp trên sông, biển) ở vùng Hải Dương; đến lúc này, bọn thủy khấu đã hợp cả với quân Nam, vì vậy triều đình liền sai luôn Nhưỡng về đánh giữ mặt Nam.

Nhưỡng là danh tướng ở vùng Hàm Giang, vốn là con nhà dòng dõi, triều đình đem hết công việc thủy chiến giao phó cả cho Nhưỡng.

Các thuyền quân của Nhưỡng kéo đến đóng ở cửa Luộc [cửa Luộc, chỗ sông Luộc chảy vào sông Hồng Hà giáp liền với huyện Tiên Lữ (Hưng Yên) và huyện Hưng Nhân (Thái Bình)], cầm cự với quân Tây Sơn. Bấy giờ gió đông nam thổi rất dữ, quân Tây Sơn ở hạ lưu cho năm chiếc thuyền làm tiên bộ tuyển phong, giương buồm ngược dòng tiến lên, còn đại quân thì từ từ tiến theo sau. Nhưỡng thấy những thuyền tuyển phong của địch xông đến, tức thì đem chiến thuyền chặn ngang sông, dàn thành thế trận hình chữ "nhất"; rồi truyền quân lính nạp súng Bảo-lân, bắn sang thuyền địch. Bắn phát đầu, thuyền địch đứng yên không động. Nhưỡng truyền bắn phát thứ hai, các buồm của thuyền địch đều cuốn lại. Quân bên Nhưỡng mừng rỡ, cho là bên địch có ý sợ. Nhưỡng lại sai bắn luôn ba phát nữa. Lúc ấy bên địch mới bắn trả một phát súng lớn, tiếng nổ như sấm, đạn bay lên cây cổ thụ bên bờ, làm cho thân cây bị gãy làm hai đoạn.

Bảy giờ Trưởng trung hầu (tức Đỗ Thế Dân) và viên đốc đồng Nguyễn Huy Bình đều một mình bỏ trốn. Quân của Thái đình hầu đóng ở cửa Kim Động [thuộc Hưng Yên (Hải Hưng)] cũng tự vỡ mà chạy.

Khi ấy, thư báo tin thua trận tới tấp đưa về kinh, các quan văn võ trong triều ai nấy chỉ cuống lên lo thu xếp chỗ nương náu cho vợ con, lo cất giấu của cải, không một ai dám ra nhận lấy việc đánh nhau với quân Tây Sơn.

Chúa thấy tham tụng Bùi Huy Bích ở ngôi tể tướng lâu ngày mà chẳng làm được việc gì, đến lúc này lại không có mưu kế gì để chống địch, trong lòng đã chán ghét. Rồi nhân những người xung quanh lại công kích Bích rất gay gắt, chúa bèn bãi chức tể tướng của Bích và cử ra trận đốc chiến.

Tể tướng đi rồi, lòng người càng nôn nao. Chúa bèn đòi Công Thước (Trần Công Thước, sau đổi là Công Xán) vào phủ, mặt bàn xem nên đánh lui địch hay nên tránh địch. Công Thước thưa:

- Giặc kéo quân vào sâu xứ lạ, đó là điều mà trong binh pháp rất kỵ. Nên dủ cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt hết, đó cũng là cái thuật kỳ diệu trong phép dùng binh. Và lại, kinh sư là cái gốc của thiên hạ, rồi bỏ thì sẽ đi đâu? Chẳng những thế, nếu kiêu chúa lật đật ra ngoài thành, tất lòng người sẽ phải lìa tan, ấy là đem nước mà trao cho giặc vậy. Bây giờ chỉ nên xin thái phi và cả sáu cung hãy tạm lánh ra ngoài thành mà thôi.

Chúa nghe theo lời Thước. Lại tự nghĩ rằng, trong hàng võ tướng chỉ có Thạc quận công là tay lão tướng có thể trông cậy được, bèn sai người ra trấn Sơn Tây tức tốc triệu ông ta về triều.

Được lệnh, quận Thạc liền đem ngay năm trăm quân nghĩa dũng về cứu kinh thành. Thấy quận Thạc về, lòng người cũng hơi vững. Khi quận Thạc vào ra mắt, chúa nói:

- Ông bỏ quả nhân hay sao? Bây giờ thế nước như vậy thì làm thế nào?

Quận Thạc khóc mà rằng:

- Thần chịu ơn dày của nhà nước, thế không cùng sống với giặc. Cha con thần tất cả còn có chín người, nếu phải dựa lưng vào thành mà quyết một trận tử chiến, thần xin cầm roi mà theo dưới chân chúa, chúa không lo gì hết!

Chúa bèn bỏ ra năm ngàn lạng bạc, giao cho quận Thạc để chi về việc binh. Thạc lập tức ra lo liệu việc quân, một ngày gọi được hơn một ngàn thủ hạ, toàn là những tên quân hết sức tinh nhuệ. Rồi theo lệnh chúa, quận Thạc tiến quân ra đóng ở hồ Vạn Xuân (tức đầm Vạn Phúc ở làng Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, Hà Đông, nay là ngoại thành Hà Nội).

Bảy giờ gió đông nam đang mạnh, đường thủy trở nên rất xung yếu. Sau khi các đội thuyền của Liễn trung hầu đã bị đánh bại, quân địch chiếm được cả một dải đất yên ổn chạy dài theo ven sông, rồi thuận đường kéo thẳng lên kinh kỳ. Tổng sai cả bốn hiệu lính thủy đốc hết quân xuống ngăn địch ở cửa Thúy ái (Cửa Thúy ái nằm ở địa phận bãi Thúy ái, Thanh Trì, Hà Đông, nay thuộc ngoại thành Hà Nội).

Thuyền địch đến bến Nam Dư (cũng thuộc Thanh Trì, Hà Đông, nay thuộc ngoại thành Hà Nội), tức thì bỏ thuyền nhảy lên bộ, đánh úp vào đám lính thủy ở cửa Thúy ái. Trước đó, thủy binh ở đây nghe tin quân địch còn xa, nên không phòng bị gì hết, cứ cột thuyền lại rồi lên bờ đi tản mát, linh tinh ở các bãi sông. Khi quân địch thỉnh linh kéo đến, thủy binh không kịp lên thuyền, bao nhiêu thuyền bè đều bị địch chiếm hết cả. Cả đội duy có viên tiểu tướng họ Ngô (tức Ngô Cảnh Hoàn, theo Cương mục, Hoàn có người thiếp yêu là Phan Thị Thuần rất trẻ, đẹp. Sau khi Hoàn chết, nàng cứ nhờn nhờ may sắm quần áo và trang điểm như không có chuyện gì, mọi người chê cười cũng mặc. Đến hết giỗ 100 ngày, bảy giờ nàng mới trang điểm đẹp đẽ, bơi thuyền đến chỗ chồng chết mà tự tử. Nhân dân địa phương bèn lập đền thờ, khen là người con gái tiết liệt) là dám vác đao đứng ở đầu thuyền, đánh nhau với địch. Được chừng

hơn một khắc, quân Tây Sơn dùng súng lớn bắn vào đầu thuyền, viên tiểu tướng ấy trúng đạn chết tại chỗ. Quân địch bèn kéo ủa lên bộ, xông vào trận của quân Thạc. Quân lính của quân Thạc khi ấy đang ăn cơm, chợt thấy địch ập tới, ai nấy bỏ cả khí giới mà chạy (theo Cương mục, lúc ấy có Mai Thế Pháp dám một mình vác dao ra chặn đường quân Tây Sơn, nhưng giết được mười người thì bị vây chặt, phải nhảy xuống sông tự tử). Quân Tây Sơn từ hai phía tả hữu cùng đánh dồn lại, chém giết quân của quân Thạc toi bời, thây chết nằm ngổn ngang khắp bãi. Những kẻ nhảy xuống hồ Vạn Xuân mà chết, cũng không biết bao nhiêu mà kể.

Quận Thạc chỉ còn hơn mười thủ hạ và tám người con. Bọn họ đều xúm quanh chân voi của quân Thạc, tựa vào voi mà chống cự lại quân Tây Sơn. Sáu người con của quân Thạc ra sức chiến đấu, chết ở trước voi. Quận Thạc liền sai quân tượng cho voi quỳ xuống, rồi ông ta nhảy xuống đất cùng hai người con cướp đường mà chạy tháo thân.

Thủy binh của Tây Sơn tiến thẳng đến bến Tây Long. Chúa thân hành ra ngự trên lầu Ngũ-long bày trận. Chia thành năm đạo quân: hiệu Tả-bộ giữ mặt Đông Long, hiệu Hữu-bộ giữ mặt Tây Hồ, hiệu Tiền-bộ giữ mặt cửa thành Tiên Lâu, hiệu Hậu-bộ giữ mặt Hậu Lâu, cạnh bờ hồ Thủy-quân, còn hai hiệu Nhung, Kiêu ở trung quân để hộ giá.

Quân Tây Sơn từ bãi sông tiến vào, chúa ở trên lầu sai nổi hiệu trống trận, hiệu Tiền-bộ liền nổ súng bắn ra. Bắn được một hồi lâu, quân địch khom mình vừa tránh đạn vừa xông vào. Chúa bèn mặc đồ trận, xuống lầu, trèo lên mình voi, cầm cờ đồ chỉ ba cái, vẫy ba cái, rồi sai thúc trống làm hiệu cho quân lính tiến về phía trước. Quân lính nghe trống giục, trông theo lá cờ liềm mạng tiến lên. Bên địch dùng "hoả hổ" (tên một thứ ống phun lửa của Tây Sơn) phun lửa bừa vào, quân lính nhà chúa đều sợ mất mặt, bỏ cả khí giới ở bờ sông mà chạy thục mạng.

Chúa thấy quân lính tan tác, ngoảnh nhìn quanh mình, đã không còn một người nào; nhưng quân Tây Sơn không biết đó là chúa, hối hả tranh nhau xông vào phủ chúa, không ai lại gần chân voi. Chúa vội cởi bỏ quần áo trận, đội khăn chữ đinh, tụt xuống ngồi núp trong ngăn hòm da ở mé sau bành voi, rồi co đầu voi quay về phủ. Khi qua cửa Tuyên Vũ, thì thấy tiền binh của địch chừng vài chục người đã vào lọt trong phủ và đang kéo cờ ở phía ngoài phủ; chúa liền quay voi men theo bờ hồ Minh Đường, nhằm phía cửa ô Yên Hoa (tức là ô Yên Phụ, Hà Nội bây giờ) mà chạy.

Bấy giờ Bình đã vào thành [Nguyễn Huệ vào Thăng Long ngày 26 tháng 6 năm Bính-ngọ (1786)], hạ lệnh nghiêm cấm quân sĩ không được cướp bóc của dân, rồi Bình vào phủ chúa nghỉ ngơi.

Mấy viên cận thần và các thân binh biết chúa chạy về phía tây, bèn lục tục chạy theo. Tới ngoài cửa thành, hãy còn có chín thớt voi hơn mười con ngựa và hơn ngàn người. Lúc qua địa phận Từ Liêm, dân quê thấy bóng gương giáo, ngỡ là địch đến, vội dất nhau chạy. Quan quân trông đằng xa thấy dân chạy tưởng là địch, quá nửa số người vứt bỏ cả khí giới mà trốn. Đến huyện Yên Lãng, thì có người con trai Nguyễn Thường là Nguyễn Noãn, quê ở làng Vân Diêm, huyện Đông Ngàn, vốn là gia thân của chúa, đón chúa ở dọc đường quỳ xuống mép đường bên trái mà thưa rằng:

- Ngày trước tôi vâng mệnh chúa đi mộ quân, hiện đã mộ được năm trăm tên, đang chờ ở phía bờ bắc sông này. Xin chúa hãy ngự giá sang phía bắc, tới làng tôi đóng tạm để lo tính công việc về sau.

Chúa bèn sai gọi dò đề sang sông. Bao nhiêu chân sào ở bến dò mỗi người lần đi mỗi ngã. Tìm mãi mới được ba chiếc thuyền nhỏ, mỗi chiếc chỉ chở được khoảng 13, 14 người. Chúa vội lên thuyền, chỉ có năm sáu viên quan hoạn trẻ tuổi và Noãn đi theo. Còn bao nhiêu quan quân và voi ngựa đều phải ở lại: khi nhìn thấy chúa đã sang đến bờ bên kia, thì họ cũng bảo nhau trốn chạy tan tác.

Chúa lên bờ, không thấy một tên quân nào, vội hỏi Noãn thì Noãn đáp:

- Lính tráng hiện ở làng tôi, xin chúa hãy quá bộ đi dần lên phía trước, làng tôi cách đây cũng không xa.

Chúa có ý hỏi bị Noãn làm lỡ việc, lại sợ đi nữa chưa chắc giữa đường có được yên lành hay không. Bấy giờ quanh mình chẳng có ai đáng tin; chúa nghĩ rằng chỉ có những bậc văn thần tiến sĩ là có thể trông cậy được, bèn hỏi Noãn:

- Những thôn ấp gần đây có viên tiến sĩ nào không?

Noãn thưa:

- ở đây thì chẳng có ai là tiến sĩ. Chỉ có viên thiêm sai tri lại phiên Lý Trần Quán, trước kia phụng mệnh đi chiêu dụ nhân dân, vẫn đóng tạm tại làng Hạ Lôi, nhưng không biết hiện giờ có còn ở đó nữa không?

Chúa nói:

- Người hãy thử đi hỏi xem. Nếu còn thì nên bảo kín tình trạng này để cho viên ấy biết mà lo liệu giúp ta.

Noãn vâng mệnh, đi tới ra mắt Lý Trần Quán kể rõ đầu đuôi, rồi nói:

- Tôi trước vâng mệnh về quê mộ quân, hiện nay đã mộ được một số, đang đợi ở địa giới huyện tôi. Quan lớn hãy liệu cách nào mượn tạm lấy ít binh lính, khí giới hộ vệ cho chúa tới đó, thế là yên ổn.

Quán có người quen là viên tuần huyện Trang (tức Nguyễn Trang) ở làng Hạ Lôi. Trang vốn là một tên tướng cướp, thuở trước đã có học với Quán. Bấy giờ Quán trú ở Hạ Lôi cũng là nhờ có Trang che chở. Nghe Noãn nói thế, Quán bèn cho gọi Trang vào bảo:

- Hiện có quan tham tụng là Kế liệt hầu tránh loạn đến đây, muốn phiên anh hộ tống ra khỏi địa phận.

Trang xin vâng.

Quán liền cùng Trang theo Noãn đến yết kiến chúa.

Nguyên lúc Quán ở chính phủ chỉ là một viên quan nhỏ, chưa từng được thấy mặt chúa, mà chúa cũng chưa hề biết Quán bao giờ. Khi ấy, chợt thấy Quán đến, chúa bèn ngoảnh lại hỏi mấy viên thị thần:

- Đó là người nào?

Bọn thị thần đáp:

- Đó là Lý Trần Quán!

Chúa đang nhún nhường chưa biết nên nói câu gì. Quán khi được tiếp kiến cũng tỏ ra hết sức cung kính, điệu bộ rụt rè, khúm núm. Vô tình chúa và tôi đều lộ rõ chân tướng. Hồi lâu, chúa mới nói tâm sự với Quán.

Quán chỉ vào Trang thưa:

- Tôi có tên này, vốn là học trò cũ của tôi, việc đó hẳn rất có thể đảm đương được.

Rồi Quán quay sang bảo Trang:

- Anh phải cẩn thận hộ vệ quan lớn ra khỏi địa giới đây nhé!

Trang thưa: "Dạ!".

Quán bèn từ biệt chúa, trở về nhà riêng. Còn Trang thì đem theo năm mươi thủ hạ đi hộ vệ chúa. Lúc đi qua một ngôi nhà mà Quán đã từng ở, Trang giữ chúa lại trong một căn buồng bỏ không và hỏi:

- Ông có phải là Đoan nam vương thì cứ nói thực với tôi. Nếu không, rồi xảy ra việc gì, ông đừng có trách!

Chúa mới đầu còn định giấu giếm, bèn đáp:

- Sao anh lại đoán xằng như vậy? Ta chỉ là quan tham tụng Bùi Huy Bích mà thôi!

Trang nói:

- Ông chớ nói dối người ta. Cái bộ điệu che đậy của chúa tôi nhà ông lúc này tôi đã thấy cả rồi, còn che mắt ai được nữa? Từ xưa đến nay, hưng phế là việc thường, ông cũng không thể tránh khỏi, đừng có làm gì nữa cho thêm nhọc mình!

Rồi Trang đưa chúa về nhà. Chúa giận lắm, đổi sắc mặt mà nói:

- Vua chúa phải có mệnh trời. Chính thật đại nguyên soái Đoan nam vương là tao đây! Nếu có chết về tay người trong nước thì cũng là mệnh trời. Tha hồ cho mày làm gì thì làm!

Trang bèn sai người đi báo tin cho quân Tây Sơn. Hết thấy những kẻ đi theo chúa đều bị bắt giữ.

Quán nghe tin có việc biến, thân hành đến tận chỗ chúa, rập đầu xuống đất mà nói:

- Làm lầm chúa đến nông nỗi này, là do tội của tôi cả!

Tông đáp:

- Người ta ai có bụng nấy, khanh có can dự gì?

Quán lui trở ra, bảo Trang:

- Chúa là chúa chung của thiên hạ. Mà ta lại là thầy anh. Vua tôi là nghĩa lớn, sao anh nỡ làm như thế?

Trang đáp:

- Quan lớn không bảo tôi trước, khiến tôi trót lầm đến gặp chúa. Nếu chúa trốn thoát ở tay tôi, rồi nữa quân Nam đến hỏi tội tôi, liệu quan lớn có thể biện bạch hộ được không? Sợ thầy chưa bằng sợ giặc, yêu chúa chưa bằng yêu thân mình, tôi không để quan lớn làm cho lầm lỡ đâu!

Tiếp đó, Trang bức Quán phải trở về nhà, rồi quát thủ hạ diu chúa về kinh đô.

Quán tới lạy chúa, vừa khóc vừa kêu gào rằng:

- ôi trời ơi! Tôi giết chúa tôi rồi, trời có hay chăng?

Chúa an ủi:

- Tấm lòng trung thành của khanh, "cô" (lời khiêm xưng của vua chúa đời xưa) đã biết rồi đừng nên tự oán mình như thế!

Quán muốn nẻo chúa ở lại chút nữa, nhưng chưa kịp nói thì chúa đã bị Trang đẩy đi rồi.

Đi đến giữa đường, Trang dẫn chúa vào tạm nghỉ trong một cái quán. Chúa vớ được con dao con của nhà hàng, đưa lên đâm ngay vào cổ mình. Trang trông thấy vội giằng lấy dao. Mũi dao đâm vào hầy còn nông, nên vết thương ở cổ cũng nhỏ. Chúa bèn dùng ngón tay chọc vào vết thương xé cho rách thêm ra, nhưng cũng bị Trang ngăn chặn. Một chốc, chúa thấy trong bụng nôn nao, buồn bực, đòi uống nước lạnh. Trang sai người lấy nước cho chúa. Chúa bụng nước uống xong thì chết liền. Trang đưa thi hài chúa đến kinh. Quân Tây Sơn mừng lắm, đem phơi xác chúa ra ngoài cửa Tuyên Vũ để cho thiên hạ cùng biết. Sau đó, sai khâm liệm chúa đúng theo lễ vua chúa, rồi dùng kiệu rồng đưa ra chôn ở lăng Cung quốc công (nơi chôn Trịnh Cán).

Còn Trang, được phong làm Tráng nghĩa hầu thêm chức trấn thủ Sơn Tây. Hôm ấy nhằm ngày 27 tháng 6 quận công năm Bính-ngọ (1786) (theo Trịnh thị thế gia, thì ngoài Trang còn có Nguyễn Noãn tức Ba Đóm cũng tham dự vào việc bắt Tông. Nhưng lúc Noãn đòi thưởng công thì Nguyễn Huệ cho là kẻ bất nghĩa và sai đem chém ngay).

ở Hạ Lôi, Lý Trần Quán sau lúc từ biệt chúa, liền quay về nhà trọ, nói với chủ nhà rằng:

- Bê tôi mà làm làm vua, tội thật đáng chết! Nếu ta không chết, không lấy gì tỏ được lòng này với trời đất. Vậy hãy sắm cho ta một cỗ quan tài, mười vuông vải trắng, để ta làm theo cái chí của ta.

Chủ nhà hết sức khuyên giải, Quán vẫn không nghe, nói rằng:

- Ta đã muốn chết, tự khắc còn có những cách khác, nhà ngươi không thể ngăn nổi đâu. Nếu quả là yêu mến ta, thì cứ để mặc ta làm gì thì làm.

Qua hai ngày sau, Quán càng phần uất, bồn chồn. Chủ nhà ngăn Quán chẳng được, biết lòng trung của Quán không thể lay chuyển, đành phải sắm sửa đầy đủ các thứ theo như lời Quán đã bảo.

Quán sai đào huyệt ở ngay vườn sau nơi nhà mình ở đặt sẵn chiếc quan tài xuống đó. Lại lấy vải trắng xé ra làm một chiếc khăn đội đầu và một chiếc dây lưng. Sau đó, đội mũ mặc áo chỉnh tề, hướng về phía nam lạy hai lạy. Lạy xong, lại bỏ mũ, lấy khăn trắng chít lên đầu, lấy dải lưng trắng thắt ngang lưng; rồi nằm vào trong quan tài, bảo chủ nhà đây nắp lại.

Tám ván vừa đặt lên, bỗng Quán ở trong áo quan nói vọng ra:

- Hãy còn thiếu một câu nữa, phải nói hết cái đã. Chủ nhà lại mở nắp ra, Quán liền đọc hai câu rằng:

Tam niên chi hiếu dĩ hoàn,

Thập phần chi trung vị tận (nghĩa là: Đạo hiếu ba năm đã trọn, Chữ trung mười phần chưa xong).

Rồi Quán bảo với chủ nhà:

- Phiền ông đem câu ấy dặn lại con ta, bảo nó sau này dán ở nhà thờ mà thờ ta.

Nói xong câu ấy, lại tiếp luôn:

- Đa tạ ông chủ, ta vĩnh biệt ông từ đây nhé!

Chủ nhà và năm sáu tên đầy tớ cùng sụp xuống lạy chào ở trước quan tài, rồi đây nắp và lấp đất lên. Hôm ấy là ngày 29 tháng 6, năm Bính-ngọ (1786) sau khi chúa chết hai ngày.

Quán người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766); tính nét giản dị, chất phác và rất hiếu thảo. Trong khi chịu tang mẹ, Quán ở nhà mồ luôn ba năm liền; miệng không ăn thịt cá, thân thể gầy rạc, chỉ còn da bọc xương. Quán thường tự nói: "Ta nay đã bốn chục tuổi đầu, nhưng những việc

đã làm trong quãng đời vừa qua của ta, chỉ có ba năm chịu tang này là gần với đạo làm người". Bởi Quán cư xử không có điều gì đáng phàn nàn như vậy, nên khi sắp chết, Quán mới có lời tự hứa (nghĩa là tự cho rằng mình có điều đáng khen. ở đây chỉ vào câu "Tam niên chi hiếu dĩ hoàn", ý nói mình đã tận hiếu với cha mẹ) như thế

Sau khi Quán mất, thiên hạ ai cũng thương chúa và kính trọng Quán là bậc nghĩa khí. Rồi nhân đó truy nguyên đến kẻ gây ra tai họa, không ai là không oán Chính. Chính cũng cảm thấy điều ấy.

Chính có một người quen là Đỗ Thế Long, quê ở làng Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, vốn là một kẻ giao hoạt. Hồi Chính nợ tiền công bị bỏ ngục, Long vì cố khác phải tội, cũng cùng ở tù với Chính. Long làm các bài từ khúc bằng chữ nôm rất giỏi, so với Chính cũng không kém gì. Kịp đến khi Chính ở Tây Sơn ra, Long vẫn còn bị giam. Chính tới kinh, tức thì sai người thả Long ra, và đãi Long làm bậc khách quý. Mỗi lần có việc nước, Chính đều hỏi han Long. Long biết điều gì, không bao giờ không nói. Đã nói, không bao giờ Chính không theo.

Đến lúc này thấy chúa chết, Chính bèn nói với Long rằng:

- Chúa không tin bụng ta, nên mới đến nỗi tự huỷ hoại đời mình. Nếu chúa còn sống, hắn ta cũng đặt vào một địa vị thanh nhân không để đến nỗi phải mất danh lộc.

Long nghe lời lẽ của Chính, thấy Chính đối với chúa cũng có tình, bỗng nhiên Long nảy ra cái ý muốn lập lại họ Trịnh. Rồi nhân ý của Chính, Long bèn xoay chuyển thêm để cho đúng với cơ mưu của mình.

Thật là:

*Ác độc than người tàn phá trướng,
Ngây thơ cười kẻ giữ gìn con*

Hồi thứ năm
Phò chính thống, thượng công vào điện
Kết duyên lành, công chúa ra xe.

Lại nói, Đỗ Thế Long nghe lời lẽ Chinh có ý hậu với chúa, bèn nhân đó nói với Chinh rằng:

- Việc ông đã làm, tiếng làm nhân nghĩa, nhưng xét rõ ra thì lại là tàn hại! Ngày nay ông có cái thể nghiêng non lật biển, quả thật là nhờ vào sự giúp đỡ của quý quốc (chỉ Tây Sơn). Nhưng khi ông mới xuất thân, nào cầm quân, nào phong hầu, thử hỏi có cái gì không phải là ơn của nhà chúa? Chuyện này ông lấy tiếng "phù Lê, diệt Trịnh" để kéo quân ra, thật là quá lắm! Nếu bảo nhà chúa hiếp chế nhà vua là việc có lỗi, thì sao lại không nghĩ đến cái công tôn phò hai trăm năm trời? Theo người mới mà phản người cũ là bất nghĩa; bới lỗi lầm để lấp công lao là bất nhân. Đã bất nghĩa, bất nhân tức là tàn hại. Kẻ đại trượng phu lập thân, có thể tự mình đứng vào địa vị tàn hại được ư?

Chinh nghe nói, sắc mặt tái mét, lặng đi hồi lâu mới đáp:

- Gây dựng là ơn riêng của một người, cương thường là nghĩa lớn của thiên hạ. Tôi làm cái việc tôn phò ấy, là cốt để chống đỡ cho nền cương thường. Đó là một việc nhân nghĩa vô cùng lớn lao, vậy mà ông lại cho là tàn hại, chẳng phải là ông nói nhau quá tệ ư? Nếu tôi không nghĩ sai, thì chắc là ông nói quá lời đấy!

Long nói:

- Nhà vua vốn đã tôn quý sẵn rồi, cần gì đợi ông tôn phò nữa? Chẳng qua ông cũng chỉ mượn có ấy để làm cho trôi cái mưu cướp bóc đó thôi. Nhưng mà, nhà nước đang như chiếc âu vàng lạnh lặn, bỗng dưng vô cớ ông đưa người ngoài đến đây, làm hại chủ suý, làm hại nhân dân; người trong thiên hạ nhất định sẽ còn cho ông là beo, sói, điều quạ. Bảo là tàn hại cũng chưa phải là quá đáng. Nay ông dựa vào thế lực nước ngoài, cũng giống như cáo mượn oai hùm. E rằng lòng người còn nhớ họ Trịnh, chắc sẽ có ngày sinh biến. Và lại, mai đây người ta bỏ ông mà về; bấy giờ ông lấy cái thân còn con để cống cái tội tày trời, làm sao mà đứng vững được với thiên hạ?

Chinh giận nghiêng răng lại, nhưng vẫn còn làm ra vẻ mặt tươi cười mà rằng:

- Vậy thì ông bạn của giống beo, sói, điều, quạ nên làm thế nào bây giờ?

Long đáp:

- Ông ra chuyện này, chẳng qua muốn vì ngài trấn thủ trước (chỉ quận Huy) mà trả thù bọn kiêu binh. Nay kiêu binh đã diệt, ấy là chí ông đã thỏa. Nếu ông có thể nhanh chóng xoay lại đường lối đã định, khéo điều đình với quý quốc, khiến cho họ mãn nguyện mà rút quân về rồi ông ở lại, chọn trong tôn thất họ Trịnh lấy một người khá, lập nên làm chúa, còn ông thì sẽ làm phụ chính. Đó thực là cái công không mấy đời có vậy!

Chinh nói:

- Đúng! Nhưng để tôi nghĩ xem đã. Bây giờ ông hãy về nhà, đi tìm người nào đáng nói, rồi liệu mà sửa lời nói cho khéo, đợi lúc người ta thích nghe, thì ông có thể dùng lời nói mà làm cho mình được vẻ vang đấy!

Long ra khỏi, Chinh bảo với mọi người chung quanh:

- Ròng [nghĩa của chữ "long" (tên Đỗ Thế Long)] thì phải đưa xuống nước, không nên cho ở trên cạn để nó làm mê hoặc thiên hạ.

Rồi Chinh sai người chặn bắt Long ở ngoài cửa, trói lại, đem ra chìm xuống giữa dòng sông Nhĩ-hà.

Lại nói, nguyên soái Tây Sơn ngay từ lúc mới đến Vị hoàng, đã làm tờ tâu nói rõ về ý tôn phò và đã sai người bí mật dâng lên nhà vua. Người ngoài cũng nghe phong thanh chuyện đó. Nhưng phần đông đều cho rằng lòng giặc khó lường, lời nói suông chưa thể tin được. Bởi vậy, khi ấy quan, quân, lại, sĩ ở kinh thành ai cũng tranh nhau mà chạy trốn. Người nào còn bận việc quan hoặc còn đang mắc có gì khác, chưa kịp ra ngoài thành thì đến ngày 26, cũng hốt hoảng đeo bọc mang hòm chuồn ra nốt.

Nhân lúc rối ren, dân chúng ở xung quanh kinh thành tha hồ rủ nhau đón đường cướp bóc. Ngựa xe, của nả của các họ hàng nhà chúa và của các đại thần, đại phu đều bị họ lấy sạch, không biết bao nhiêu người chỉ còn tro chiếc mình không mà chạy.

Còn bọn kiêu binh, sau khi tan vỡ đều phải chạy trốn đi các nơi. Nhưng chúng đến đâu cũng bị dân quê kẻ tội kiêu ngạo lộng quyền ngày trước và làm cho nhục nhã đủ đường, không có ai chứa chấp.

Bữa ấy, có một người cưỡi trần trùng trục cũng ở trong thành chạy ra, khi qua cửa ô bị dân chúng trông thấy, họ liền chỉ mặt mà nói:

- Thằng bụng phệ kia chẳng phải lính Nhưng, Kiêu (Nhưng và Kiêu là tên của hai cơ lính trong hàng ngũ kiêu binh hồi bấy giờ) là gì, lòi cổ nó lại mà đánh chết đi!

Người ấy vội đáp:

- Không phải, ta là huyện úy huyện Thọ Xương đây!

Mọi người cùng cười mà rằng:

- Người ta thường nói "bụng to như bụng ông huyện", thật không sai!

Người ấy cũng cười rồi đi.

Ngày hôm đó lính Thanh-Nghệ dắt díu nhau về quê, bị đói khát ở dọc đường, lại chết thêm đến hàng trăm tên.

Riêng có chi phái nhà vua, các gia thần nội điện, các lính tráng nội điện, cùng dân chúng ở phố phường quanh điện, thì vẫn yên ổn như cũ.

Đến ngày kinh đô bị mất, Bình vào thành, việc trước tiên là sai tỳ tướng đem một đội quân vây giữ cung điện. Lúc ấy hoàng thượng đang ốm, các hoàng tử đều hầu hạ ở trong điện. Thấy sân điện có quân lính đứng vây kín như bức tường, ngỡ là địch đến bức bách nhà vua, ai nấy vội vàng nâng hoàng thượng dậy, định diu ra vườn Tam Sơn ở mé sau điện mà trốn. Chợt thấy có viên tỳ tướng quì giữa sân, hai tay nâng tờ tâu lên trán để tiến dâng; gia thần nội điện vội chạy ra đón lấy và đem dâng vua xem. Trong tờ tâu, đại ý trước nói những lời thăm hỏi sức khỏe nhà vua, sau xin ngày khác sẽ vào ra mắt. Hoàng thượng xem xong tờ tâu, bấy giờ trong lòng mới yên.

Tình mơ sớm hôm sau, Bình và Chính cùng vào điện Vạn Thọ để ra mắt nhà vua. Quan hầu vào tâu, hoàng thượng đang ở trong điện, sai người vén màn lên, đưa Bình vào hầu ở sập ngự. Bình sụp xuống đất lạy năm lạy và rạp đầu vái ba vái. Hoàng thượng sai hoàng tử nâng Bình dậy, và mời đến ngồi vào một chiếc sập khác ở bên trái sập ngự. Bình nhún nhường không dám ngồi. Hoàng thượng phải hai ba lần dụ, Bình mới ngồi ghé vào một góc chiếu cuối sập, một chân bỏ thông xuống đất.

Hoàng thượng uly lạo hết sức ôn tồn. Bình nói:

- Thần vốn là một kẻ hèn mọn ở đất Tây Sơn, gặp thời nổi dậy, chưa từng được mặc áo của bề hạ, ăn lộc của bề hạ. Nhưng vì thánh đức của bề hạ tràn đi xa rộng, nên thần tuy ở chốn mọi rợ mà cũng vẫn một

lòng kính mến. Ngày nay được thấy mặt rồng, cũng là bởi tấm lòng chí thành như hoa quì (Bình muốn nói: lòng luôn luôn hướng về nhà vua như hoa quì luôn luôn hướng về mặt trời) của thần xui khiến ra vậy. Và lại, cũng vì họ Trịnh vô lễ, lấn ép nhà vua đã lâu, cho nên hoàng thiên mới mượn tay thần diệt trừ họ Trịnh, để tỏ oai quyền của bệ hạ. May được thành công như thế này, thực cũng là nhờ phúc lớn của bệ hạ đưa đến. Nay thần chỉ cầu mong thánh thể khỏe mạnh, coi trị thiên hạ, cho thần được hưởng nhờ chút phúc thừa.

Hoàng thượng đáp:

- Đa tạ ông có lòng quá hậu đối với quả nhân, trèo đèo vượt suối từ xa đến đây, thật là vất vả cho tôi tớ ngựa xe. Hiềm nỗi quả nhân ở ngôi thanh bạch giản dị, không có gì để biếu tặng.

Bình nói:

- Thần vì nghĩa tôn phò mà đến đây, đâu dám kể công lao. Và chẳng, chuyến này thần ra cũng là bởi ý trời, không phải sức người làm được. Nếu bảo là thần có hậu tình riêng với bệ hạ mà kéo quân ra, thì đành rằng quân lính, thuyền bè, thần có thể điều khiển được, nhưng đến chuyện nước lụt rút xuống, gió nổi mạnh lên, há phải sức thần làm nổi? Đó thực là mệnh trời muốn bệ hạ thống nhất bờ cõi, để lưu lại nền móng cho ức vạn năm sau. Từ nay thần xin bệ hạ sắp đặt giường mỗi, yên kê trong, nuôi kẻ ngoài, để đưa cõi đời này lên cảnh thái bình. ấy là thần được ban tặng nhiều lắm vậy!

Rồi Bình ngoảnh về phía Chính nói:

- Kia là bề tôi cũ của bệ hạ đây!

Chính liền ra trước sập ngự lạy chào.

Hoàng thượng phán cho Chính ngồi.

Bình lại nói:

- Ông này đội ơn tước lộc của bệ hạ tưởng chưa nhiều lắm. Vậy mà tấm lòng trung thành của ông ấy đối với bệ hạ, thật là có một không hai trong nước Nam. Thần được đến đây cũng chính là nhờ vào công sức giúp đỡ của ông ấy một phần lớn.

Hoàng thượng nói:

- Chính biết trung nghĩa như vậy cũng là do ông gây dựng cho.

Chính rập đầu rằng:

- Thật đúng như lời dạy của thánh thượng.

Hoàng thượng vỗ về, an ủi hồi lâu nữa, rồi Bình cáo từ mà rằng:

- Hiện giờ thánh thể không được khỏe lắm, ứng tiếp mãi e rằng sẽ mỏi mệt. Thần xin tạm lui về nơi đóng quân. Từ nay về sau, thỉnh thoảng thần lại xin vào châu. Nếu bệ hạ còn muốn hỏi han điều gì, thần xin cung kính đợi chờ thánh chỉ.

Hoàng thượng nói:

- Quả nhân có nước mà không được tham dự, khoan tay rủ áo đã hơn bốn mươi năm. Nay lại già lẫn, việc nước việc quân đều không quen thạo. Ông đã có lòng tôn phò, thì hãy nên ở lại tề quốc để giúp quả nhân, xin đừng ruồng bỏ!

Bình đáp:

- Thần chỉ vâng mệnh vua anh đi lấy Thuận Hoá; nay đã trót ra đây cũng là việc nhân tiện mà làm, thần không dám ở lâu. Tuy nhiên, vì bốn phương còn rối loạn, nên thần cũng phải đánh dẹp một phen cho yên đã rồi mới xin về.

Hoàng thượng sai trà đồng pha chè thết Bình. Bình ung dung uống chè, rồi lui ra. Chỉnh cũng ra theo.

Trong lúc ngồi chầu, Chỉnh nhận thấy các quan tản mát chẳng ra sao: Gia thần của hoàng thượng thì không có người nào ứng đối nên lời. Còn về hoàng thân, chỉ có Thanh nguyên hầu Lê Duy Thiệu, áng sơn hầu Lê Duy Phục, mà cũng đều là những kẻ tầm thường. Xem chừng không còn ra triều đình nữa. Về hàng quan văn, chỉ còn hai người là Lê Duy Tân và Lê Duy Chiêu thì lại đều là những kẻ lêu lổng ở Trường An, vì cùng khôn quá không cần phải trốn, mới vào nương nhờ trong nội điện, rồi nhân có Thanh nguyên hầu tiến dẫn, nên được hoàng thượng dùng để coi về việc giấy má. Đối với hai người này, bụng Chỉnh cũng đều không ưa. Chỉnh tự nghĩ: "Gần đây, những triều thần có tham dự chính sự và hàng ngày mình cũng đã biết, thì chỉ có Tứ xuyên hầu Phan Lê Phiên, Kiến xuyên hầu Trương Đăng Quĩ, Thao đường hầu Uông Sĩ Lãng (còn có tên là Uông Sĩ Diên), Luyện đường hầu Trần Công Thước, Thiêm sai Nhữ Công Diên, Hoàn quận công Nguyễn Hoàn, cả thảy sáu người". Chỉnh bèn tâu xin hoàng thượng ban sắc gọi đến. Hoàng thượng lập tức cho đi vời ngay mấy người ấy vào triều.

Phan Lê Phiên và Nhữ Công Diên bị cách chức, ở nhà đã lâu. Nguyễn Hoàn, Trương Đăng Quĩ, Uông Sĩ Lãng và Trần Công Thước đều ra lánh nạn binh đao ở ngoài thành. Khi có chỉ nhà vua đòi, các viên ấy đều vâng mệnh tới kinh, riêng Nhữ Công Diên lấy cớ mắc bệnh điên để từ chối.

Uông Sĩ Lãng thấy chiếu vua đòi, ngỡ có sự quở trách gì, trước khi vào chầu, vội đem chiếc ấn bộ Binh mà Lãng vẫn giữ, nộp cho Chỉnh để xin hàng. Nhưng Chỉnh trả lại ấn và bảo cứ ra. Thế là từ đó, các viên ấy ngày ngày lui tới triều đình để bàn việc nước. Những viên quan khác nghe tin, cũng đều lục tục đến kinh. Hoàng thượng liền truyền cho tất cả các viên quan trong triều đều phải tùy công việc mà giao thiệp với Bình.

Bình tự nghĩ rằng mình ở nước ngoài xa xôi mới đến, chưa am hiểu phong tục tập quán của xứ này; cho nên công việc giao thiệp với các quan trong triều, Bình đều nhất nhất nghe theo Chỉnh.

Một hôm Chỉnh nói với Bình rằng:

- Ngài lấy danh nghĩa tôn phò nhất thống mà ra đây thiên hạ ai cũng mong ngóng. Nhưng danh phải đi đôi với thực. Muốn cho nhất thống, thì những việc quân việc nước đều phải do hoàng thượng quyết định, đó mới là cái thực của sự phò tôn. Ngài nên làm cái gì cho rõ sự thực ấy đi. Hôm nọ, ngài vào ra mắt hoàng thượng ở điện Vạn Thọ, mới chỉ là việc gặp gỡ riêng, chưa được tỏ rõ với thiên hạ. Nay ngài nên chọn ngày lành, cử hành lễ chầu yết cho thiên hạ đều biết. Như thế mới là việc quang minh chính đại.

Bình lấy làm phải, bèn chọn ngày mùng 7 tháng bảy.

Đến ngày, Bình xin hoàng thượng mở cuộc đại triều ở điện Kính Thiên, các quan đều theo thứ tự đứng hầu. Bình tự dẫn các tướng sĩ theo cửa Đoan-môn đi vào. Sau khi đã lạy năm lạy và rập đầu vái ba vái, Bình dâng lên tờ tâu nói về công diệt họ Trịnh, cùng các sổ sách quân, dân để hoàng thượng sai quan coi giữ.

Hoàng thượng nhận lễ triều yết xong, truyền đưa tiễn Bình ra khỏi cửa điện, rồi bãi triều.

Hôm sau, hoàng thượng sai quan đem tờ chiếu đến tận chỗ đóng quân của Bình, phong cho Bình làm nguyên soái phù chính dực vũ, Uy quốc công.

Bình làm lễ bái mạng nhận phong xong, liền sai sứ vào triều tạ ơn, rất là chu đáo.

Nhưng sau đó, Bình bảo riêng với Chính rằng:

- Ta đem mấy vạn quân ra đây, chỉ đánh một trận mà dẹp yên được cả thiên hạ. Một thước đất, một người dân của nước Nam, không có cái gì không thuộc quyền sở hữu của ta. Ví phỏng ta muốn xưng đế, xưng vương, gì mà chẳng được. Sở dĩ ta nhường nhịn không ở những ngôi ấy, là hậu đãi nhà Lê đó thôi! Cái chức nguyên soái, quốc công, với ta có thêm được gì đâu? Phải chăng là nước Nam dùng cái danh hào ấy để lung lạc ta? Nếu ta không nhận thì e hoàng thượng bảo ta là kiêu căng. Song nhận mà không nói gì, thì người trong nước lại bảo ta là mọi rợ. Nên nhân tiện nói chuyện, thì ta cũng nói cho rõ mà thôi!

Chính biết ý Bình không bằng lòng, bèn bịa ra lời riêng của hoàng thượng rồi vờ tiết lộ với Bình rằng:

- Hoàng thượng đã có ý bảo riêng với tôi rằng: nhà vua đơn bạc, không có vật gì đáng tặng. Vẫn biết những cái danh tước nhỏ mọn, không đủ làm cho ngài sang thêm. Song vì tục lệ trong nước vốn chuộng lễ nghĩa, nên cũng gọi là tỏ chút lòng thành của hoàng thượng kính ngài mà thôi. Bản ý của hoàng thượng vẫn cho rằng mình đã cao tuổi, sợ sau khi ngài về, không thể nương tựa vào ai, nên người muốn nối liền tình thân hai họ, để cho hai nước đời đời kết tình thông gia giao hảo với nhau. Nhưng vì chưa hiểu ý ngài thế nào, nên hoàng thượng vẫn còn trù trừ chưa dám nói rõ.

Bình đáp:

- Xưa nay những kẻ chinh phu xa nhà, tình khuê phòng rất là cần thiết. Hoàng thượng cũng xét đến chỗ ấy kia à? ừ! Em vua nước Tây, làm rể hoàng đế nước Nam, "môn đương hộ đối" như thế, tưởng cũng không mấy người đã có được.

Mọi người ngồi quanh Bình đều cười.

Bình lại tiếp:

- Nhưng nói đùa đó thôi! ý nghĩ ấy của hoàng thượng thật là mưu kế già giặn. Người muốn cho hai nước hoà hiếu với nhau đấy mà.

Chính biết là Bình bằng lòng, bèn vào tâu với hoàng thượng, kể hết đầu đuôi như vậy, rồi lại hỏi xem con cái hoàng thượng hiện còn mấy công chúa chưa gả chồng.

Nguyên trong số những người con gái đẻ sau của hoàng thượng, còn có đến năm, sáu nàng công chúa chưa chồng. Nhưng chỉ riêng có một nàng tên chữ gọi Ngọc Hân, là người có sắc đẹp và nét na hơn cả. Hoàng thượng rất yêu quý Ngọc Hân, thường ngày vẫn nói: "Con bé này ngày sau nên gả làm vương phi, không nên gả cho hạng phò mã tầm thường!"

Lúc ấy nghe lời Chính nói, hoàng thượng trong bụng cũng ưng, bèn bảo Chính:

- Con gái chưa chồng của trẫm còn nhiều, nhưng chỉ có mình Ngọc Hân là có chút nhan sắc. Tuy vậy, thói thường yêu con vẫn hay thiên lệch, chưa biết ở mắt người ngoài thì ra sao. Người hãy ở đây, để trẫm đòi cả ra cho mà coi qua, rồi tùy người lựa xem người nào xứng đáng thì giúp cho thành việc đi!

Rồi hoàng thượng sai viên quan đứng hầu đi gọi các công chúa. Một lát, tất cả các cô con gái chưa chồng của hoàng thượng đều ra hầu ở trước ngự toạ. Chính liếc nhìn một lượt, rồi nói:

- Được rồi! Mỗi nhân duyên tốt lành này, thần xin làm mối, mười phần chắc xong cả mười.

Rồi Chính về nói với Bình:

- Câu chuyện riêng hôm qua tôi nói với ngài, nay tôi đã vào tâu với hoàng thượng, Người vui mừng mà bảo tôi rằng: Nếu đã được ngài bằng lòng cho như thế, âu cũng là duyên trời run rủi. Hiện hoàng thượng có nàng công chúa thứ chín, tuổi vừa đôi tám, xin cho nương bóng nhà sau, hầu hạ khẩn lược, để cho hai nước thành thông gia, đời đời hoà hiếu với nhau.

Bình nói đùa rằng:

- Vì đẹp loạn mà ra, để rồi lấy vợ mà về; bọn trẻ nó cười cho thì sao. Tuy nhiên, ta mới chỉ quen gái Nam Hà, chưa biết con gái Bắc Hà, nay cũng nên thử một chuyến xem có tốt không?

Những người cùng ngồi với Bình đều cười ầm.

Chỉnh ra về, Bình lại nói thêm:

- Tôi xin kính lạy dưới bệ hoàng thượng vạn tuế! ở nơi khe núi hẻo lánh xa xôi tới đây, há dám đường đột như vậy? Bây giờ may sao được bám vào cành vàng lá ngọc, thật là một mối duyên kỳ ngộ ngàn năm mới có. Kể ở khe núi này xiết bao mừng rỡ.

Chỉnh vào điện tâu lại với hoàng thượng. Hoàng thượng bèn gả công chúa Ngọc Hân cho Bình.

Bình chọn ngày mồng mười tháng ấy, sắp sẵn hai trăm lạng vàng, hai ngàn lạng bạc, hai chục tấm đoạn màu, bày biện gươm giáo cờ quạt; rồi sai viên thị lang bộ Hình đem các thứ lễ vật đó cùng một tờ tâu vào điện Vạn Thọ.

Hoàng thượng cho hoàng tử là Sùng nhượng công ra đó nhận lễ vật, làm lễ cáo ở nhà Thái Miếu, định ngày hôm sau thì đưa dâu. Rồi hoàng thượng lại truyền cho các hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ, ai nấy đều phải sửa soạn ngựa xe, sớm hôm đó đợi ở cửa điện, để đưa công chúa về phủ của Bình.

Sáng sớm hôm sau, Bình lại sai quan đem một tờ tâu vào triều, xin cho làm lễ nghênh hôn. Một mặt, Bình khiến quân lính đứng sắp hàng ở hai bên đường, từ cửa điện đến cửa phủ. Trai gái trong kinh nghe tin, rủ nhau đi xem đông như ngày hội. Ai cũng cho là việc hiếm có xưa nay. Khi xe của công chúa tới cửa phủ, Bình ngồi kiệu rồng vàng ra đón, hết thấy mọi thứ lễ nghi đều theo đúng như lệ thường ở các nhà. Sau khi công chúa vào cung, Bình sai đặt tiệc ở bên ngoài để thết các vị hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ đi đưa dâu. Trong tiệc, mọi người đều theo thứ bậc mà ngồi. Tiệc tan, Bình sắp riêng hai trăm lạng bạc, sai quan ngỏ lời kính tặng các vị nhà gái, và đưa tiễn ra tận cửa phủ. Các quan ra về, lại họp ở nhà công đường bộ Lễ, ai nấy đều khen nhà vua kén được rể tốt, và bảo nhau: "Thế là từ nay nước An-nam ta đã có một nước dâu gia".

Công chúa lúc mới về còn có vẻ bẽn lẽn e thẹn, nhưng sau rồi cũng quen. Hôm vào làm lễ yết các vị tiên hoàng đế ở nhà Thái Miếu, Bình và công chúa giống kiệu cùng đi, lúc lễ xong lại giống kiệu cùng về.

Bình vốn có tính kiêu căng, chợt hỏi công chúa:

- Con trai con gái nhà vua, đã có mấy người được vẻ vang như nàng?

Công chúa đáp:

- Nhà vua ít lộc, các con trai con gái ai cũng thanh bạch nghèo khó. Chỉ riêng thiếp có duyên, lấy được lệnh công (tiếng gọi tôn trọng, chỉ Nguyễn Bình), ví như hạt mưa, bụi ngọc bay ở giữa trời được sa vào chốn lâu đài như thế này, là sự may mắn của thiếp mà thôi!

Bình nghe câu ấy, thích thú lắm.

Đến ngày 14, bệnh của hoàng thượng đã nguy kịch. Bình muốn nhân lúc nhà vua đang còn sống, xin nhà vua nhận lễ chúc mừng về cuộc nhất thống để trong ngoài đều biết, cho trọn vẹn cái công tôn phò của mình. Bình bèn chọn ngày rằm để đặt lễ đại triều rồi dâng tờ tâu lên xin với hoàng thượng. Đúng ngày, triều đình bày cuộc đại nhạc ở mé đông và mé tây đàn trì (thềm sơn đỏ nơi cung điện nhà vua) Các lễ quan sắp đặt đồ nghi vệ cực kỳ trang trọng, rồi xin hoàng thượng ra ngự châu. Sau khi các hoàng tử đã diu hoàng thượng lên ngự tọa, ngoài điện nổ ba phát súng làm hiệu lệnh, trăm quan đều lần lượt làm lễ mừng. Lễ xong, hoàng thượng ban tờ chiếu nói về việc nhất thống sai đem dán ở ngoài cửa Đại hưng. Thần dân thiên hạ thấy vậy đều khen "phúc, lộc, thọ khảo" (Phúc là điều tốt lành, lộc là của cải, thọ khảo là sống lâu) của hoàng thượng thế là hoàn toàn tốt đẹp.

Sau ngày lễ ấy, bệnh của hoàng thượng càng nguy hơn, đã gần hấp hối. Công chúa mời Bình vào thăm, Bình nói:

- Nay tôi với hoàng thượng, nghĩa như cha con. Tôi thành thật muốn kịp thời vào thăm khi hoàng thượng còn sống, để chiêm ngưỡng mặt rồng, cho tỏ tấm lòng lưu luyến. Song, tôi mới từ xa tới đây, người trong nước chưa chắc đã tin hết cả. Hôm qua hoàng thượng ra ngự châu, ai biết thánh thể mang bệnh? Nếu như tôi vào thăm lại chẳng may đúng lúc Người về châu giời, há chẳng khiến cho tôi mang tiếng muôn đời với thiên hạ ư? Chi bằng, nàng cứ về thăm hoàng thượng và nói rõ với các anh em như thế, để ai nấy đều hiểu lòng tôi.

Công chúa Ngọc Hân bèn từ biệt Bình về cung thăm vua cha.

Đêm đó, hoàng thượng tinh thần tỉnh táo, bèn cho đòi hoàng tử tôn vào, dặn dò các công việc lớn lao của nhà nước, lại cho đòi công chúa Ngọc Hân vào để dạy bảo về đạo làm vợ. Trối trăng với con gái xong đầu vào đây, đúng giờ mao ngày 17, hoàng thượng băng ở điện chính tẩm. Bấy giờ hoàng thượng thọ 70 tuổi, ở ngôi vua được 47 năm.

Nhà vua râu rồng, mũi cao, tóc hạc, mắt phượng, đi nhẹ như nước, ngồi vững như non; tính nét hiền từ, giản dị. Khi còn làm hoàng tử, vì việc ông hoàng Lê Duy Mật chống lại họ Trịnh, nên nhà vua bị chúa Trịnh nghi ngờ, đem giam vào nhà viên nội thị Hồng quận công. Đến năm Canh thân (1740) Nghị tổ (tức Trịnh Doanh) lên làm chúa, quận Hồng ra trấn Sơn Nam, chúa liền chuyển nhà vua đến giam ở nhà cậu mình là Bính quận công (Vũ Tất Thận, cậu ruột Trịnh Doanh, em thái phi Vũ thị). Khi chưa có lệnh ấy của chúa, một đêm quận Bính bỗng mơ thấy thiên tử tới nhà, cờ quạt pháp phới, nhã nhạc vang lừng, rõ ra cảnh tượng của đời thái bình. Sớm hôm sau liền thấy quận Hồng cho giải hoàng tử đến giam ở nhà mình, quận Bính hết sức ngạc nhiên, nghĩ rằng giấc mộng lúc ban đêm không phải là chuyện tình cờ, bèn vào kể lại với chúa. Bấy giờ bốn phương đang loạn lạc, thế nước ngả nghiêng, chúa thấy điềm lành ấy, muốn nhờ vào phúc đức của nhà vua để dẹp cho yên thiên hạ, liền cho đón về, lập nên ngôi và đặt niên hiệu là Cảnh-hưng.

Sau khi nhà vua lên ngôi, bốn phương dần dần dẹp xong, thiên hạ lại bình yên. Chúa biết phúc của nhà vua rất lớn, nên càng hết sức tôn kính. Nhà vua cũng nhã nhặn, khiêm tốn, tin cậy vào chúa. Thịnh thái của chúa lại dâng tiến thức nọ thức kia, vì thế sự chi dùng của nhà vua cũng được thừa thãi.

Lúc nhà vua ở ngôi, chẳng qua chỉ rủ áo khoanh tay, tìm trò mua vui chứ không có việc gì phải lo. Nhà vua lại giỏi về các kỹ nghệ lật vật. Bao nhiêu cung điệu Nhạc phủ, nhà vua đều chế ra bài mới, âm thanh cực kỳ du dương, trong sáng. Thường khi nhà vua lại còn theo tranh Tam quốc, sai các cung nữ mặc áo trận, cầm giáo mác, chia thế trận ba nước Ngụy, Ngô, Thục, rồi dạy họ các cách ngồi, đứng, đâm, đỡ, để mua vui trong lúc thư nhàn.

Những năm tuổi già, nhà vua bị Thánh tổ Trịnh Sâm đè nén đủ đường, người khác hẳn phải tức giận không thể chịu nổi, nhưng nhà vua vẫn vui đùa như thường. Những người gần gũi nhà vua thấy vậy đều can ngăn. Nhà vua liền đáp rằng:

- Các người mới chỉ biết một mà chưa biết hai. Nhà vua đối với nhà chúa, hiện nay đang ở vào cái thế bị ngờ vực; nếu trẫm lấy việc mất quyền làm tức giận, thì nhà chúa ắt phải ngấm ngầm tính việc chẳng hay. Vì vậy, trẫm phải mượn hứng vui chơi như thường để tránh tai vạ đó thôi!

Có lần, nhà vua lại nói với các cung nữ rằng:

- Trong đời ta, thế nào cũng có phen được trông thấy cuộc nhất thống, nhưng đó chẳng phải là điều mà ta vui mừng.

Các cung nữ hỏi lại:

- Nhà chúa chèn ép như vậy, nếu chúa bại là may cho nhà vua, có sao bệ hạ lại không vui mừng?

Nhà vua đáp:

- Trời sai nhà chúa phò ta. Chúa gánh cái lo, ta hưởng cái vui. Mất chúa, tức là cái lo lại về ta, ta còn vui gì?

Khi Đoan nam vương Trịnh Tông mới lên làm chúa, bọn kiêu binh có lần đã nghĩ đến cái mưu tôn phò nhất thống và lên đến xin ý kiến nhà vua. Những người xung quanh cũng đã khuyên nhà vua nên nghe theo mưu ấy. Nhưng nhà vua nói:

- Ta vì thành thật nghe theo trời nên mới được như thế này. Những chuyện do ở mưu người xếp đặt, ta quyết không làm. Nếu kẻ nào còn dám nói đến chuyện đó, trẫm sẽ lôi sang cho chúa, để theo phép mà làm tội.

Vì thế, mưu ấy mới thôi.

Đến hồi này, thấy Bình làm việc tôn phò, nhà vua bề ngoài tuy mừng nhưng bề trong thì lại lo. Những việc giao thiệp, tiếp đãi đều là bất đắc dĩ.

Kịp đến khi bệnh nặng, nhà vua bảo với hoàng tự tôn rằng:

- Ta chỉ sớm tối là được trút hết gánh nặng, cái lo sẽ dồn cả vào thân mày, mày phải nghĩ tới điều đó!

Lúc sắp băng, nhà vua lại trời thêm:

- Sau khi ta nhắm mắt, việc nối ngôi là việc trọng đại, chuyện gì cũng phải bẩm qua với ông ấy, không được khinh suất.

Nói xong, nhà vua băng. Hoàng tự tôn bèn lên nối ngôi vua.

Trước đó, lúc công chúa Ngọc Hân mới về với Bình, Bình đã hỏi công chúa về đức tính của các vị hoàng tử. Người nào thế nào, công chúa cũng đều kể thật với Bình. Khi Bình hỏi đến nhân phẩm của hoàng tự tôn như thế nào, công chúa chưa thoát khỏi thói thường của người đàn bà, nghĩ bụng anh thân hơn cháu, lại sợ hoàng tự tôn sẽ cướp mất ngôi của Sùng nhượng công, bèn đáp:

- Nhân phẩm của hoàng tự tôn cũng tầm thường thôi!

Do đó, Bình có ý không thích hoàng tự tôn.

Đến khi bệnh của hoàng thượng đã tới lúc hấp hối, triều đình bàn nhau lập hoàng tự tôn, và sai người ra nói với Bình. Bình không nghe. Sứ giả quay về nói lại ý Bình, cả triều bàn bạc phân vân, chưa biết quyết định ra sao. Thành linh trong bọn có một người lớn tiếng nói rằng:

- Tự tôn không được làm vua, thiên hạ ắt loạn. Họ Lê sẽ mất, ấy là lỗi tại công chúa Ngọc Hân. Công chúa thực đã làm hại đến việc lớn của xã tắc, hãy xoá tên trong sổ họ đi, để cho công chúa về nước Tây Sơn mà yên hưởng giàu sang, họ ta chẳng thiếu gì một con người ấy!

Triều đình nhìn xem ai, thì té ra là hoàng thân Vượng quận công.

Công chúa sợ hãi, bèn về phủ xin với Bình. Bấy giờ Bình mới bằng lòng. Sau khi hoàng thượng băng, trăm quan bèn phò tự tôn lên ngôi.

Hôm ấy, Bình ở trong phủ, nghe tin hoàng thượng băng, liền sai lính thị vệ sắp sửa đồ nghi vệ, xe kiệu, để chờ khi hoàng tự tôn được lập rồi, nếu có ai bên họ nhà vua lại trình và mời sang lo việc tang, thì Bình sẽ sẵn sàng đi ngay. Nhưng hoàng tự tôn không hiểu ý đó, nên sợ phiền chẳng dám mời, mãi đến lúc khâm liệm xong xuôi và cho vào quan tài rồi, mới bẩm với Bình.

Bình giận vì không được mời trước, cho là hoàng tự tôn coi mình như người ngoài, bèn sai ngay người vào triều bắt phải hoãn lễ đăng cực (lễ lên ngôi vua), có ý muốn lập người khác. Sứ giả đến nơi thì lễ đăng cực đã xong, triều đình đem cái việc đã rồi ấy báo lại với Bình. Bình càng tức liền đòi công chúa về phủ, rồi mắng rằng:

- Tiên đế là vua chung của thiên hạ, không phải là vua riêng của hoàng tộc. Ta thương mến tiên đế, hôm qua vì tránh sự hiềm nghi không dám vào thăm; hôm nay muốn kịp lúc chưa khâm liệm, tới nơi để được thấy mặt ngọc, cho trọn cái tình bố vợ con rể; song tự dung ta đến, e rằng không phải phép. Sao hoàng tộc lại gạt ta ra ngoài, không thêm mời? Nếu không có ta, thử hỏi: Triều đình sẽ thành cái gì? Chính sự sẽ ra cái gì? Cớ sao lại dám sơ suất như vậy? Ta thử bỏ đây mà đi, xem hoàng tộc làm ăn ra sao?

Rồi Bình lập tức truyền lệnh cho các quân thủy, bộ sửa soạn hành trang, để sớm hôm sau rút quân về nước.

Công chúa khóc lóc xin Bình ở lại, một mặt ngầm sai người tỏ bày ý kiến với tự hoàng. Tự hoàng vội cho người ra phủ tạ lỗi và xin Bình ở lại. Bấy giờ, Bình mới thôi việc rút quân.

Đến ngày làm lễ thành phục, tự hoàng sai quan mời Bình vào tế.

Bình mặc đồ tang, đứng ở trên điện tế, coi xét lễ nghi hết sức chu đáo. Lúc đang tế, có viên tả phiên lại hơi có vẻ cười, Bình sai lính ngay ra chém. Đại khái đối với việc tang lễ, Bình hết sức kính cẩn như vậy.

Bấy giờ, Bình đã ngấm ngấm có ý định muốn về, bèn nói với các quan trong triều rằng:

- Tôi vâng mệnh vua anh đem quân ra ngoài cõi, đi hay ở không có kỳ hạn nhất định. Tôi vì nghĩa tôn phò mà tới đây, may mắn đã làm xong việc. Nay tôi là chàng rể, muốn ở cho hết đạo hiếu với bố vợ. Làm cho xong sớm việc tang tế kịp khi tôi chưa rút về, để cho trung hiếu vẹn cả hai bề, đó là ước muốn của tôi vậy.

Các quan đều nói:

- Chúng tôi xin vâng mệnh!

Rồi họ liền chọn ngày để đưa tử cung xuống thuyền.

Còn Bình thì suốt ngày đêm sửa sửa cho lễ táng, các đồ tế lễ tuy đơn sơ, giản dị, nhưng lễ nghi thì đều đầy đủ không thiếu sót gì.

Đến ngày đưa đám, Bình tự cưới voi, đem ba ngàn quân, hộ tống tử cung đến bến đò, rồi chờ cho lễ rước tử cung xuống thuyền xong xuôi đầu đày, mới quay trở lại.

Lúc công chúa Ngọc Hân về phủ, Bình nhơn nhơn ra về tự đắc mà rằng:

- Tiên đế có hơn ba mươi người con trai, ngày nay báo hiếu lại chỉ ở một người con gái, nào có ai giúp đỡ cho được may mắn? Người xưa thường bảo "Con gái làm rạng rỡ cho nhà cửa", quả cũng đúng thật!

Công chúa cảm tạ và nói:

- Nhờ công đức của thượng công, thiếp được báo hiếu với hoàng khảo, mở mặt với anh chị em. Tục ngữ vẫn nói: "Trai không ăn mày vợ, gái phải ăn mày chồng", chính là như thế đó!

Bình nghe nói, thích lắm. Chợt có tin báo vua Tây Sơn sắp ra. Bình vội sai Chinh cho dán yết thị khắp kinh thành, nói là: "Thiên vương tuần du ra Bắc để xem xét phong tục, khoảng mười ngày nữa sẽ tới. Vậy bố cáo cho cả trong ngoài đều biết". Một mặt, Bình sai người tâu với tự hoàng, xin cho văn võ trăm quan ra ngoài cửa ô đón tiếp.

Ngày mùng năm tháng Tám, vua Tây Sơn đến kinh thành (ở một bản khác, thấy có thêm một đoạn như sau: "Hoàng thượng thân hành ra đón ở cửa Nam-giao và sai quan khâm mạng đứng ở bên đường, sau đó ngỏ lời chào mừng, rồi đi về. Chúa Tây Sơn sai người đáp lại, rồi truyền đánh xe vào thành").

Vua Tây Sơn chẳng quản muôn dặm đường xa tới đây, mà coi bộ lại hết sức hồi hã, vội vã; mọi người đều không hiểu duyên cớ làm sao?

Thật là:

*Cá kình vượt biển giương vây nhảy,
Cọp dữ lìa rừng mượn cánh bay.*